

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

HOÀNG THỊ VÂN

**CẢM THỨC VĂN HÓA VIỆT
TRONG TÙY BÚT ĐỒ CHU**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

HOÀNG THỊ VÂN

**CẢM THỨC VĂN HÓA VIỆT
TRONG TÙY BÚT ĐỒ CHỮ**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Tuấn Anh

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của PGS. TS Vũ Tuấn Anh. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo. Ngoài ra, trong luận văn còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung luận văn của mình./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017

Học viên

Hoàng Thị Vân

LỜI CẢM ƠN

Luận văn thạc sĩ chuyên ngành văn học Việt Nam với đề tài “**Cảm thức văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu**” là kết quả của quá trình cố gắng không ngừng của bản thân và được sự giúp đỡ, động viên khích lệ của các thầy cô, bạn bè đồng nghiệp và người thân. Qua trang viết này, tác giả xin gửi lời cảm ơn tới những người đã giúp đỡ tôi trong thời gian học tập - nghiên cứu khoa học vừa qua.

Tôi xin tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đối với thầy giáo PGS.TS Vũ Tuấn Anh đã trực tiếp tận tình hướng dẫn cũng như cung cấp tài liệu thông tin khoa học cần thiết cho luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Phòng sau đại học, khoa Ngữ văn đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành tốt công việc nghiên cứu khoa học của mình.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, đồng nghiệp, đơn vị công tác đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và thực hiện Luận văn.

TÁC GIẢ

Hoàng Thị Vân

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	7
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	7
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Đóng góp của luận văn	8
7. Cấu trúc của luận văn	8
NỘI DUNG	9
Chương 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC - VĂN HÓA VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NHỮNG TRANG TÙY BÚT GIÀU CHẤT VĂN HÓA CỦA ĐỖ CHU	9
1.1. Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa.....	9
1.1.1. Văn hóa và cảm thức văn hóa.....	9
1.1.2. Văn học ẩn tàng những giá trị văn hóa.....	11
1.2. Đỗ Chu - nhà văn của những trang tùy bút - văn hóa xuất sắc	13
1.2.1. Tiểu sử và quan niệm sáng tác của Đỗ Chu	13
1.2.2. Từ truyện ngắn trữ tình đến tùy bút đậm chất văn hóa	17
Chương 2: VẼ ĐẸP VÀ CHIỀU SÂU VĂN HÓA VIỆT TRONG TÙY BÚT ĐỖ CHU	23
2.1. Nền tảng văn hóa Việt: hiện thực đất nước qua những chặng đường lịch sử.....	23
2.1.1. Những giá trị văn hóa kết tinh qua lịch sử	23
2.1.2. Tình quê hương, đất nước qua mỗi vùng đất.....	30

2.2. Chân dung con người Việt Nam - sự kết tinh văn hóa Việt.....	37
2.2.1. Những con người bình thường	37
2.2.2. Những tài hoa đất Việt.....	40
Chương 3: CÁI TÔI VĂN HÓA VÀ CÁI TÔI NGHỆ THUẬT: HÌNH	
TƯỢNG TÁC GIẢ	51
3.1. Cái Tôi văn hóa: Khám phá và tri âm.....	51
3.1.1. Người say mê đi tìm những giá trị văn hóa.....	51
3.1.2. Sự tri âm với cái đẹp, cái tài.....	56
3.2. Cái Tôi nghệ thuật: Phong cách tùy bút Đỗ Chu.....	65
3.2.1. Đặc trưng cấu trúc tùy bút và những dấu hiệu phong cách.....	65
3.2.1.1. Kết cấu vừa liên tục, vừa phân mảnh	66
3.2.1.2. Cấu trúc hình xương cá.....	68
3.2.1.3. Liên văn bản	70
3.2.2. Sự phong phú giọng điệu.....	73
KẾT LUẬN.....	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Hiện nay, văn hóa là một trong những vấn đề được quan tâm đặc biệt bởi tầm quan trọng của nó đối với sự phát triển của mỗi dân tộc. Vì vậy, việc xác định những giá trị văn hóa trong đời sống tinh thần của con người là cần thiết và có ý nghĩa. Văn học vốn được coi là gương mặt của văn hóa, tiêu biểu cho diện mạo và các giá trị văn hóa, nhất là văn hóa tinh thần. Mỗi tác phẩm văn học đều mang tính đại diện cho văn hóa, có khả năng nhận thức, phản ánh, sáng tạo, chuyển tải và giữ gìn văn hóa. Văn hóa không chỉ hiện diện trên bề mặt mà nó còn có khả năng chi phối, tác động ở chiều sâu đối với văn học, đặc biệt là đối với tâm thức sáng tạo của nhà văn. Tác phẩm văn chương vì thế mà thể hiện những cảm thức văn hóa nhất định. Thực tế cho thấy, nhiều tác phẩm văn chương mang cảm thức văn hóa, tạo thành một mảng màu khá đậm nét trong bức tranh toàn cảnh của nền văn học Việt Nam, trong đó phải kể đến những sáng tác của các nhà văn như: Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Bằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Đỗ Chu,...

1.2. Đỗ Chu đến với bạn đọc ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường với truyện ngắn *Ao làng* trích in trên Tạp chí Văn nghệ quân đội (1962). Từ đó đến nay ông vẫn sáng tác đều đặn, hiệu quả. Trên hành trình đến với văn chương, Đỗ Chu đã thử ngòi bút trên nhiều thể loại: truyện vừa, truyện ngắn, bút kí... Trong đó, truyện ngắn là thể loại làm nên sự đặc sắc của ông. Tuy nhiên với sự ra đời của tập tùy bút *Tản mạn trước đèn* (đã được nhận giải thưởng của Hội nhà văn năm 2005) và tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* (tháng 1/ 2008) trình làng ba năm sau, dường như đã phá vỡ “định mệnh” của một cây bút chuyên viết truyện ngắn. Đặc biệt là với sự xuất hiện gần đây nhất cuốn *Chén rượu gạo đày vò* (2013), Đỗ Chu đã đóng góp vào văn học nước nhà một tập tùy bút đầy bản lĩnh và tài năng, một cái nhìn mới về con người và cuộc sống trong chiều sâu văn hóa. Và đến nay, với những tác

phẩm đậm chất văn hóa này, Đỗ Chu trở thành một trong số ít các nhà văn hiện đại Việt Nam tạo được dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc. Với cảm quan văn hóa cao rộng, Đỗ Chu đã tạo dựng một thế giới nghệ thuật đặc sắc mà ở đó thiên nhiên, con người, tâm hồn dân tộc cùng hòa điệu trong nhịp trầm sâu văn hóa. Đặc biệt, trong thế giới nghệ thuật ấy, người đọc thấy nổi bật lên cảm thức văn hóa Việt của nhà văn Đỗ Chu. Dưới cái nhìn văn hóa, mỗi nhân vật mà Đỗ Chu nói đến trong tác phẩm đều mang trong mình những nét văn hóa truyền thống của dân tộc, thể hiện trong cách con người ứng xử với quê hương, với những giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc, với người thân bạn bè, đồng nghiệp và với chính mình. Họ là hiện thân của những giá trị văn hóa, là nơi bảo tồn và nuôi dưỡng văn hóa Việt, tâm hồn Việt. Các vấn đề về văn hóa - lịch sử, về xã hội và con người... được đặt ra trong tùy bút của Đỗ Chu đạt tới tầm triết lý nhân sinh, tới tầng sâu nhân bản.

1.3. Về tùy bút của Đỗ Chu, đã có một số bài viết, bài nghiên cứu rải rác trên báo chí, mạng internet tuy nhiên tính đến thời điểm này, tùy bút của Đỗ Chu vẫn chưa được tìm hiểu và nghiên cứu một cách có hệ thống. Vấn đề đặt ra là bên cạnh thành tựu về truyện ngắn cần đi sâu tìm hiểu tùy bút Đỗ Chu cũng là một thể loại ghi nhận thành tựu mới của nhà văn trong lao động sáng tạo, đặc biệt là những cảm thức về văn hóa được đặt ra trong tùy bút của ông. Trên cơ sở nghiên cứu tùy bút Đỗ Chu, luận văn góp phần khẳng định đóng góp của Đỗ Chu trong tiến trình phát triển của thể tùy bút nói riêng và văn xuôi đương đại nói chung cũng như việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa Việt.

1.4. Ngoài ra, trong sách Tiếng Việt của học sinh phổ thông, tên tuổi của Đỗ Chu đã được các em biết đến qua những đoạn văn tả cảnh mẫu mực về cách sử dụng ngôn từ và cú pháp. Vì vậy nghiên cứu tác phẩm của Đỗ Chu cũng là một việc làm thiết thực và bổ ích đối với những người làm công tác giảng dạy văn học.

2. Lịch sử vấn đề

Vào nghề viết từ năm 1962, khi mới 17 tuổi, đang là học sinh cuối cấp tại trường Hàn Thuyên, Đỗ Chu được chào đón như một cây bút tiêu biểu cho thế hệ mới với những truyện ngắn đầy phong vị trữ tình làm xao xuyến lòng người. Với hàng loạt các tác phẩm *Thung lũng cò*, *Hương cỏ mật*, *Mùa cá bột...*, Đỗ Chu tỏ ra là một cây bút truyện ngắn đầy hứa hẹn và nhận được sự đánh giá cao của các thế hệ trên văn đàn, các nhà nghiên cứu phê bình cũng như sự đón nhận nồng nhiệt của độc giả.

Tuy nhiên, khi Đỗ Chu cho ra đời tập tùy bút *Tản mạn trước đèn* rồi đến *Thăm thăm bóng người*, gần đây nhất là *Chén rượu gạo đầy vò*, bạn đọc lại nhận rõ “hóa ra tác giả của truyện ngắn trữ tình lại có tạng cảm xúc rất hợp với thể tài tùy bút”. Vì vậy, tìm đến thể tùy bút như một tất yếu, Đỗ Chu đã tự tay viết cho tác phẩm của mình “giấy thông hành” vào thế giới của nó. Và không kém so với những tác phẩm truyện ngắn trữ tình, tùy bút Đỗ Chu đã thu hút được sự quan tâm đông đảo của độc giả, đồng nghiệp cũng như giới nghiên cứu, phê bình văn học.

2.1. Những công trình, bài viết bàn về nội dung, phong cách nghệ thuật tùy bút của Đỗ Chu

Đi sâu, cận kề về tùy bút Đỗ Chu ở phương diện nội dung mà đặc biệt là ở nhìn nhận vấn đề con người, tiếp cận tùy bút *Thăm thăm bóng người*, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến trong bài *Thăm thăm bóng người - một thành tựu*, đã nhận định “cách nhìn *Thăm thăm bóng người* là cách nhìn nhân hậu, có nhiều chỗ có màu sắc tâm linh” [29].

Bằng cách liên tưởng với nhà văn Nguyễn Công Hoan, Hà Khải Hưng đã có những nhận xét sâu sắc về sáng tạo nghệ thuật của Đỗ Chu ở những trang tùy bút (*Dấu ấn Đỗ Chu trong Thăm thăm bóng người* trên báo Công an nhân dân điện tử, ngày 11/ 03/ 2008) [35].

Phan Huy Dũng trong bài *Đỗ Chu chiêm nghiệm về nghệ văn và nghệ thuật* in trên Tạp chí Nhà văn, số tháng 3/ 2007 cũng đã có những nhận xét về phong cách sáng tác của Đỗ Chu từ truyện ngắn đến tùy bút. Ông cũng đã nhận ra cái giọng “điềm tĩnh, khoan hòa” ấy của Đỗ Chu và khẳng định “đó là giọng của người đang tự nói với mình hay đang tâm sự rủ rỉ cùng bạn bè sau nhiều trải nghiệm” [21].

Đồng quan điểm ấy, Lý Hoài Thu trong bài viết *Hồi ký và bút ký thời kì đổi mới*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 10 năm 2008 cũng đã có nhận xét “trong tùy bút của Đỗ Chu, người đọc bắt gặp một thứ ngôn ngữ giản dị, chân phương, nhẹ nhàng song vẫn thấm đượm chất triết lý, suy tư” [59].

Tác giả Đỗ Đức đánh giá cao tùy bút Đỗ Chu ở sự sắc sảo trong văn phong qua tập *Thăm thăm bóng người*, ở lối viết mới mẻ, thanh thoát và đầy tự tin (bài *Ngày xuân đọc Thăm thăm bóng người của Đỗ Chu* in trên báo Văn nghệ, số 10, năm 2008) [24].

Trong bài *Nghiên cứu văn chương - hi vọng về những điều tốt đẹp*, Nguyễn Hòa đã ca ngợi văn phong Đỗ Chu “văn Đỗ Chu viết kĩ, đẹp cả về giọng điệu và những suy tưởng nhân tình” [34].

Nguyễn La trong bài *Cái Tôi trong tùy bút*, đã chỉ ra được một nét kết cấu độc đáo trong tùy bút Đỗ Chu. Đó là kết cấu theo kiểu “hình xương cá” [42].

Hoàng Thị Quỳnh Yên trong Luận văn thạc sĩ *Đặc điểm tùy bút Đỗ Chu* - bảo vệ tại Hội đồng Khoa học trường Đại học Đà Nẵng năm 2013 đã khái quát thể giới hiện thực, con người và nghệ thuật của tùy bút Đỗ Chu (*Những chân trời của các anh* - 1986, *Tản mạn trước đèn* - 2004, *Thăm thăm bóng người* - 2008).

Đỗ Thị Thu Hương cũng đã đề cập đến những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tập tùy bút *Chén rượu gạo đầy vò* trong luận văn thạc sĩ *Đặc sắc tùy bút Đỗ Chu qua Chén rượu gạo đầy vò* tại Hội đồng khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, năm 2015 [37].

2.2. Những công trình, bài viết bàn về chất văn hóa trong tùy bút Đỗ Chu

Khi bàn về tùy bút Đỗ Chu, lật trở phía dưới tầng sâu của những trang văn, các nhà nghiên cứu phê bình đều rất chú ý đến đặc trưng văn hóa. Hầu hết các bài viết, công trình đều nhận ra giá trị văn hóa mà Đỗ Chu đã dựng nên qua các hình tượng, chân dung, qua các trang sử và các miền quê mà nhà văn đi qua. Đó là những trần trở, suy ngẫm rất chân thành và đầy trách nhiệm của một người con đất Việt yêu mến nền văn hóa Việt kết tinh qua những trải nghiệm và sự cảm nhận tinh tế của một đời văn.

Trong bài viết *Đỗ Chu chiêm nghiệm về văn và nghệ thuật* in trên Tạp chí Nhà văn, số tháng 3/ 2007, Phan Huy Dũng cũng đã nhấn mạnh bản lĩnh văn hóa, những trần trở về nghề văn của Đỗ Chu. Phan Huy Dũng cũng đề cao đóng góp của tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* ở những điều gọi ra từ suy nghĩ của Đỗ Chu: “Điều khiến tác giả trần trở nhiều nhất là làm sao giữ vững được cốt cách nhà văn giữa náo động xô bồ, làm sao vun đắp cho mình một vốn văn hóa sau dày để mỗi trang viết luôn chở nặng tự tình dân tộc, luôn chất chứa niềm tự hào về cái đẹp, cái thanh cao của nghề, của nghệ thuật”. [21]

Thạch Linh trong bài *Đỗ Chu: Thăm thăm bóng người* nhận thấy vốn sống văn hóa thâm sâu và lối viết tùy bút nhẹ nhàng, sâu lắng của Đỗ Chu: “Đỗ Chu giấu cả trong mình một kho văn hóa dân gian, bác học, lịch sử, huyền tích, cái trông thấy và cái nghe thấy, cái sống và cái ngẫm, trộn tất cả vào mình rồi rút ra bằng những câu văn như kể chuyện mà như tâm sự, giải bày, khiến cho những điều ông nói ra được đọng lại day dứt, ngậm ngùi, có cả những điều khó nói cũng được ông nói ra nhẹ nhàng, sâu lắng” [44].

Nguyễn La cũng khẳng định: “Đỗ Chu cũng đủ cái biết đời để mà cắt nghĩa, lý giải, triết lý về sự đời. Đọc văn anh ta thấy yêu thêm cái văn hóa xứ mình” [42].

Hoàng Ngọc Hiến trong *Thăm thăm bóng người - một thành tựu*, Tạp chí Nhà văn, số 11 năm 2008 còn nhận định: “Trong *Thăm thăm bóng người* có

bóng ta. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân với những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đẩy, đứng chống đòn gánh, quang sách nặng, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông”. [29]. Đằng sau những bóng dáng ấy là dấu ấn của một thời đã qua, dấu ấn của những con người bình thường nhưng lớn lao bởi chính họ đã làm ra văn hóa, làm nên lịch sử.

Tác giả Nguyễn Thanh Hương tìm hiểu về hình tượng cái tôi văn hóa trong tùy bút Đỗ Chu qua khai thác cái tôi trữ tình công dân, cái tôi thế sự chủ yếu qua tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* và *Tản mạn trước đèn* trong luận văn thạc sĩ *Hình tượng cái tôi văn hóa trong tùy bút Đỗ Chu* [36], bảo vệ năm 2009 tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tóm lại, điếm qua những bài phê bình, bài báo của các nhà nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy nhìn chung các tác giả đều khẳng định tài năng của văn tài Đỗ Chu ở lĩnh vực tùy bút là không hề giảm sút so với truyện ngắn mà dường như sâu lắng hơn, tinh túy hơn và già dặn thêm nhiều. Mỗi bài viết đều có thể coi là một khám phá cái hay của tùy bút Đỗ Chu. Những nhận định cũng thường khái quát hoặc riêng lẻ một tập tùy bút.

Có thể nói, cho tới thời điểm này, tuy đã có nhiều bài viết nhắc đến chất văn hóa trong tùy bút Đỗ Chu nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu một cách có hệ thống về cảm thức văn hóa Việt của Đỗ Chu trong tùy bút (nhất là ở tác phẩm *Chén rượu gạo đầy vò* - xuất bản năm 2013). Trên cơ sở tiếp thu những ý kiến nhận xét, đánh giá của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi lựa chọn đề tài mới với tên gọi “*Cảm thức văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu*” bước đầu đưa ra một cách nhìn, cách đánh giá về cảm nghĩ, ý thức của Đỗ Chu đối với giá trị văn hóa Việt trong tùy bút. Từ đó góp phần khẳng định tài năng, phong cách cũng như vị trí của nhà văn Đỗ Chu trong đời sống văn học đương đại Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những cảm thức về văn hóa (nhận thức, tìm hiểu, cảm nhận, đánh giá các khía cạnh, nội dung, chiều sâu văn hóa Việt) của Đỗ Chu trong tùy bút (qua ba tập *Tản mạn trước đèn*, *Thăm thăm bóng người* và *Chén rượu gạo đầy vò*).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung khảo sát, nghiên cứu vấn đề văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu (qua ba tập: *Tản mạn trước đèn* (NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2005), *Thăm thăm bóng người* (NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2008) và *Chén rượu gạo đầy vò* (NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2013) .

Ngoài ra, chúng tôi còn nghiên cứu một số tác phẩm tùy bút khác cũng đậm chất văn hóa Việt để so sánh, đối chiếu. Chúng tôi cũng tham khảo một số sách lý thuyết, lý luận văn học và văn hóa làm cơ sở lý luận cho công trình nghiên cứu của mình.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu cảm thức văn hóa Việt qua các biểu hiện cụ thể được thể hiện trong tùy bút của nhà văn Đỗ Chu (*Tản mạn trước đèn*, *Thăm thăm bóng người* và *Chén rượu gạo đầy vò*)

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau đây:

1. Phương pháp phân loại và xác lập tư liệu để hệ thống một cách toàn diện các sáng tác tùy bút Đỗ Chu.

2. Phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm khái quát những nét đặc trưng nhất của tác giả, tác phẩm, làm rõ cảm thức văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu.

3. Phương pháp so sánh, đối chiếu: So sánh tùy bút của Đỗ Chu với tùy bút của một số nhà văn khác để thấy nét riêng của ông.

4. Phương pháp nghiên cứu liên ngành văn học - văn hóa: Khái niệm văn hóa, mối quan hệ gắn kết giữa văn học - văn hóa, khảo sát các yếu tố văn hóa trong tác phẩm văn học.

6. Đóng góp của luận văn

Thực hiện đề tài “*Cảm thức văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu*”, luận văn chỉ ra những phương diện, giá trị văn hóa Việt được Đỗ Chu cảm nhận, suy nghĩ, ý thức trong tùy bút. Từ đó, chúng tôi góp tiếng nói khẳng định vị trí và vai trò của Đỗ Chu trong thể tùy bút nói riêng cũng như trong dòng chảy văn học Việt Nam nói chung. Đồng thời, luận văn nhấn mạnh giá trị lưu giữ, bảo tồn và phát huy văn hóa Việt của văn học dân tộc.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, phần Phụ lục, nội dung của luận văn gồm ba chương.

Chương 1. Mối quan hệ giữa văn học - văn hóa và hành trình sáng tạo những trang tùy bút giàu chất văn hóa của Đỗ Chu

Chương 2. Vẻ đẹp và chiều sâu văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu

Chương 3. Cái Tôi văn hóa và cái Tôi nghệ thuật: Hình tượng tác giả

NỘI DUNG

Chương 1

MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC - VĂN HÓA VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NHỮNG TRANG TÙY BÚT GIÀU CHẤT VĂN HÓA CỦA ĐỖ CHU

1.1. Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa

1.1.1. Văn hóa và cảm thức văn hóa

1.1.1.1. Văn hóa

Bên cạnh Giáo dục và Đào tạo, Khoa học Công nghệ, Văn hóa có vai trò quan trọng, góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ IV của Ban chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định: văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với thiên nhiên. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy Đảng và nhà nước ta đã và đang chủ trương xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để làm được điều đó thì việc giữ gìn, phát huy và chấn hưng văn hóa dân tộc được đặt ra một cách cấp bách, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành, nhiều giới.

Khái niệm Văn hóa xuất hiện rất sớm ở phương Đông cũng như ở phương Tây. Trong thời kỳ Cổ đại ở Trung Quốc, văn hóa được hiểu là cách thức điều hành xã hội của tầng lớp thống trị dùng văn hóa và giáo hóa, dùng cái hay, cái đẹp để giáo dục và cảm hóa con người. Văn đối lập với vũ, vũ công, vũ uy dùng sức mạnh để cai trị. Ở nước ta, vào thế kỉ XV, Nguyễn Trãi cũng đã mơ ước một xã hội văn trị, lấy nền tảng văn hiến cao, lấy trình độ học vấn và trình độ tu thân của mỗi người làm cơ sở cho sự phát triển hài

hòa của xã hội. Ở phương Tây, từ Văn hóa bắt nguồn từ tiếng La tinh, có nghĩa là vun trồng, tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của con người.

Khái niệm Văn hóa về sau phát triển ngày càng phong phú. Tùy cách tiếp cận khác nhau, cách hiểu khác nhau, đến nay đã có mấy trăm định nghĩa khác nhau về văn hóa. Tuy khác nhau, nhưng các định nghĩa đó đều thống nhất ở một điểm, coi văn hóa là cái do con người sáng tạo ra, cái đặc hữu của con người. Mọi thứ văn hóa đều là thuộc về con người, các thứ thuần túy tự nhiên không thuộc về khái niệm văn hóa. Văn hóa là đặc trưng căn bản, phân biệt con người với động vật, cũng là tiêu chí căn bản để phân biệt sản phẩm nhân tạo và sản phẩm tự nhiên.

Khi tiếp cận khái niệm văn hóa, tùy từng mục tiêu, mục đích khác nhau của người nghiên cứu mà dựa trên các cách tiếp cận khác nhau và từ đó hình thành các định nghĩa khác nhau về khái niệm văn hóa. Xem xét mối tương quan giữa văn hóa và xã hội chúng ta có thể lựa ra bốn cách tiếp cận chủ yếu sau: tiếp cận giá trị học, tiếp cận hoạt động, tiếp cận nhân cách và tiếp cận ký hiệu học. Cả bốn góc tiếp cận này tuy khác nhau nhưng chúng đều dựa trên những nguyên tắc chung đó là dựa trên mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, dựa trên hình thái kinh tế xã hội và những nguyên tắc hoạt động của triết học Mác như nguyên tắc thực tiễn.

Trong công trình *Được sáng tạo bởi nhân loại*, Iu.V.Brôm-lây và R.C.Padô-lui đã khẳng định: “*Văn hóa trong ý nghĩa rộng rãi nhất của từ này, đó là tất cả những cái đã và đang được tạo ra bởi nhân loại*” [38]. Hoặc trong tác phẩm *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, tác giả Trần Ngọc Thêm đã định nghĩa: “*Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội*” [56]. Như vậy, với cách định nghĩa này thì nội hàm của khái niệm văn hóa bao gồm: những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm thỏa mãn các nhu cầu

của con người, vì con người và những giá trị mà con người sáng tạo ra đó phải mang tính nhân tính nghĩa là nó phải mang tính người.

Tóm lại, “*Văn hóa là những gì còn đọng lại trong chiều sâu tâm lý con người sau khi thời gian đã sàng lọc tất cả*”. Đề tài tập trung nghiên cứu cảm thức văn hóa trong tùy bút nên nó sẽ đi sâu vào tâm lý con người hơn. Vì ở đó đọng sâu những kí ức về một thời đã đi qua, những người đã từng gặp, một nơi từng đặt chân đến,... Và đó cũng là cảm hứng tùy bút Đỗ Chu.

1.1.1.2. Cảm thức văn hóa

Về khái niệm **cảm thức**, theo *Từ điển tiếng Việt* do tác giả Chu Bích Thu chủ biên (NXB thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002) đã giới thuyết về cảm thức như sau: “*Cảm thức là điều, sự hiểu được, nhận biết được bằng cảm quan, bằng cảm giác. Cảm thức là quá trình tìm hiểu, nhận biết sự vật, sự việc, hiện tượng bằng cảm tính*” [57, tr.27]. Như vậy, **cảm thức** là quá trình nhìn nhận, đánh giá sự vật, sự việc, hiện tượng trong tự nhiên hay những mối quan hệ xã hội, con người bị chi phối bởi yếu tố cảm tính chủ quan.

Nhìn chung, có thể thấy rằng, **cảm thức văn hóa** là một yếu tố thuộc về lĩnh vực tinh thần, đó là sự cảm nhận về những giá trị văn hóa của một cá nhân, một con người để rồi từ nền tảng đó hình thành nên cho mình một ý thức riêng. Ý thức đó có thể đưa con người ta đi đến hình thành một nhân cách lớn.

1.1.2. Văn học ẩn tàng những giá trị văn hóa

Văn học, nghệ thuật cùng với chính trị, tôn giáo, đạo đức, triết học, phong tục... là những bộ phận hợp thành của văn hóa. Theo nhà lý luận phê bình văn học Huỳnh Như Phương trong bài viết *Văn học và văn hóa truyền thống*: nếu văn hóa thể hiện quan niệm và cách ứng xử của con người trước thế giới, thì văn học là hoạt động lưu giữ những thành quả đó một cách sinh động nhất. Có thể nói, văn học là văn hóa lên tiếng bằng ngôn ngữ nghệ thuật.

Nhiều tác giả cũng cho rằng: văn học biểu hiện văn hóa, cho nên văn học là tấm gương của văn hóa. Trong văn học, người đọc thấy hình ảnh của văn hóa qua sự tiếp nhận và tái hiện của nhà văn. Đó là những phong tục, tập quán, tín ngưỡng trong tiểu thuyết *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh (tục thờ Thần Cây đa, Thần Thành hoàng, cách lên đồng, hát chầu văn, tục may chay, cưới hỏi, đạo Mẫu và tín ngưỡng phồn thực..), là bức tranh văn hóa dân gian trong thơ Hồ Xuân Hương (ca dao, tục ngữ, trò chơi dân gian, câu đố tục, giảng thanh...), đó là những nét đẹp văn hóa truyền thống trong tác phẩm truyện ngắn, tùy bút của Nguyễn Tuân (nghệ thuật thư pháp, uống trà...).

Ngược lại, văn hóa tác động đến văn học ở toàn bộ những khía cạnh liên quan đến hoạt động sáng tạo của nhà văn cũng như hoạt động tiếp nhận của độc giả. Với thế giới nghệ thuật của mình, bản thân mỗi người sáng tác là một sản phẩm văn hóa. Đồng thời, đứng trước mỗi tác phẩm văn học, bạn đọc cũng chịu sự chi phối về thị hiếu thẩm mỹ, quan niệm, điểm nhìn trong một môi trường văn hóa nhất định. Do vậy, không gian văn hóa không chỉ ảnh hưởng đến cách xử lý đề tài, thể hiện chủ đề, sử dụng hình ảnh, từ ngữ, xây dựng nhân vật, cốt truyện... trong quá trình sáng tác mà còn ảnh hưởng đến quá trình thưởng thức và đánh giá văn chương. Vì thế, chỉ có nền văn hóa cởi mở, bao dung mới tạo điều kiện cho văn học phát triển thuận lợi. Cho nên, văn học được coi là thước đo, là “nhiệt kế” (theo Huỳnh Như Phương) vừa kiểm định, vừa kiểm nghiệm chất lượng và trình độ văn hóa của một xã hội trong một thời điểm lịch sử nhất định.

Bên cạnh đó, nếu văn hóa chi phối hoạt động và sự phát triển của văn học thì văn học cũng tác động đến văn hóa, hoặc trên toàn thể cấu trúc, hoặc thông qua những bộ phận hợp thành của nó. Điềm lại lịch sử phát triển của bất kì nền văn học nào, ta cũng nhận ra một điều: những nhà văn tiên phong của dân tộc bao giờ cũng là nhà văn hóa lớn. Ở Việt Nam, chúng ta có thể kể

đến những tên tuổi như: Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Nguyễn Du... Họ dùng chính nghệ thuật ngôn từ của mình để khẳng định những giá trị văn hóa dân tộc đồng thời lên án, đấu tranh với những biểu hiện phi văn hóa.

Nhìn chung, giữa văn học và văn hóa có mối quan hệ mật thiết, hữu cơ với nhau. Để nghiên cứu văn học, người ta cũng chọn điểm nhìn văn hóa bên cạnh những cách tiếp nhận bằng xã hội học, mỹ học, thi pháp học... Và bằng cách đó nhận ra sự tiềm tàng của các giá trị văn hóa dân tộc. Vì vậy, có thể nói rằng, văn học ẩn tàng những giá trị văn hóa.

1.2. Đỗ Chu - nhà văn của những trang tùy bút - văn hóa xuất sắc

1.2.1. Tiểu sử và quan niệm sáng tác của Đỗ Chu

1.2.1.1. Khái quát về tiểu sử

Nhà văn Đỗ Chu tên khai sinh là Chu Bá Bình, sinh ngày 05 tháng 2 năm 1944 tại phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang. Ông bắt đầu viết truyện ngắn từ khi còn là học sinh trường Phổ thông Trung học Hàn Thuyên. Khi chiến tranh chống Mỹ nổ ra, Đỗ Chu rời ghế nhà trường, xung phong lên đường ra tiền tuyến, trở thành người lính cao xạ thuộc quân chủng Phòng không - Không quân. Đến năm 1965, ông tham gia học khóa II, trường Bồi dưỡng viết văn của Hội Nhà văn Việt Nam. Sau đó, đến năm 1975, ông chính thức công tác tại Hội nhà văn Việt Nam. Năm 2012, Đỗ Chu được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Đến nay, ông đã nghỉ hưu và trở về quê nhà sinh sống.

Đỗ Chu là một con người sống giản dị. Ông sống chan hòa, thân thiện với mọi người và gắn bó với quê hương. Ông cho rằng, chẳng qua đời mỗi chúng ta cũng giống như con chim gì đang nhảy nhót chấp chới trên ngọn sóng. Chỉ có ai lênh đênh ngoài khơi thì mới gặp loài chim ấy. Chẳng hiểu chúng đậu vào đâu mà sóng nổi, và nhờ đâu chúng vẫn cất tiếng hót giữa trùng trùng sóng gió. Kiếp người tương vậy mà nào có khác nhau là bao. Tôi

vẫn thấy có tiếng hát của em, tiếng gọi của chị trong mỗi ngày sống của mình. Ông không thích sự âm ỉ, ông im lặng sống và sáng tạo.

Đỗ Chu là một con người "bận rộn", bận rộn trong sự nhàn tản. Vốn dĩ ông là người chịu đọc, chịu ngắm ngời, ham la cà và cũng rất hay chuyện. Ông là nhà văn đa tài, có tâm hồn yêu thơ ca, am hiểu về thơ và khá sành về hội họa. Ông còn là một người nặng lòng với quê hương, xứ sở. Cuộc đời Đỗ Chu gắn bó với cái nôi văn hóa Kinh Bắc - nơi nhà văn sinh ra và lớn lên. Tuổi thơ của ông gắn bó với hội làng, với những phong tục tập quán và những con người thuần hậu, chất phác. Đây là mảnh đất sinh ra nhiều hiền tài đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Tất cả đã thôi thúc ông viết về quê hương, về đất nước về con người trong những trang tùy bút.

Theo đánh giá của đồng nghiệp, Đỗ Chu thông minh tới mức văn hóa như tự thấm vào người. Khi còn là lính cao xạ, trải qua những chuyến đi khắp mọi miền đất nước và nước ngoài, ông đã xây dựng cho mình một vốn sống dày kinh nghiệm và có được cái nhìn rất chân thực về cuộc sống.

1.2.1.2. Quan niệm sáng tác

Đỗ Chu là nhà văn thành công trong thể loại truyện ngắn và bút kí văn học. Phần lớn tác phẩm của ông đều lấy đề tài từ các làng quê, đạo lý của con người, phong tục tập quán, các giá trị văn hóa của dân tộc... Ở thể hệ sáng tạo của ông, một mình ông một đường thông dong.

Những tác phẩm tiêu biểu: *Hương cỏ mật* (tập truyện ngắn, 1963), *Phù sa* (tập truyện ngắn, 1966), *Tháng Hai* (truyện ngắn, 1967), *Trung du* (truyện ngắn, 1969), *Gió qua thũng lũng* (truyện ngắn, 1971), *Vòm trời quen thuộc* (truyện ngắn, 1969), *Đám cháy trước mặt* (truyện ngắn, 1970), *Mảnh vườn xưa hoang vắng* (truyện ngắn, 1989), *Những chân trời của các anh* (tùy bút, 1990), *Một loài chim trên sóng* (truyện ngắn, 2011), *Đỗ Chu truyện ngắn*

tuyển tập (2003), Tản mạn trước đèn (2004), Thăm thăm bóng người (2008), Chén rượu gạo đầy vò (2014)...

Đỗ Chu là một nhà văn sớm có ý thức về quan niệm sáng tác của mình. Ông cho rằng nhà văn phải có sứ mệnh tìm tòi, sáng tạo nên những tác phẩm văn học có giá trị, gắn liền với hiện thực đời sống. Theo ông, mỗi nhà văn cần phải đặt ra trong sáng tác của mình những câu hỏi lớn. Khi viết tùy bút, ông có quan điểm viết tùy bút, đi nhiều chưa quan trọng bằng đọc nhiều và nghĩ nhiều. Đi, có khi thậm chí phải cần đi ít hơn một chút còn để thời gian mà đọc và ngẫm nữa. Đỗ Chu không quan tâm đến hình thức khi viết. Ngay truyện ngắn ông viết cũng đã thoát ra ngoài khuôn khổ. Vì lẽ đó ranh giới giữa truyện ngắn và tùy bút khá mờ nhạt. Sự hòa nhập và giao thoa giữa hai thể loại tạo cho văn Đỗ Chu một phong cách rất riêng.

Đỗ Chu từng chia sẻ một trong những vấn đề cốt lõi của người cầm bút là cảm xúc. Ông cho rằng trang viết của mình là hết sức, là thật đối với mình, dám nói một điều mà trước đây kiêng kị, gượng nhẹ mà chưa dám. Tóm lại đã dốc tuột lòng mình, một sự thật nào đó của mình, có nghĩa là nhà văn trong từng trang viết, thậm chí nhiều khi chỉ từng đoạn. Khi nào còn e ngại, phân vân, còn phải chiếu cố đến một điều gì, lúc đó ta chưa phải là nhà văn. Với ông, đã là nhà văn thì phải sống thật với cảm xúc của mình, yêu công việc và cái nghiệp của mình. Ông quan niệm tùy bút thể hiện cái đẹp, làm đẹp cho đời. Nhà văn phải có những đóng góp riêng bằng sứ mệnh của mình trong đời sống chung rộng lớn. Nhà văn mang cái nhạc chữ, nhạc ý tứ, nhạc tình cảm của bản thân mình để hát lên, góp phần làm đẹp cho cây đời. Thực tế cuộc đời và sự nghiệp sáng tác tùy bút của ông đã chứng minh quan niệm ấy. Trong chiến tranh, ông luôn đi tìm vẻ đẹp của người lính, những con người tham gia chiến tranh. Đến khi đất nước hòa bình, ông góp phần tái hiện cuộc sống hiện thời hậu chiến với những mảng sáng tối muôn màu, muôn vẻ.

Ngoài ra, nhà văn cũng tâm sự về cái duyên đến với văn chương của mình. Có lẽ, ông viết văn cũng bởi ông muốn viết hộ chính mình. Ông xem việc cầm bút chẳng qua cũng chỉ để bày tỏ tâm tình của mình, bày tỏ với mọi

người xung quanh, nhưng trước hết là phải bày tỏ với chính bản thân mình. Theo ông, nghề viết văn đòi hỏi sự tỉ mỉ, tâm huyết, sáng tạo và rất tự trọng với công việc. Do đó, không ít lần nhà văn trần trở cách tân lối viết, lối nghĩ. Ông quan niệm là một nhà văn thì phải biết xấu hổ mới viết hay được và bề dày của mỗi tác giả là uy tín văn chương. Nhà văn phải không ngừng cố gắng, không ngừng nâng cao trách nhiệm trước những trang sách của mình để làm ra những tác phẩm đầy đặn cả về nội dung và hình thức. Với vai trò trách nhiệm của người nghệ sĩ đứng trước cuộc sống, trong tùy bút ông luôn đặt ra câu hỏi lớn cho mình, đó là phải làm sao để nói được hết những gì mình nghe, mình nhìn, mình thấy và mình nghĩ. Với tất cả ý thức của mình, nhà văn trước tiên phải cố gắng là một trí thức. Xin nhớ là trước mọi việc của đời sống, anh phải biết đặt ra những câu hỏi lớn, chứ không phải lúc nào cũng hót hải, léng phéng chạy đi tìm câu trả lời. Xã hội đặt cho anh nhiệm vụ đi tìm những câu hỏi nghiêm trang nhất, vì con người nhất. Đây là một điều đáng suy nghĩ giúp hình thành nên quan niệm về tùy bút của Đỗ Chu.

Từ sau năm 1975, Đỗ Chu có cái nhìn khác hẳn về vai trò của hiện thực, khả năng phản ánh hiện thực đời sống trong văn học. Ông phát biểu rằng cái chân đế của một tác phẩm là gắn bó với đời sống, và tác giả phải gia tăng độ sâu sắc của hiện thực trên những trang viết. Lối viết nương tựa vào ấn tượng chủ quan không gây hiệu quả nữa. Nhà văn coi trọng nguồn mạch được tinh luyện qua trí tuệ và tài năng của nhà văn hơn là việc phản ánh, mô phỏng máy móc hiện thực. Đỗ Chu là người không dụng công tìm kiếm đề tài và thể loại. Trước sau nhà văn vẫn coi trọng yếu tố cảm xúc làm mạch nguồn dẫn dắt cho tứ truyện của mình.

Coi việc viết là “*một công việc rất thiêng liêng*”, nhà văn đã xác định ngay từ ban đầu cho mình một lối viết đặc sắc trong tùy bút, đó là một phong

cách “*trữ tình đậm chất thơ, tinh tế, hài hòa*” với giọng văn ngọt ngào da diết, triết luận sâu sắc và mang tính đối thoại, chia sẻ cùng độc giả. Hầu như các nhân vật trong tùy bút của Đỗ Chu đều có một cốt lõi tính cách giống nhau. Tất cả, đã trưởng thành, đều có những phẩm chất tốt đẹp, đáng yêu, đều là những con người có nhân cách cao cả, đang sống hết mình, hòa mình vào cuộc sống hàng ngày bằng tất cả sức lực và tình yêu cuộc đời. Với những quan niệm đầy ý nghĩa nhân văn về người nghệ sĩ khi sáng tác, về sự đổi mới theo dòng lịch sử của thể loại tùy bút, cùng những cái nhìn cảm quan trong sống trong xã hội hiện đại ngày nay về các vấn đề quê hương, giáo dục, thời đại... đã kết tinh để tạo nên một phong cách nghệ thuật tùy bút rất riêng biệt mang tên gọi - Đỗ Chu.

Nhà văn Đỗ Chu quan niệm nhà văn cũng có lúc bế tắc, không viết nổi một dòng, và cứ không viết được thì đi, cứ đi cái đã, sống cái đã. Vì vậy, ông không bao giờ bằng lòng với những gì mình đang có mà luôn tìm tòi, phát hiện và đã viết thì viết rất kỹ.

Ông luôn đưa vào trong tác phẩm của mình những vấn đề mà ông quan tâm. Dù ở thể loại nào thì ông vẫn giữ cho mình một chất riêng. Đó là một văn phong trữ tình, đắm thắm với nhịp điệu khoan hòa, trầm tĩnh, hướng về đời sống xã hội, con người, nhất là những giá trị văn hóa dân tộc. Như vậy, những trang viết của ông mang đậm tính dân tộc, đậm chất văn hóa Việt.

1.2.2. Từ truyện ngắn trữ tình đến tùy bút đậm chất văn hóa

Ông là nhà văn sáng tác trên nhiều thể loại. Ban đầu ông cho ra đời hàng loạt truyện ngắn và được bạn đọc đón nhận rất nồng nhiệt. Sau này đến với tùy bút, Đỗ Chu đã có sáng tác đầu tay với tên gọi *Những chân trời của các anh* (1986), tiếp đến là *Tản mạn trước đèn* (2004), *Thăm thẳm bóng người* (2008) và mới đây nhất là *Chén rượu gạo đầy vò* (2013).

Tuyển tập đầu tay *Những chân trời của các anh* (1986) tập hợp 14 tác phẩm viết từ những năm đất nước mới giải phóng cho đến khi cả nước bắt tay xây dựng cuộc sống mới. Tuyển tập không chỉ là bản anh hùng ca, ca ngợi những người lính đã làm nên lịch sử mà còn là bức tranh cuộc sống đang đổi thay từng ngày, từng giờ như những mầm non đang đâm chồi, nảy lộc khi xuân về. Cảm hứng sử thi cũng thấm đượm trong từng trang viết. Tiếp đến *Tản mạn trước đèn* là tập tùy bút gồm 15 sáng tác đầy suy tư và chiêm nghiệm, là tâm thế của con người đã trải qua những biến động, đổi thay của đất nước và bây giờ “chong đèn” nghĩ về cách mạng, về bạn bè, người thân, về chuyện xưa, chuyện nay, với những triết lý lớn về nhân tình, thế sự. Tháng 1 năm 2008, Đỗ Chu tiếp tục ra mắt bạn đọc tập tùy bút *Thăm thăm bóng người*, có độ dày trên 300 trang và được xem là trang sách của người thấp lửa. Ở đây, người ta thấy vẫn tiếp nối đề tài về đất nước, con người và những vấn đề xã hội đương thời nhưng cách viết có phần nhẹ nhàng, gần gũi, thấm thía và có chiều sâu hơn. Những bài học về đối nhân xử thế, những giá trị nhân văn cũng được tác giả khơi gợi một cách tự nhiên, thâm trầm mà không kém phần sâu sắc. Gần đây nhất, năm 2013, Đỗ Chu cho ra đời tập tùy bút *Chén rượu gạn đáy vò*.

Tùy bút là một tiểu loại thuộc thể ký, mang những đặc trưng của thể ký. Tuy nhiên tùy bút lại tương đối tự do, linh hoạt và phóng túng hơn các tiểu loại khác. Ngoài chức năng thông tin, tính sự kiện thì tùy bút còn có khả năng chuyển tải kí ức, cảm xúc của con người. Phải là người có quan niệm sáng tác, có cốt cách riêng, có độ chín và tài năng và bản lĩnh mới ghi được tên tuổi của mình trên danh bạ của thể loại này.

Nói đến tùy bút, *Từ điển thuật ngữ văn học* định nghĩa: “*Tùy bút là một thể loại văn xuôi phát sinh từ thể loại ký, gần với bút ký nhưng cách viết tự do và tùy hứng hơn nhiều. Nhà văn dựa vào sự lôi cuốn của cảm hứng, có thể nói là từ sự việc này sang sự việc khác, từ liên tưởng này sang liên tưởng kia để*

bộc lộ những cảm xúc, những tâm tình, phát biểu những suy nghĩ, những nhận xét về con người và cuộc đời. Bản ngã của nhà văn thể hiện trong tùy bút gần như trong thơ trữ tình” [32].

Các tác giả đều quan niệm: “Tùy bút là một thể thuộc loại hình hình ký, rất gần với bút ký, ký sự. Nét nổi bật ở tùy bút là qua việc ghi chép những con người và sự kiện cụ thể có thật, tác giả đặc biệt chú trọng đến việc bộc lộ cảm xúc, suy tư và nhận thức, đánh giá của mình và con người về cuộc sống hiện tại. So với các thể tài khác nhau của ký, tùy bút vẫn có không ít những yếu tố chính luận và chất suy tưởng triết lý. Cấu trúc của tùy bút nói chung không bị ràng buộc, kết thúc bởi một cốt truyện cụ thể, song nội dung của nó vẫn được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng nhất định. Ngôn ngữ tùy bút giàu hình ảnh và chất thơ” [32].

Các nhà nghiên cứu trong Lý luận văn học lại cho rằng: “Tùy bút là thể loại văn xuôi phóng khoáng. Nhà văn theo ngọn bút mà suy tưởng trần thuật, nhưng thực chất là thả mình theo dòng liên tưởng, cảm xúc mà tả người, kể việc. Cái hay của tùy bút là qua bộc lộ cảm xúc, nhận xét, suy tưởng của tác giả, làm hiện lên một nhân cách, một chủ thể giàu có về tâm tình, sắc sảo về trí tuệ. Các sự vật, hiện tượng, con người được nhắc đến để làm cơ sở, nguyên cơ, kêu gọi cái tôi suy nghĩ và trữ tình” [45].

Nhìn chung, các ý kiến đều thống nhất ở chỗ tùy bút là một thể loại thuộc thể ký, **mang những đặc trưng của thể ký**. Nó là một thể loại tương đối **phóng khoáng, viết theo những cảm hứng** trong suy nghĩ của chính mình. Sự việc hiện tượng trong đời sống là điểm tựa để người viết **gửi gắm cái Tôi cá nhân**, những cảm xúc nhạy bén, tinh tế, những tâm tư nhiệt huyết hay cả những trực cảm, dự báo sâu thẳm về thế giới nội tâm của con người.

Trong cuốn sách *Những bài giảng về các tác gia văn học Việt Nam hiện đại*, GS. Nguyễn Đăng Mạnh khẳng định: “*Đặc điểm của tùy bút là giàu tính trữ tình. Nghĩa là tác giả được phép trực tiếp bộc lộ cảm nghĩ của mình thông qua cái Tôi chủ quan mà phản ánh hiện thực*” [49]. Ông còn quan niệm: “*Trong văn học, có lẽ đây là thể tài chủ quan và tự do nhất*”, đồng thời nhấn mạnh: “*người viết thường mượn có thuật lại một sự việc hay một mẩu chuyện nào đó mà mình trải qua để nhân đấy nêu lên những vấn đề khác mà bàn bạc, mà nghị luận, triết luận, ném ra những suy tưởng của mình một cách thoải mái, phóng túng*” [49].

Nhà văn Nguyễn Tuân khi nói về tùy bút đã đưa ra nhận định: “*Tùy bút là viết tùy theo bút, theo cảm hứng*” [63]. Theo nhà văn, sinh mệnh của tùy bút phụ thuộc vào cảm xúc. Sự thật chỉ là cái cớ để nhà văn bày tỏ suy ngẫm về cuộc đời, trải lòng mình trên từng trang viết. Nói như vậy không có nghĩa đây là một thể loại dễ viết. Nếu người viết tỏ ra kém bản lĩnh hay thậm chí là non tay sẽ gây cho bạn đọc cảm giác nhàm chán bởi sự kể lể dài dòng.

Ngoài ra, tác giả Nguyễn Hoàng Sơn cho rằng: “*Tùy bút rất gần với thơ, nó biểu đạt về cảm xúc là chính. Viết tùy bút cũng như cách làm thơ từ cách làm đề tài, lập tứ, ngôn ngữ, hình ảnh... chỉ khác làm thơ là diễn tả nó bằng hình ảnh mà thôi*” [52].

Tất cả các quan niệm, ý kiến trên về tùy bút đều thống nhất cho rằng: tùy bút là một thể văn xuôi - tự sự trữ tình, giàu chất thơ. Chính vì đặc điểm này mà các nhà nghiên cứu lý luận văn học đã xếp thể loại tùy bút vào loại tác phẩm bên cạnh thơ văn xuôi, ca trù, từ khúc. Ở đây, nhà văn có thể tìm kiếm sự kích thích sáng tạo và tìm kiếm nội dung ở bên trong bản thân mình, tập trung vào những tình thế, trạng thái, xúc cảm và dự vọng nội tại của trái tim và tinh thần mình. Vì thế, đọc tùy bút, rất dễ dàng nhận thấy các chi tiết, sự kiện, vấn đề của cuộc sống, con người hiện tại luôn tồn tại liền mạch với cảm xúc của nhà văn được thể hiện trong đó. Sự biểu cảm của nhà văn được biểu

hiện thông qua sự chân thực và sinh động của hiện thực cuộc sống mà nhà văn đã mô tả. Như vậy, chúng ta không thể phủ nhận màu sắc gián tiếp của sự biểu cảm trong tùy bút.

Với tính chất tự do cả về tâm linh lẫn hình thức, tùy bút có khả năng rất lớn để tiếp cận được hiện thực của cuộc sống, những vấn đề có tính thời sự đang được quan tâm. Với tùy bút, nhà văn có thể tự do kết hợp những quan điểm tiếp cận thực tế, những phương thức nhận thức rất khác nhau để bất ngờ chạm đến được những điểm thú vị của hiện thực đời sống cũng như tiềm thức, tâm linh văn hóa của con người. Các vấn đề về đời sống, văn hóa dân tộc, các vấn đề mang tính chính trị hết sức nhạy cảm được thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau, với nhiều dạng vẻ phong phú. Đặc biệt, khi nó phù hợp với cá tính, khả năng xử lý nghệ thuật linh hoạt, sáng tạo của các nhà văn, tùy bút đã phát huy sức mạnh to lớn của nó trong việc biểu lộ các giá trị tác phẩm cũng như tài năng của chính chủ thể sáng tạo. Tất nhiên việc sắp xếp các sự việc, sự kiện, con người thành một hệ thống cốt truyện theo một kiểu tư duy chặt chẽ nào đó thường ít xuất hiện trong tùy bút mà thường là tất cả sẽ tuân thủ logic của dòng cảm xúc, cảm hứng của chủ thể sáng tạo.

So với các thể loại khác, đội ngũ sáng tác tùy bút còn khá khiêm tốn. Trong văn học Việt Nam từ trước Cách mạng đến nay, số lượng nhà văn đứng được ở thể tùy bút không nhiều. Nhưng rõ ràng với tư cách một thể loại văn chương, tùy bút đã có quá trình hình thành và phát triển, kế thừa và cách tân, với những đặc trưng nghệ thuật chịu ảnh hưởng sâu sắc cả về phương Đông lẫn phương Tây. Người sáng tác tùy bút được hướng đạo bởi cái đẹp, trí thức uyên thâm, tư duy triết luận sắc sảo, năng lực nội cảm mạnh mẽ. Tùy bút là phương thức đối thoại thẩm mỹ của người nghệ sĩ cuộc đời, đồng thời làm sống dậy phẩm chất yêu nghệ thuật văn chương trong lòng độc giả. Vì thế, xét trên phương diện thể loại và những nét đặc trưng của nó qua các chặng đường

thời kì, giá trị của tùy bút càng được nhìn nhận cao hơn nữa về vị trí của một thể loại văn xuôi trữ tình - tự sự trong văn học Việt Nam.

Bạn đọc nhận thấy trong những trang tùy bút Đỗ Chu những điều bình dị, quen thuộc. Đó là những miền đất ghi dấu những trang sử hào hùng nhưng cũng đầy chất thơ: một Điện Biên mây trắng, một Hà Nội hào hoa, một Tây Nguyên nắng gió, một Sa Pa mù sương. Đó là những dòng sông quê hương gợi nhớ bao kỉ niệm: sông Cầu, sông Thương, sông Tiêu Tương... Ta còn gặp gỡ với biết bao người nghệ sĩ tài năng, những nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học và cả những con người bình thường mà nhân cách cao đẹp. Tất cả đã để lại cho dân tộc ta niềm kiêu hãnh, tự hào.

Ngoài ra, Đỗ Chu say sưa đi tìm, phát hiện và khẳng định các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Ông nói những lời tâm sự tận đáy lòng mình vừa ngọt ngào lại rất đỗi thân thương. Có lẽ, qua những dòng văn ấy, nhà văn muốn cùng người đọc khám phá con người, khám phá cuộc đời. Cái đẹp cứ thể hiện lên và để lại ấn tượng sâu sắc. Tình người ấm áp, tình yêu quê hương đất nước tha thiết, tình quân dân nồng nàn, tình đồng chí, đồng đội đậm thắm, những thứ tình cảm bình dị thời chiến tranh, những câu chuyện thế sự thời nay... Tất cả trở thành vẻ đẹp văn hóa Việt cần được bảo tồn và phát triển.

Năm tháng trôi đi, Đỗ Chu vẫn lặng lẽ đi, lặng lẽ viết, gửi gắm mọi tâm tư, tình cảm vào tùy bút. Ông lang thang trong những hoài niệm, những dòng hồi tưởng, miệt mài đi tìm cái đẹp. Đây là một cách để chứng minh cho sự tri ân với cái tài, cái đẹp của cái tôi tùy bút Đỗ Chu. Mọi vấn đề của đời sống được nhà văn sử dụng với cảm quan văn hóa sắc bén. Đồng thời, ông đã kí thác vào tùy bút cái tôi văn hóa rất nhạy cảm, tinh tế. Phải chăng tùy bút là tâm huyết, là đưa con tinh thần tuyệt vời của một tâm hồn nghệ sĩ, của một nhà văn “suốt đời đi tìm các giá trị văn hóa”?

Chương 2

VỀ ĐẸP VÀ CHIỀU SÂU VĂN HÓA VIỆT

TRONG TÙY BÚT ĐỖ CHU

2.1. Nền tảng văn hóa Việt: hiện thực đất nước qua những chặng đường lịch sử

2.1.1. Những giá trị văn hóa kết tinh qua lịch sử

Thực tế đã chứng minh rằng nền văn hóa Việt Nam gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của dân tộc ta. Nhìn lại lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, từ thời vua Hùng dựng nước cho đến nay, ta thấy rằng các giá trị văn hóa Việt được kết tinh, lưu truyền, thấm sâu trong từng con người Việt, từng tác đất Việt... Đọc tùy bút Đỗ Chu, người ta nhận ra sự thống nhất trong những mảnh ghép mà ông nhắc đến. Đó là hiện thực của đất nước Việt Nam lắm đau thương nhưng cũng nhiều chiến công, kì tích. Nó trở thành nền tảng vững chắc của nền văn hóa Việt.

Đỗ Chu hết sức hào hứng với lịch sử và văn hóa Lý Trần. Không phải ngẫu nhiên mà Đỗ Chu cố gắng đưa ta trở về với hai triều đại được đánh giá là thịnh vượng nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Cùng với sự lớn mạnh về chính trị và kinh tế, các vương triều Lý, Trần đã chứng kiến một sự phát triển rực rỡ về văn hoá. Đây là giai đoạn thịnh đạt của nền văn hóa Đại Việt. Như Lê Quý Đôn đã nhận định “*Nước Nam Ở hai triều Lý, Trần nổi tiếng là văn minh*”. Đây là những thế kỷ phục hưng của nền văn hóa Việt cổ bản địa (văn minh Văn Lang - Âu Lạc) trên nền tảng của sự khôi phục độc lập dân tộc và sự giữ vững chủ quyền quốc gia qua những cuộc kháng chiến của Đại Việt chống Tống, Nguyên thắng lợi. Vị thế độc lập về chính trị - dẫn đến ý thức độc lập về văn hóa “*Nam Bắc đều chủ nước mình, không phải noi*

nhau” (lời Trần Nghệ Tông). Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức tìm về cội nguồn đã thấm đậm trong môi trường văn hóa thời Lý -Trần. Ở tập tùy bút *Chén rượu gạo đầy vò*, Đỗ Chu dành những câu văn rất giàu cảm xúc về thời Lý - Trần: *“Vào dịp 700 năm vua Trần Nhân Tông nhập Niết bàn, ngồi ngẫm thấy thời gian xem ra cũng đã lâu, vậy mà chặng đường từ đó đến hôm nay hóa ra cũng chưa phải là dài gì cho lắm, chưa dài gì cho lắm bởi các thế hệ đến sau nhìn chung còn cần phải bàn nhiều, đây là một giai đoạn nảy sinh và để lại nhiều bài học cay đắng, đang lo là đã thấp hơn cái tâm vóc vờ vợi của các bậc tiền nhân buổi ban đầu. Nhìn lại kỹ càng thấy hai triều Lý Trần quả là một cuộc khai mở vạm vỡ của dân tộc mình”* [18, tr.39]. Đó là sự thực và cũng là câu hỏi lớn cho dân tộc. Thời gian vô thường trôi đi, đất nước đã bước sang những thập niên đầu thế kỉ XXI, đọc trang tùy bút Đỗ Chu, hẳn mỗi chúng ta cũng tự hào về thời kì huy hoàng ấy. Như vậy, có thể nói rằng, với sự trình bày ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc, Đỗ Chu không chỉ nhắc lại một giai đoạn lịch sử của dân tộc mà còn bày tỏ sự ngưỡng mộ trước thế hệ cha ông đi trước khi tạo dựng nên một đất nước có bề dày truyền thống như ngày hôm nay. Đó cũng là lời nhắn nhủ đến thế hệ hôm nay và mai sau về sự noi gương, về trách nhiệm gìn giữ, phát triển đất nước, trong đó có văn hóa Việt.

Nhà văn Đỗ Chu cũng dành nhiều tâm huyết để làm rõ những trang sử vẻ vang của dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ. Từ thời Lý - Trần đến khi nước ta bị Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, lịch sử dân tộc không phải là không có gì đáng để nói. Nhưng với Đỗ Chu, ông tha thiết và đắm say với những chiến công lẫy lừng của dân tộc vì đó là biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết cũng như vẻ đẹp trí tuệ của con người Việt. Tự hào và hãnh diện biết nhường nào! Hơn nữa, ở đó có những mất mát to lớn, những nỗi đau không lời nào có thể diễn tả hết được. Tất cả đã làm nên một dân tộc anh hùng. Vậy nên, Đỗ Chu đã chọn Cách mạng

tháng Tám như một điểm tựa của lịch sử hiện đại đề trong tác phẩm của mình. Ông viết: *“Cách mạng tháng Tám là bước ngoặt trọng đại trong tiến trình lịch sử nước nhà. Một chân trời mới mở ra với nền Cộng hòa non trẻ. Đứng đầu nhà nước này là một vị chủ tịch giàu cốt cách gánh vác, dường như ở đây đã có sự chuẩn bị mang ý nghĩa cơ trời vận đất”* [18, tr.47]. Những lời văn hào sảng làm sống lại khoảng thời gian vô cùng quý giá của dân tộc. Sau bao nỗ lực, đoàn kết, ý chí quyết tâm của toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, đất nước đã giành lại độc lập dân tộc. Vì thế, Đỗ Chu khẳng định đó là những ngày tháng đẹp nhất trong những ngày tháng đẹp, để hôm nay ngoảnh lại mỗi người trong chúng ta còn chưa hết rung rung. Hãy hình dung, từ vũng bùn nô lệ một đám đông khổng lồ bật dậy với hai bàn tay trắng và quả tim nóng, gọi nhau đứng quanh Người, gọi nhau làm một cuộc lên đường rất dài và rất nhiều chông gai, dám sống và dám chết cho nền tự do độc lập dân tộc, trong đó có chính mình. Từ buổi đầu Bác đã trang trọng nói trước toàn thể đồng bào, khẳng định tự do cho một dân tộc mà không có tự do cho mỗi người thì cái tự do ấy liệu để làm gì! Ở đây, tác giả cho ta thấy truyền thống yêu nước đã trở thành niềm tự hào, trở thành triết lý sống của mỗi người dân đất Việt. Đó chẳng phải là nền tảng vững chắc cho nền văn hóa Việt hay sao?

Không dừng lại ở đó, Đỗ Chu đặc biệt chú ý đến vẻ đẹp của văn hóa Việt ở tình yêu đất nước qua những khoảng khắc quan trọng của dân tộc. Thông qua việc nhắc lại những thời điểm mang tính chất quyết định vận mệnh đất nước, Đỗ Chu muốn gửi gắm niềm tin của mình với tương lai của một đất nước có bề dày truyền thống lịch sử như nước Việt ta. Nhà văn tô đậm khoảnh khắc Bác đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào đêm 19/ 12/ 1946: *“Khoảng mười giờ đèn thành phố vụt tắt. Đang dò sóng radio ông kỹ sư giật vợ con lại lắng nghe cụ Hồ đọc lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, tiếng ông cụ lúc to, lúc nhỏ bởi đại bác bay vù vù như bão”* [18, tr.178]. Với

những dòng văn ấy, Đỗ Chu không chỉ làm sống dậy khoảnh khắc quan trọng của lịch sử mà còn khiến ta lặn đi trong niềm nhớ thương và xúc động. Ai đó đã từng nói rằng có những khoảnh khắc làm nên lịch sử. Đúng vậy! Lịch sử là bất biến, những gì đã qua sẽ còn mãi trong trái tim các thế hệ sau này. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác là lời thúc giục, cũng là lời khẳng định chắc nịch về tầm quan trọng của tinh thần yêu nước đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hơn hết, hãy thể hiện tình yêu nước ấy bằng những hành động thiết thực nhất. Hóa ra, đó là cơ sở để gắn kết sức mạnh toàn dân tộc. Có thể khẳng định, bên cạnh khí chất của một vị lãnh tụ thiên tài, con người Bác cũng chính là hiện thân của văn hóa dân tộc, hồn cốt Việt Nam.

Đỗ Chu từng có những năm tháng gắn bó với cách mạng tại chiến khu Việt Bắc, và có lẽ ông không thể nào không nhớ những dấu ấn lịch sử nơi đây. Ở đó có những con người nặng tình nghĩa, có những tình cảm đồng chí đồng đội khó phai mờ. Đó là một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của văn hóa Việt Nam. Đỗ Chu không quên nói về chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1953. Tuy nhiên, ông không chủ định miêu tả cận kề, chi tiết về trận đánh ấy mà chỉ tập trung viết về giọt nước mắt của người may mắn sống sót trước sự ra đi của vị chỉ huy tuyệt vời. Vào thu đông 1953 trời Việt Bắc xanh như ngọc, sông Lô lặng lẽ uốn mình quanh những cánh rừng yên ả như một lời kể thầm, khắp các làng bản náo nức một không khí ra quân. Đâu đâu cũng thấy có khẩu hiệu “Toàn dân đoàn kết tiến lên tổng tiến công”. Những người họa sĩ như Trần Lưu Hậu hay những người bạn đồng khoa như Lưu Công Nhân, Trọng Kiệm, Mai Long... và những người thầy như họa sĩ Tô Ngọc Vân, thầy Cẩn, thầy Ty, ... kết thúc khóa học. Họ gọi nhau chuẩn bị đi phục vụ chiến dịch. Trần Lưu Hậu đã sát cánh bên cạnh đồng đội với tinh thần quả cảm. Anh lên đường bởi tiếng gọi của lòng yêu nước nồng nàn. Thật xúc động khi đọc đến dòng tùy bút: “Chiến dịch kết thúc về đến Phú Thọ mới hay tin ông đã nằm lại, Hậu bùng bật khóc. Lần này là những giọt nước mắt của người

chiến sĩ trước cái chết của vị chỉ huy tuyệt vời” [18, tr.198]. Anh Hậu khóc trước sự hi sinh cao cả của thầy Tô Ngọc Vân. Cái chết ấy là một tôn thất lớn của văn nghệ nhưng một lẽ khác nó cũng là một niềm tự hào của chúng ta. Ông chết vì đất nước và cũng chết cho nghệ thuật. Chiến tranh là vậy. Ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng mang như sợi chỉ. Có người đã ngã xuống, có người may mắn sống sót như anh Trần Lưu Hậu. Nhưng có một thứ không bao giờ thay đổi: tình đồng đội. Họ đã sát cánh kề vai bên nhau, chia nhau miếng sắn, củ khoai, đắp chăn chung, kể cho nhau nghe về gia đình, về niềm đam mê của mình... Và họ động viên nhau đánh giặc. Tình đồng chí, đồng đội là thế, cùng cam cộng khổ nay người ở, kẻ đi. Nhưng hơn hết, sự ra đi ấy thật đáng tự hào với lý tưởng “*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”. Lý tưởng cao đẹp ấy đã làm nên vẻ đẹp bất diệt của con người Việt Nam. Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta thấy nhà văn trân trọng vẻ đẹp ấy như một cách để bảo tồn giá trị văn hóa, giá trị con người Việt.

Đỗ Chu cũng rất say sưa khi nói về thời chiến tranh với hình ảnh những người bạn cũ. Họ là những người mang hồn cốt Việt, họ làm nên một thời đại anh hùng. Bộ đội cụ Hồ trong chiến đấu đã tiếp bước các thế hệ cha ông đi trước xông pha quả cảm, sợ chi cái chết. Họ lên đường, họ cầm súng, họ sẵn sàng đối mặt với kẻ thù. Trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, họ là đồng đội, trở về cuộc sống bình thường, họ là những người bạn tri kỉ. Nhất là khi họ nhắc lại chuyện năm xưa, ta càng thêm hiểu về “chất lính”, về “lòng yêu nước” không gì sánh nổi. Đỗ Chu kể lại cuộc gặp gỡ của mình với anh Tiến Trang, nguyên là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 322 của Trung đoàn 88, anh Hà Xuân Trường và anh Huy Cận tại nhà anh Chính Hữu. Đỗ Chu hỏi anh Trang, anh Chính Hữu mất mũi thế thì hành quân xung trận làm sao, lúc còn trẻ đã phải đeo kính cận chưa? Anh Trang nói, cận nặng rồi, ấy thế mà vẫn mò mẫm ra trận chiến hào một đấy. Ở Điện Biên các cán bộ cấp tiểu đoàn chúng tớ đều phải có mặt trên tuyến đầu, lúc lao lên là người dẫn đầu. Hồi ấy, suốt chín

năm kháng chiến lần thứ nhất, anh Chính Hữu hầu như chỉ ở Đại đoàn 308, chức vụ cao nhất khi về giải phóng Thủ đô là chính trị viên tiểu đoàn 322 của Trung đoàn 88. Hóa ra, một khi đã mang bốn phần của người lính, họ hiểu rằng, sứ mệnh cứu nước là rất thiêng liêng. Thế rồi vào tháng 7 năm 1954, Hiệp định Geneve được ký kết. Thắng lợi tất yếu ấy mang đến nguồn sống cho cả dân tộc. Một trang sử vẻ vang. Ngoài ra, ta còn thấy trong những trang tùy bút Đỗ Chu hiện lên cả một không gian Hà Nội máu lửa trong 12 ngày đêm đầy khốc liệt: *“Vào những ngày Hà Nội đánh B52, một lần tôi đã tìm đến để tận mắt nhìn thấy xác chiếc pháo đài bay khổng lồ đâm xuống cái ao nông chòen đầu làng Hữu Tiệp”* [18, tr.25]. Người đọc nhận ra cái nhìn vừa hài hước dí dỏm vừa rất đỗi ngưỡng mộ về những người chiến sĩ Việt Nam. Nhiệm vụ chính trị và đối ngoại đòi hỏi chỉ bắn rơi là chưa đủ mà cần phải quyết tâm bắn rơi tại chỗ. Từng cán bộ chiến sĩ toàn Quân chủng Phòng không - Không quân đều thấm nhuần tư tưởng tác chiến đó. Tuy nhiên khi đứng ở đây ngắm nhìn khung cảnh Đỗ Chu và đồng đội bỗng thấy rùng mình. Trong vòng bán kính một cây số có biết bao mục tiêu cần phải bảo vệ an toàn tuyệt đối. Như vậy, mười hai ngày đêm đánh B52 tại mặt trận Hà Nội là những ngày hết sức hệ trọng. Nói hệ trọng ở đây tức là nhà văn đang muốn đề cao sức mạnh chiến đấu hết sức mạnh mẽ và quyết liệt của Quân đội nhân dân Việt Nam. Mười hai ngày đêm ấy là một trận kịch chiến lạ lùng. Nói cách khác, người bắn đã “kì tài” mà người rơi cũng rơi một cách “kì tài”.

Nền tảng văn hóa Việt còn được Đỗ Chu khắc họa bằng cách điếm lại những hi sinh cao cả của người Việt trong chiến tranh. Những mất mát, những đau thương tất yếu của những người con yêu nước trong cuộc chiến chống lại kẻ thù xâm lược khiến ta không khỏi bùi ngùi xúc động. Đó cũng là điếm tựa để ta tiếp tục cố gắng trong thời đại mới hôm nay. Đỗ Chu kể về thành Quảng Trị mùa hạ 1972. Mỗi ngày ngã xuống đúng một đại đội đủ, một đại đội đủ là từ một trăm tám đến hai trăm người. Đỗ Chu nhấn mạnh *“Tám mươi một ngày ở đây là tám mươi một đại đội đủ ra đi”* [17, tr.48]. Con số ấy đã phân

nào chứng minh tinh thần kiên cường, quả cảm của dân tộc. Hơn thế, nó còn khẳng định người Việt ta sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Cuối cùng, chiến thắng vẻ vang vào mùa xuân năm 1975 là cái kết xứng đáng cho những cố gắng không mệt mỏi của toàn quân và toàn dân ta. Có thể nói, bằng cách nhìn mình mãi giàu trí tuệ, bằng trái tim người chiến sĩ rộng lớn yêu thương và kiêu hãnh, vị tướng chỉ huy cuộc mít tinh mừng ngày đất nước hoàn toàn thống nhất tổ chức giữa Sài Gòn ngày 15 tháng 5 năm 1975, đã nói: *“Tổ quốc đã chiến thắng, Việt Nam đã chiến thắng, không có người Việt Nam nào thua trong cuộc chiến tranh này!”* [17, tr.176]. Đúng vậy, tinh thần kiên cường bất khuất của các thế hệ người con đất Việt đã được đền đáp xứng đáng. Cuộc chiến tranh này đã đến lúc phải kết thúc. Và tự hào thay, cái kết ấy rất đẹp. Không có người Việt Nam nào mang tên “thất bại”, không có người Việt Nam nào “thua” trong cuộc chiến tranh này. Từ vùng đồng bằng đến trung du, từ nông thôn đến thành thị đều vỡ òa trong niềm vui mừng, hạnh phúc. Những cánh đồng thơm mát kia, những ngả đường bát ngát kia và cả những dòng sông đỏ nặng phù sa kia cũng là của dân tộc ta. Đất nước bước sang một trang sử mới, một Việt Nam thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà. Tiếng nói ấy cứ vang vọng làm biết bao trái tim Việt thổn thức, rung rung và nghẹn ngào trong niềm hạnh phúc. Đó cũng là thời khắc đẹp nhất của dân tộc trong thế kỉ XX, thời khắc kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất của lịch sử.

Một chủ đề chiếm khá lớn những trang tùy bút Đỗ Chu là về thời hậu chiến. Thời kì ấy, giai đoạn ấy chứa bao nhiêu yếu tố lịch sử và văn hóa. Đó là những sai lầm của cả một thời kì, để sau đó mò mẫm tìm đường “đổi mới” đất nước. Trên thực tế hướng đổi mới chỉ có thể mở ra trong quá trình vận động của cuộc sống mà thôi. Thực tiễn luôn biết tự tìm ra lối đi tất yếu cho nó, mỗi cái cựa mình của nó đều mang sức thức tỉnh kỳ diệu và đó chính là sự mở hướng không gì cưỡng nổi. Ông trần trở *“Trong lúc chúng ta ngồi đây nói viễn vông thì dưới các vùng quê rới bời trong công việc chuyển đổi phương*

thức sản xuất nông nghiệp, nô nôm là phé bỏ hợp tác hợp tộ, trở lại cá thể ruộng ai người ấy cày” [18, tr.67]. Thực sự là rất khó khăn khi bắt đầu. Người ta vẫn thường nói “vạn sự khởi đầu nan”. Để bắt đầu cho một sự thay đổi cần rất nhiều yếu tố. Quyết đoán có, chủ động có, sáng tạo có nhưng không thể thiếu được sự kế thừa. Cái cũ, cái lạc hậu, cái không phù hợp cần phá bỏ ngay, không đắn đo. Nhưng cái cũ đã thành lệ, thành hệ thống thì làm sao có thể thay đổi trong chốc lát. Câu hỏi ấy là bài toán khó cho chính quyền, cho những người đứng đầu và cho chính những con người đất Việt. May mắn thay, quá trình đổi mới được nhân dân ủng hộ và bước đầu đạt được kết quả. Đỗ Chu cũng nhìn thấy, cũng trăn trở và cũng chia sẻ với những thay đổi của đất nước. Với cái nhìn hiện thực của một con người sống có trách nhiệm, Đỗ Chu cảm được sự vững vàng trước một tình hình ít sáng sửa. Điều đó đã đủ nói lên một điều, con đường đổi mới mà dân tộc ta đang đi tới là một lựa chọn đúng đắn. Quả là đã và đang có một nhân dân đầy nhạy cảm, rất giàu tiềm lực cùng Đảng đi trên con đường này. Đất nước ta đã mạnh dạn đổi mới, quyết tâm xây dựng và phát triển đất nước đi lên như tâm nguyện của Bác và của hàng triệu người dân đất Việt.

Nhìn chung, qua những trang văn thấm đẫm cảm hứng lịch sử, ta nhận ra nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt được gìn giữ và lưu truyền như lòng yêu nước, sự hi sinh cao đẹp vì độc lập dân tộc, tinh thần đoàn kết, kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm hay nhưng nỗ lực đổi thay trong cuộc sống ngày nay...

2.1.2. Tình quê hương, đất nước qua mỗi vùng đất

Nhà thơ Chế Lan Viên đã tha thiết mà nhận ra: “*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở, khi ta đi đất đã hóa tâm hồn*” (Tiếng hát con tàu). Đúng vậy, ai cũng có ít nhất một miền đất để thương, để nhớ, để tìm về và chắc chắn ở đó là cả một bầu trời kỉ niệm gắn với những buồn vui. Hơn thế, ở đó có bóng dáng những con người thân thuộc, có lời ru con cò, có tiếng sáo diều vi vu trong gió, có

chén trà xanh ấm áp tình người, có nụ cười móm mém của những cụ bà, có điệu thuốc lào cụ ông ngồi hút bên sân đình... Với Đỗ Chu cũng không ngoại lệ. Đọc những trang tùy bút của ông, người đọc được đến với những miền đất đẹp tươi nhất và cũng giàu truyền thống nhất. Sẽ là thiếu sót nếu như nói về chất văn hóa Việt trong tùy bút của Đỗ Chu mà không đề cập đến những miền đất này. Nhà văn có thể đọc ra ở đó số phận dân tộc mình và cả số phận chính mình. Phải chăng mỗi vùng đất trong tùy bút Đỗ Chu là một biểu tượng cho văn hóa Việt?

Trước hết, đến với những trang tùy bút Đỗ Chu, người đọc biết đến một Tây Nguyên không chỉ cổ xưa và nguyên sinh mà còn mãi tiếp với một kho tàng văn hóa dân gian phong phú và những người con Tây Nguyên nặng tình như ông Y Bí Alêô, Y Blóc Eban, cụ Điếu, cụ giáo Thấu... Có lẽ vì từng được sống ở Tây Nguyên, hơn nữa lại có những người bạn tri kỉ ở đây nên Đỗ Chu có ấn tượng sâu sắc về miền đất này. Đỗ Chu kể về người cách mạng Phan Sĩ Đắc bị Thực dân Pháp giam cầm ở Tây Nguyên vẫn còn nhớ nguyên vẹn những người bạn Tây Nguyên ngày nào. Trở về Hà Nội, ông Đắc vẫn mong ước một lần được gặp lại họ. Ngày trước, họ mời nhau uống nước suối giấu trong ống tre, nay gặp lại, những người bạn già cùng nhau uống chén rượu của bà con trong bản nấu bằng men lá gửi ra. Thật giản dị mà ấm áp nghĩa tình. Họ ôm nhau khóc và hứa hẹn ngày tái ngộ. Có lẽ người ta có thể sinh ra một nơi, chết một nơi và suốt đời mang lòng thương nhớ một nơi khác. Như ông Đắc chẳng hạn. Không thể nói rằng ông không yêu quê hương mình, càng không thể nói ông không quý Hà Nội, nhưng quả thực đối với ông Tây Nguyên mới là nơi để ông phải thương phải nhớ một đời. Vì sao mảnh đất Tây Nguyên lại quan trọng với ông Đắc đến vậy? Đỗ Chu kể về năm ông Đắc cùng một đoàn người bị giải lên đây thật xúc động. Tất cả đều còn trẻ cả, sợi dây mảnh mai mà chắc dễ sợ, được thắt lẩn vào bắp tay họ, những cái nút mây buộc thật khéo, mồ hôi của đám người bị lưu đày nhuộm nó thành đen

nhánh. Nếu chỉ đơn giản thế thôi thì miền đất này đối với anh Đắc vẫn có thể xa lạ mãi mãi. Nhưng trên mảnh đất thiêng liêng này một người con trai của ông đã hy sinh. Anh đã vĩnh viễn nằm lại trong một cánh rừng gần mé sông Sêrêpóc. Có lẽ anh đã chọn một nơi yên bình như Tây Nguyên để nằm lại. Thật vậy, Tây Nguyên rất yên bình. Dòng Sêrêpóc chảy qua hướng Tây để tìm gặp sông lớn Mê Kông, nó là hợp lưu của hai nhánh Krông Nô và Krông Ana. Nô là chàng trai, Ana là cô gái. Cánh đồng Krông Pông bát ngát chính là lưu vực của hai dòng sông đó, người ta ví nó là mâm xôi của Giàng ban cho dân chúng vùng này. Cùng với cánh đồng lớn Krông Pông còn có mấy cánh đồng khác nữa, chúng nằm thanh thản bình yên sau những miền núi hùng vĩ, cánh đồng nào lúa cũng thơm gạo cũng ngon. Nơi đây có *“những vạt đất mênh mông, rừng mênh mông, cỏ mênh mông, vài mươi chú bò sữa nhón nhơ trong nắng vàng thật thanh bình”* [16, tr.35]. Nhất là lúc tháng Bảy chớm thu nắng gió tràn ngập miền cao nguyên. Vùng hồ Lắc dấu tích muôn đời của núi lửa giờ đang nằm yên ả như một mảnh gương soi bóng những tầng mây trắng, in bóng đàn nhạn núi đang bay về. Đỗ Chu còn hòa chung vào điệu hồn của Tây Nguyên khi cảm nhận về những trang văn của Châu La Việt trong truyện *Mai Pi Muôn*. Đó là nột Tây Nguyên hào sảng, hoành tráng hiện lên giữa những xô đẩy dữ dội của lịch sử đất nước... Như vậy, Tây Nguyên giữ một vị trí đặc biệt trong đời sống chung dân tộc, là một đề tài lớn cho nhiều nhà văn đã và còn tiếp tục khám phá. Như thế chẳng phải Tây Nguyên đã trở thành niềm tự hào, là cội nguồn sáng tạo hay sao? Đỗ Chu là thế, viết về Tây Nguyên, ông như muốn trải hết nỗi niềm trân quý của mình để tận hưởng không gian vừa hùng vĩ lại vừa trữ tình nơi đây. Nơi đó có câu chuyện về cụ Mét, về Tnú và dân làng Xô Man trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành. Phải chăng sứ mệnh của nhà văn không chỉ là sáng tạo nghệ thuật mà còn tích lũy cả một kho tàng văn hóa?

Miền Trung đầy nắng và gió với biểu tượng “cát nóng” cũng là một vùng đất ám ảnh trong tùy bút Đỗ Chu. Phải chăng, miền Trung cát nóng là biểu tượng cho sức mạnh của con người Việt nên Đỗ Chu rất say mê với nó? Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta thấy cát hiện lên thật sinh động, giàu biểu tượng nghệ thuật và càng không phải là thứ cát vô tri mà có sức sống mãnh liệt như chính con người miền Trung. Ấn tượng đầu tiên với nhà văn có lẽ là cát ở vùng này. Cát dâng lóa mắt. Núi cát, đồng cát, sông cát và biển cát. Từ muôn năm nay cát đã bò vòng vo trên mặt đất, chúng từ biển lùa vào hay từ núi trôi ra? Vậy đó, cát nổi lên thành cồn và cát thẳm sâu im lặng. Miền Trung là một bản giao hưởng cát. Quảng Nam - Đà Nẵng là một chương trầm hùng của bản giao hưởng đó. Núi cao bão lớn và biển mặ sóng dữ, phải chăng đó chính là nét đặc trưng của nơi này: *“Con người của vùng đất này, cũng không thể mềm yếu một khi quanh nó là cát nóng, là sóng gió”* [16, tr.66]. Không dừng lại ở đó, ngoài “cát nóng” thì trong cảm nhận của mọi người, miền trung còn có rất nhiều “đặc sản”. Đỗ Chu chia sẻ rằng cũng từ hai anh bạn Lan và Quý mà ông biết Quảng Nam là ra làm sao. Ở đó có sông Thu Bồn, có dâu xanh bạt ngàn, có điệu hò xứ Quảng, có sóng biển bạc đầu. Còn nữa, bạn sẽ không thể nào rời bước khi đặt chân đến bán đảo Sơn Trà. Qua cách Đỗ Chu miêu tả, nơi ấy rất đáng để ta tìm về. Tìm về với dấu ấn lịch sử đau thương một thời hay tìm về với miền đất gọi lấm nổi niềm? Có lẽ là cả hai. Phải chăng tất cả những gì bình dị nhất, thân thuộc nhất đã trở thành “đặc sản”, thành thứ mà ai đã từng đến rồi đi sẽ rất nhớ, ai đã từng thuộc về mảnh đất ấy dù vào thời điểm nào cũng sẽ chẳng bao giờ dễ quên? Hóa ra những điều bình thường lại là những điều tuyệt vời nhất. Cái tình quê, hồn quê nồng nàn...

Tạm biệt miền Trung cát nóng, trang tùy bút Đỗ Chu đưa ta đến miền đất Điện Biên nhiều kỉ niệm. Điện Biên mây trắng được Đỗ Chu cảm nhận với tình cảm tha thiết, đặc biệt để có dịp nhìn lại quá khứ, vượt lên những khó khăn trong hiện tại để cùng hy vọng về một ngày mai tươi sáng. Ta ấn tượng

với Điện Biên trong vẻ đẹp của những cô gái Thái nơi đây. Đẹp không thể tả nổi là các cô gái bản Ten, váy Thái lộng lẫy, nom cô nào cũng như thể tiên sa xuống trần. Đỗ Chu còn kể về những người nghệ sĩ từng gắn bó với Điện Biên: *“Anh Huy Du không được lên đánh Điện Biên. Lúc đó, anh đang ở đoàn Đồng Bằng, ở lại cắm chân địch. Sau hòa bình thì qua Trung Quốc học, cùng đi một chuyến với nhạc sĩ Hoàng Vân. Hoàng Vân với Đỗ Nhuận mới là dân đánh Điện Biên, từ đây bước ra là đã có Hồ kéo pháo, Trên đồi Him Lam, Hành quân xa, Giải phóng Điện Biên”* [16, tr.93]. Đúng là một thời kỳ trường thành toàn diện, nhờ có hào khí Điện Biên mà âm nhạc và nghệ thuật nói chung lớn lên nhiều lắm. Đó là thời kỳ đất nước đã tìm được sức mạnh tổng lực để nhìn vào đâu cũng đầy hứng khởi, ngay trong quan hệ quốc tế cũng vậy. Điện Biên đã trở thành miền sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ, của Đỗ Chu. Điện Biên trong kí ức của biết bao người lính, người làm cách mạng, người làm nghệ thuật là cả một niềm tự hào, là nguồn cảm hứng bất tận. Có lẽ người đọc còn bất ngờ hơn nữa khi những áng văn của Đỗ Chu còn giúp ta biết đến dòng Nậm Hu rồi tìm đến cánh đồng Điện Biên. Việt Nam là đất nước nhiều sông suối nhưng điều đặc biệt nằm ở chỗ: *“Trong tâm thức người Thái, Điện Biên từ bao đời nay đã là một chốn thiêng liêng, với họ là một thánh địa”* [17, tr.36]. Việt Nam có hai con sông đổ về hướng Tây làm phụ lưu của Mekong, Tây Nguyên có Sêrêpôc còn Tây Bắc có dòng Nậm Hu, nguồn của Nậm Hu xuất phát từ cánh đồng Điện Biên. Cha ông ta vẫn thường nói *“cây có cội, sông có nguồn, người có tổ tiên”*. Nếu không tiếp bước cha ông liệu ta còn đáng sống? Vấn đề đặt ra mang triết lý nhân sinh sâu sắc. Bởi Điện Biên là nhân chứng lịch sử, cũng là nhân chứng của niềm tin vào tương lai đất nước.

Hà Nội nghìn năm văn hiến là trái tim cả nước, cũng tạo những nhịp đập tha thiết trong tùy bút Đỗ Chu. Hà Nội hôm nay, Hà Nội thuở xưa, Hà Nội của mỗi người trong chúng ta, rất riêng tư mà cũng rất chung. Hà Nội vẫn mãi là niềm tự hào dân tộc, là điểm tựa vững chắc cho người dân Việt. Ở đó có Hồ

Gương gắn với truyền thuyết vua Lê Lợi trả kiếm Rùa vàng. Đỗ Chu viết: *“Trên trái đất này rất nhiều thành phố có hồ, hồ của người ta cũng đẹp lắm, lại lớn nhưng với chúng ta thì chỉ có Hồ Gươm là thiêng liêng nhất. Bởi nó là tấm gương soi lịch sử dân tộc, và cũng là tấm gương soi khuôn mặt mỗi người”* [18, tr.177]. Ta còn thấy được tình cảm sâu sắc của không chỉ riêng Đỗ Chu mà là của tất cả mọi người dành cho Hà Nội. Ông dành nhiều trang cho một họa sĩ Hà Nội. Họa sĩ Trần Lưu Hậu không thể vẽ Hà Nội giống Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên và rất nhiều rất nhiều những bậc thầy đi trước, nhưng anh giống họ, ở một điểm mà hết thầy đều có, đấy là lòng yêu Hà Nội, nó là cội nguồn, là điểm xuất phát của tình yêu tổ quốc. Và cũng như Trần Lưu Hậu và biết bao người nghệ sĩ khác, Đỗ Chu đã gửi Hà Nội, mang Hà Nội vào những trang tùy bút.

Và gần gũi thân thiết với Đỗ Chu đến tận đáy lòng là mảnh đất Kinh Bắc giàu truyền thống văn hóa, nơi nhà văn sinh ra và lớn lên. Do vậy mà có một sợi dây vô hình gắn chặt nhà văn với quê hương mình. Kinh Bắc đã đi vào những trang văn của ông một cách rất tự nhiên và cũng đầy cảm xúc. Qua thể giới nghệ thuật tùy bút, ông đã vẽ nên một không gian văn hóa với những đặc trưng vùng miền nơi đây. Ta thấy hiện lên một Thuận Thành trải dài đến Gia Bình, qua Liễu Ngạn đến phủ Từ Sơn. Ông nhắc đến ngôi chùa Dâu cổ kính, chùa Bút Tháp hay đền thờ Sĩ Nhiếp *Nam giao học tổ*, đền thờ cụ Lê Văn Thịnh *Nam quốc khai khoa đệ nhất nhân...* Đó là những địa điểm lưu giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương. Có thể nói, hiếm nơi nào có nhiều đền chùa thiêng liêng như quê hương Kinh Bắc của Đỗ Chu. Đối với tác giả, Kinh Bắc không chỉ đẹp về cảnh sắc thiên nhiên, anh hùng bất khuất với truyền thống chống giặc ngoại xâm mà người con của quê hương ấy còn nhận ra điều đặc biệt trong văn hóa của quê hương mình là giọng nói và những câu hát quan họ tình tự muôn đời của các liền anh, liền chị. Nhắc đến

nơi đây, Đỗ Chu mở ra trước mắt bạn đọc hình ảnh một miền quê sinh ra những bậc hiền tài. Vùng Mai Lâm, Lộc Hà, Du Lâm là một bãi đất bồi cửa sông Đuống, tứ thời ướt át lụt lội, ngồi xuống mâm quanh năm đều thấy bấp bồng khoai vậ mà thật lắm hiền tài. Nói bên kia sông Đuống là nói tới miền đất phủ Từ Sơn, một vùng đồng bằng có chen mấy dãy núi thấp khiến dáng dấp trung du của nó càng có duyên. Còn như bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm thì ngược lại, nó chính là vùng đất Thuận Thành mà hiện nay anh đã có mặt. Khi ông Hoàng Cầm viết bài thơ nổi tiếng ấy, ông đã đứng từ bên kia mà nhìn sang bên này. Phải nói rằng, quê ngoại Bắc Ninh rất đặc biệt với Đỗ Chu, là nguồn cảm hứng rất thiêng liêng đối với nhà văn. Bởi lẽ *“quê ngoại là một miền lúc nào cũng như xa lại như gần. Một màn sương mờ tỏ choàng nhẹ lên, phủ mờ lên những kỉ niệm yêu dấu”* [16, tr.128]. Bên cạnh đó, nhà văn còn tự hào khi nói về giọng người Kinh Bắc. Chất giọng ấy không lẫn vào đâu được. Đó là những âm điệu thân thương, là đặc trưng của những con người nơi đây dù rất có thể, với người ở nơi khác thì rất khó nghe. Nhờ đó mà những người cùng quê có thể nhận ra nhau, có thể tìm thấy điểm chung. Phải nói rằng, điểm hấp dẫn nhất của con người Kinh Bắc là ở nét hồn hậu, chất phác, trong tâm hồn yêu đời và thái độ sống chân thành. Những nụ cười đôn hậu, những cách xử xử mặn mà, vừa phải mà có sự tin cậy, biết tự trọng chẳng phải rất đáng quý hay sao? Dễ hiểu khi ông dành cho đất và người Kinh Bắc những lời văn hay đến vậy. Kinh Bắc là quê hương và cũng chính là nguồn sống dào dạt của nhà văn. Bởi có một sự thật không bao giờ thay đổi, nếu bạn không nhớ về quê hương của mình, liệu bạn có thể lớn nổi thành người?

Lật giở những trang tùy bút Đỗ Chu, ta đọc được những xúc động miên man của nhà văn theo những bước đi, cái nhìn của ông. Và nhất là cảm thức rung rung, sâu nặng về những miền đất thân thương đất Việt - những miền đất văn hóa.

2.2. Chân dung con người Việt Nam - sự kết tinh văn hóa Việt

2.2.1. Những con người bình thường

Kết tinh văn hóa Việt trước hết và sâu sắc nhất chính là ở con người với cốt cách và tâm hồn Việt. Hình ảnh ta bắt gặp nhiều lần trong tùy bút Đỗ Chu là những người mẹ, người chị. Họ giản dị mà cũng cao đẹp biết nhường nào. Hãy nghe Đỗ Chu kể: *“Rồi tôi lại nhớ đến bóng dáng những người đàn bà Quảng Ngãi, bóng dáng mẹ anh, chị gái anh đang tất tả chạy lên đón anh trên con đường ngày nào anh về qua quê nhà”* [17, tr.175]. Những người phụ nữ ở hậu phương vẫn âm thầm tiếp thêm sức mạnh cho các anh chiến sĩ nơi tiền tuyến. Bóng dáng họ mang hình bóng các anh. Các anh vững tay súng, kiên cường đối mặt với kẻ thù vì đất nước và cũng vì những bóng dáng người phụ nữ của đời mình. Sự trở về của các anh mang lại niềm vui sướng nghẹn ngào trước sự hi vọng, chờ đợi bấy lâu của các bà, các mẹ, các chị. Mà đâu phải chỉ ở Quảng Ngãi mới có những bóng dáng ấy. Bóng dáng người thân, bóng dáng đất nước, với những ai có lương tri, có thiện căn đều đã mang suốt đời, đó chính là đôi cánh tinh thần dẫn dắt ta bước qua mọi cám dỗ, mọi thử thách trong mỗi bước đi, mỗi ngày sống.

Nhà văn còn viết về các bà, các chị mang trong mình hồn cốt con người Việt. Đó là chị mặc yếm ở làng, vừa bình dị, thân thuộc lại đậm chất văn hóa Việt. Theo nhà văn, cái yếm đàn bà nước mình đẹp biết nhường nào, không rõ vì lẽ gì mà các nhà tạo một của chúng ta đến hôm nay vẫn chưa nghĩ tới việc phục hồi nó. Ông không muốn bàn đến chuyện nó là di sản văn hóa vật thể hay phi vật thể. Ông chỉ muốn khẳng định *“chỉ biết nó là một vẻ đẹp rất khó quên của những người cũng rất khó quên và tôi lại muốn cầm bút”* [18, tr.15]. Trong văn học dân gian, đọc truyện cổ tích Tấm Cám, tác giả dân gian đã đề cập đến cái yếm đỏ như một phần thưởng lớn dành cho người thắng cuộc. Sâu xa hơn, cái yếm còn là biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Và đến với tùy bút Đỗ Chu, một lần nữa, ta càng trân trọng cái yếm, trân trọng vẻ đẹp mộc mạc ấy. Thêm nữa, hình ảnh cụ bà Nguyễn Thị Chinh được Đỗ Chu kể lại như một cách tôn vinh người phụ nữ Việt. Bà Nguyễn Thị Chinh gốc

người làng hoa Ngọc Hà, thương chồng thương con nhất mực, là người bạn đời luôn biết trân trọng và biết tạo ra những thuận lợi để chồng mình có thể làm xong cái việc mà ông ấy đã khát khao. Người phụ nữ sinh ra đã mang số phận của sự cần cù, chịu thương chịu khó. Bà Chinh cũng vậy, nhưng bà còn tinh tế ở sự “biết lo toan” làm hậu phương vững chắc cho chồng. Vẻ đẹp ấy không cầu kì nhưng lại có sức lan tỏa phi thường. Nếu như bà Chinh đẹp ở cái tình, cái nghĩa với chồng con thì bà Chanh, hàng xóm của gia đình Đỗ Chu với “*miếng trầu thắm, vành môi thắm*” [18, tr.129] lại hiện lên trong tình làng, nghĩa xóm ấp áp. Bà Chanh là một người đàn bà quê mùa, vất vả vào hạng nhất vùng, làm than nhất trong những người làm than nhưng lúc nào cũng có thể cười. Đỗ Chu kể “*giờ ở tuổi năm mươi rồi mà nụ cười vẫn thật ấm áp*” [18, tr.128]. Người đàn bà ấy vất vả, cực nhọc nhưng vẫn lạc quan. Đặc biệt, bà có tình cảm chân thành của những người quê với nhau. Nói đúng hơn là sự thấu hiểu, sự sẻ chia của những con người cùng cảnh ngộ.

Trang văn của Đỗ Chu hay nhắc đến những người lính, thường hiện lên chân dung của những đồng đội của nhà văn hồi ông còn trong quân đội. Có lẽ bởi Đỗ Chu đã từng sống cuộc sống người lính, từng vào sinh ra tử, từng chia ngọt sẻ bùi với người lính nên những cảm xúc họ cứ thể hiện ra. Những người lính gặp lại khi hòa bình nhìn nhau cười nói vui vẻ vẫn như những ngày xưa. Đó là Anh Lê Miên vóc dáng thấp nhỏ cười vang, đôi lúc ngồi một mình sự nhớ đến Đỗ Chu mà thấy vui. Anh Quốc Hanh vẫn cứ nhỏ nhẹ, tuy ít gặp nhau nhưng vẫn dõi theo cuộc sống của nhau qua từng bước đi, qua những cuốn sách. Bạn đọc ấn tượng bởi sự chân thành trong con người họ: “*Vẫn hết sức mộc mạc mà thân ái xiết bao*” [18, tr.26]. Đỗ Chu còn vui mừng hơn khi gặp lại Nguyễn Xuân Mậu, Phạm Đăng Ty - những đàn anh đi trước, những con người cống hiến hết mình cho quân đội. Tác giả rủ rủ, bộc bạch rằng đến tận bây giờ vẫn còn có tôi nhớ các anh, nhớ một chính trị viên trưởng Tiểu đoàn Bông lau Đại đoàn 308 từ những năm mới ngoài hai mươi. Và Đỗ Chu cũng nhớ ngày các anh bày trận trên đèo Bông lau nhà văn chưa kịp lên mười.

Cảm nhận sâu sắc nhất của nhà văn về các anh là sự trầm tĩnh và nhân hậu. Liệu những người như thế, như những anh Ty, anh Miên, anh Hanh, rất nhiều, họ là anh ta, là chú bác hay là thầy ta? Có lẽ là tất cả. Có thể nói, có những năm tháng mỗi người đã trở thành một niềm tự hào, tính cách riêng có thể khác nhau, nhưng vẫn có một điểm rất chung, đấy là ai cũng tự biết giữ gìn cái tư cách làm người của mình. Lúc đó, chúng ta có thể nhìn nhau trong kiêu hãnh khi về già. Và đó chính là chuẩn mực, là biểu hiện của cách sống sạch, sống văn hóa.

Lật giở từng trang tùy bút Đỗ Chu, ta dừng lại khi người chiến sĩ Điện Biên xuất hiện. Trong họ Đỗ Chu, có anh Duy đi bộ đội, là chiến sĩ Điện Biên nay đóng quân trên núi, một hôm anh đến nhà mang theo cuốn họa báo *Hình ảnh Việt Nam*. Anh mở chỗ có tám ảnh lớn chụp cảnh giải giáp tù binh sau chiến dịch. Đi bên đám tù binh rỗng rảnh trên đường đèo là mấy anh bộ đội ôm súng, đội mũ nan chân mang giày vải. Anh lấy ngón tay đặt vào góc xa tám ảnh chỉ vào một ai đó và bảo đó là mình. Cũng là người lính, nhưng khác Duy, anh Tường không phải là chiến sĩ Điện Biên mà là lính trinh sát lẫn lộn bên Thượng Lào. Đỗ Chu kể lại cuộc đời anh Tường và đồng đội. Hai mươi năm ấy có biết bao nhiêu là chuyện kể lại cho người đời nghe. Hai mươi năm sống ở rừng, chiến đấu với đủ thứ giặc, vật lộn với những cơn sốt rét, với mưa bão, với cái đói, với thú dữ, với cái chết. Và “*nếu trong số các anh có ai biết viết hồi ký thì có lẽ cuộc phiêu lưu ba chìm bảy nổi của tiểu đội trinh sát ấy sẽ là pho sách lớn của những người anh hùng*” [18, tr.332]. Họ đã dành trọn vẹn tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp cách mạng. Đã có những mất mát rất lớn: sáu người nằm lại, hai người ngã xuống bởi đạn bom, một người vì đói, một người vì sốt rét, một người vì rắn độc, một người bị hổ vồ. Bốn người trở về, tất cả đều là thương binh bậc cao, tất cả đều ra quân với hàm đại tá. Dầu biết rằng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ không thể tránh khỏi những đau thương

nhưng sao ta vẫn thấy ghen lòng khi đọc những trang tùy bút Đỗ Chu. Các anh còn sống mãi và trường tồn mãi mãi cùng với dân tộc. Bởi các anh đã góp phần làm nên lịch sử, làm nên đất nước văn hóa này.

2.2.2. Những tài hoa đất Việt

Tác giả Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Trên phương diện con người, những “sản phẩm” văn hoá tiêu biểu nhất là các danh nhân. Họ luôn xuất hiện ở mọi dân tộc, mọi thời đại. Các danh nhân văn hoá là những đại diện xuất sắc nhất cho nền văn hoá của dân tộc mình, trong thời đại của mình; đồng thời, họ cũng là những người góp phần quan trọng nhất vào việc phát triển, nâng nền văn hoá của dân tộc mình lên một tầm cao mới. Trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh... từng là những con người như thế” [56]. Có lẽ, Đỗ Chu cũng muốn khẳng định chắc chắn rằng con người chính là sản phẩm văn hoá tiêu biểu nhất nên ông dành rất nhiều trang tùy bút để khắc họa hình ảnh con người. Đó là những viên ngọc từ trong quá khứ như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... cho đến những tài hoa, nghệ sỹ đương thời.

Trước hết, Đỗ Chu dành nhiều trang văn viết về những danh nhân văn hóa nước Việt. Nói về Nguyễn Du, nhà văn dành cho đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới những lời thật đẹp: *“Nghĩ đi nghĩ lại cũng chỉ thấy nhiều lắm là vài ba chục bóng người đáng kể, mà trong số ấy, trong số những người đứng ở hàng đầu vẫn chỉ thấy có Nguyễn Du là toàn bích hơn cả”* [17, tr.238]. Nguyễn Du lớn trong thơ Nôm, lớn trong thơ Hán, thơ chữ Hán của cụ mới thực là khuôn vàng thước ngọc, qua đó cụ đã tự khẳng định mình như một bậc thầy, ở đẳng cấp khó so sánh. Thơ văn Nguyễn Du được đề cao không có gì lạ nhưng cách nói của Đỗ Chu thể hiện một cái nhìn rất ngưỡng mộ tài năng và đóng góp của Nguyễn Du đối với nền văn học dân tộc. Hơn thế, cụ Nguyễn Du còn là niềm tự hào của dân tộc trước một đất nước rộng lớn và lắm duyên nợ Trung Hoa. Hai lần đi sứ qua Trung Hoa cụ đã được

người bên ấy dành cho một cách nhìn biệt nhĩn, chuyên đi sau cụ được mời lưu lại thăm Trần Cảnh Đức và đã để lại bút tích của mình trong chiếc đĩa sứ miền Giang Tây.

Đỗ Chu cũng không quên viết về Bác - vị cha già dân tộc - danh nhân văn hóa thế giới. Tuy chỉ vài dòng nhưng chất chứa một quan niệm sống trong sạch, hướng con người ta đến cuộc sống yên bình, không màng danh lợi, phú quý. Ông dẫn ra một cách rất tự nhiên câu chuyện nhỏ về Người. Lúc làm Di chúc Bác Hồ có lấy một câu của thi hào Đỗ Phủ, nhân sinh thất thập cổ lai hy. Muôn vàn cái đáng trích dẫn sao Người lại tìm câu này, vậy ở đây ý tứ là sao? Ta thường dặn nhau phải học Bác, nhưng việc tìm đến ngọn nguồn câu này xem thử Bác có định dặn gì ta thì hình như chưa phải ai cũng đã có dịp làm. Ý tứ câu nói này xuất phát từ câu thơ Bác chọn của Đỗ Phủ nằm ở bài thơ *Giang đầu* một và cụ thể là nằm ở hai câu kết. Nghĩa là chỉ tuổi bảy mươi của con người ta là hiếm xưa nay, kìa chuồn chuồn đang đập nước, bướm bướm đang luồn hoa, nghĩ thấu lẽ đời lại ấy làm vui, hà có gì phải chạy theo cái danh hã cho bản tấm thân. Hóa ra, tiếp nối ý Đỗ Phủ, Bác dặn đời người chỉ cần sống đúng với nhân cách, làm đẹp cho đời chứ không nên chạy theo công danh mù quáng. Không chỉ có vậy, Bác Hồ trong mỗi người Việt Nam vừa gần gũi mà cũng hết sức vĩ đại: vĩ đại trong công việc, vĩ đại trong lối sống, vĩ đại trong nhân cách, ... Bác đặc biệt quan tâm đến những con người bình thường nhất trong xã hội. Bác lại càng trân trọng những con người cống hiến thầm lặng cho đất nước như bốn người giữ cây đèn biển đảo Con Gián. Biết chuyện về bốn công nhân này, Bác gửi thư khen họ ngay. Hành động ấy thật ý nghĩa. Chỉ một thoáng gặp Bác đủ là một cơ duyên cho người ta đi suốt cuộc đời: “*Một thoáng với những bài học quý trong hành xử, trong cốt cách*” [18, tr.123].

Bên cạnh việc khắc họa chân dung danh nhân văn hóa, Đỗ Chu cũng rất chú ý đến các nhà nho. Trong tùy bút Đỗ Chu, ta thấy các nho sĩ được đề cập

đền là những người có tri thức mẫn tuệ, nhân cách cao quý. Đầu tiên là cụ Huỳnh Thúc Kháng. Cụ Huỳnh đậu tiến sĩ năm 1904, năm Giáp thìn, năm đó cụ tròn hai mươi tám tuổi. Điều đáng nói là, cụ Huỳnh không chỉ học rộng tài cao mà ngay cái dáng dấp bên ngoài cũng cho thấy là người sống cao đẹp, đôi mắt sáng nhìn thẳng ấy là đôi mắt của bậc trí nhân. Ở đây, ta thấy sự ca ngợi cái tâm sức phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân của một nhà Nho chân chính. Khi cụ Huỳnh mất, Hồ Chủ tịch đã gửi Công điện và dành những lời cao cả bậc nhất: *“Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm siêu lòng. Nghèo khổ không làm nản chí. Oai vũ không làm sòn gan. Cả đời cụ không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thêm làm giàu. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập”* [16, tr.73]. Tiếp theo là cụ Vũ Phạm Hàn, cụ Nguyễn Thương Hiền, cụ Nguyễn Văn Siêu... Các cụ đều là những nhà Nho làm quan lớn, và cũng là những nhà văn hóa lớn của dân tộc ra. Những áng văn thơ của các cụ thật giản dị cốt cách, vừa sâu sắc, lại vừa phóng túng, hiện đại.

Lật giở từng trang tùy bút Đỗ Chu, từ *Tản mạn trước đền*, đến *Thăm thăm bóng người* và *Chén rượu gạo đầy vò*, ta có thể điểm tên rất nhiều nghệ sĩ, trí thức nổi tiếng Việt Nam. Đó là các nhạc sĩ: Hoàng Vân, Văn Cao... Đó là các họa sĩ: Thái Bá Vân, Linh Chi, Trần Lưu Hậu, Tô Ngọc Vân... Đó là những nhà thơ, nhà văn: Hữu Thỉnh, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Xuân Diệu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Kim Lân... Đó là các nhà khoa học: Hồ Ngọc Đại, Hoàng Ngọc Hiến... Bằng những quan sát trực tiếp hoặc qua lời kể của bạn bè, Đỗ Chu vẽ nên những chân dung nghệ sĩ, trí thức hiện lên vừa cụ thể lại vừa sâu sắc.

Khi vắn vè vẻ đẹp và chiều sâu văn hóa Việt kết tinh ở con người, Đỗ Chu còn nhắc đến rất nhiều nghệ sĩ. Nghệ sĩ là người sáng tạo ra cái đẹp. Họ đã để lại cho đời hàng triệu triệu tác phẩm. Vui có, buồn có, lãng mạn có, trữ

tình có, da diết có, cháy bỏng có... Nhưng không phải nghệ sĩ nào cũng được ghi danh vào lịch sử dân tộc. Văn Cao là một nhạc sĩ như thế. Một nghệ sĩ sáng tác bài hát được chọn làm Quốc ca chắc hẳn không phải là một người tầm thường! Phải nói là rất hiếm. Đỗ Chu đã không ngần ngại bày tỏ: *“Người như ông ấy là hiếm lắm, tài năng đã là hiếm mà cái tình với dân với nước, với cách mạng cũng là hiếm. Cứ nghe những bài hát, đọc những vần thơ cũng đủ biết”* [16, tr.188]. Thế nên, được biết mình sắp được gặp Văn Cao, Đỗ Chu không khỏi hồi hộp. Sự hồi hộp ấy xuất phát từ sự trân trọng, sự ngưỡng mộ và có cả sự yêu thương. Vậy là Đỗ Chu sắp được gặp tác giả bài Quốc ca, bài Quốc ca đầu tiên của đất nước, lần đầu tiên dân tộc đã đứng dậy cùng hát bài đó trong cuộc trường chinh giành độc lập và tự do. Sôi sục và hào hứng lắm chứ, ý nghĩa to lớn lắm chứ. Sau lần gặp gỡ ấy, Đỗ Chu vẫn thường lui tới thăm ông. Ông vẫn thung thảng thế, nhưng thật nhân hậu và chân thành. Ngày ông mất, ai cũng bồi hồi. Chẳng có gì xứng đáng với ông hơn bằng một lời giản dị, một con người đã ra đi. Không phải ai đang sống đều có thể dễ dàng được gọi là người. Với những người có cách nghĩ đơn giản thì sự ra đi của họ đồng nghĩa với cái chết. Nhưng với những ai đã gắn bó cả đời mình với vui buồn của dân tộc, với sự mất còn của dân tộc thì sự ra đi của họ không có nghĩa là chết. Văn Cao sinh ra là để hát giữa nhân dân mình và cùng nhân dân vật vã đứng dậy giành lấy quyền làm người. Đó chính là một biểu hiện của vẻ đẹp văn hóa Việt Nam.

Bên cạnh đó, Đỗ Chu cũng dành rất nhiều trang viết cho các họa sĩ tài ba. Viết về họa sĩ Thái Bá Vân, nhà văn dành cho anh những dòng văn thật đẹp bằng cách giới thiệu cuốn sách của ông. Chỉ bằng cuốn sách này Thái Bá Vân đã hiện ra trước cuộc đời một cách xứng đáng: *“Đó là khuôn mặt tinh thần lấp lánh ánh sáng trí tuệ, một cốt cách văn hóa đáng tin cậy và một trữ lượng thông tin quý, không thừa cũng không thiếu hụt”* [16, tr.204]. Qua việc trích dẫn những phát biểu của Thái Bá Vân về giá trị của nghệ thuật hội họa,

đặc biệt là con đường đi của họa sĩ trẻ, ta nhận ra cả một chiều sâu văn hóa dân tộc. Như vậy, hội họa không đơn giản là mang đến những bức tranh mang giá trị thẩm mỹ mà hội họa còn có khả năng tái tạo những giá trị văn hóa truyền thống. Có thể là một Hà Nội hội họa, có thể là một Hà Nội cổ kính, có thể là một Hà Nội văn hóa...? Làm nghề gì cũng vậy, nếu không đặt chữ Tâm lên trước sẽ khó mà vững bền. Thái Bá Vân là một họa sĩ có tài và có tâm. Thế nên, ông mất đi để lại một khoảng trống khó lấp đầy trong làng hội họa Việt Nam. Đến cuốn *Chén rượu gạo đầy vò*, Đỗ Chu một lần nữa nhắc đến ông như một cách để bày tỏ sự ngưỡng vọng. Một người bạn ông nói với Đỗ Chu: *“không biết đến khi nào ta mới lại có một Thái Bá Vân. Đỗ Chu tự nhủ, thế là mình đã lỡ dở một cuộc gặp gỡ hy hữu với một cây Bút, một Con Người. Liệu còn ai trên đời này như anh để mình tìm đến. Khó khăn lắm, đào đâu ra!”* [18, tr.157].

Đỗ Chu, với một cách riêng của mình, đã cho ta hình dung về giá trị vững bền của hội họa khi không bàn về tranh của họa sĩ Tô Ngọc Vân và họa sĩ Trần Văn Cẩn mà lại nhấn mạnh đến cái lôgô hai ông làm cho Văn nghệ Việt Nam vào ngày đầu cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Điều đáng nói ở đây, họa sĩ là người nghệ sĩ mang trong mình cả nhận thức thẩm mỹ và vẻ đẹp văn hóa. Do đó, người ta đã lên tiếng, đã bộc bạch những suy nghĩ chân thành nhất: *“Ở cái lôgô đó có mang tính chất đi tới của nền văn hóa cứu quốc, một vì sao vậy gọi sức sáng tạo không ngừng, một khoảng trời thẳm xanh tổ quốc và những trang sách nhiều kiêu hãnh”* [18, tr.16]. Nhìn vào tác phẩm nghệ thuật ấy, ta nhận ra giá trị cũng như mục đích tốt đẹp của nền văn hóa cứu quốc. Đầu tiên là hình ảnh vì sao lấp lánh kia. Vì sao lấp lánh trên bầu trời văn hóa Việt ấy là đỉnh cao của sáng tạo nghệ thuật, nhấn mạnh yêu cầu sáng tạo của nghệ thuật. Xung quanh là không gian bầu trời xanh thẳm. Và hẳn bầu trời xanh thẳm ấy là bầu trời hòa bình, bầu trời tự do. Nghĩa là, văn nghệ dù thế nào đi nữa cũng phải có tác dụng tuyên truyền, cổ vũ tinh thần đấu tranh

giải phóng dân tộc. Vì sao ư? Vì đất nước mình còn lầm than, khi nào hết chiến tranh thì mới hết lầm than được. Không dừng lại ở đó, những trang sách kiêu hãnh hiện lên. Đó là sức mạnh của văn học nghệ thuật với sự tồn vong của dân tộc.

Đến họa sĩ Trần Lưu Hậu, nhà văn khắc họa một cách chi tiết, đầy đủ về cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp to lớn của anh với nghệ thuật hội họa nước nhà. Theo Đỗ Chu, để hiểu được sâu sắc về con người và tác phẩm của Trần Lưu Hậu, ta không thể nhìn bằng mắt mà cần phải biết quan niệm bằng tâm tưởng. Anh đã kiêu hãnh mang về cho bầu không khí buồn tẻ của đời sống văn nghệ một sự thật đầy sức thuyết phục. Hay đúng hơn *“anh đã mang lại cho chúng ta một chân lý giản dị nhưng không dễ với tới, đó là những phòng tranh thấm hơi thở mạnh của thời đại, đủ sức lay động bất kỳ ai một khi đứng trước nó”* [18, tr.190]. Và đó là những giá trị làm nên một Trần Lưu Hậu. Quả đúng như vậy, nghệ thuật là thứ khó giải thích, một dạng ngôn ngữ thèm khát những chuyến đi, nhất là khi có tuổi rồi. Anh vươn ra đảo vẽ biển, chèo lên SaPa vẽ núi. Muốn sao cho những nơi ấy đất trời còn khoáng đạt, người còn thuần phác. Trần Lưu Hậu đến đó là để được sống nốt những năm cuối đời trong yên tĩnh và sạch sẽ, ngày ngày đổ sớ lên toan mà vẽ. Anh sẽ vẽ cho thật nhiều đến khi hả lòng hả dạ, hả giận, hả yêu. Đó là cách để anh sống cùng năm tháng, cùng nhân dân của mình. Giữa cuộc đời rộng lớn này, anh đã tìm ra lửa với một nghị lực, một họa sĩ đầy sáng tạo. Nói như Thái Bá Vân, nhà phê bình nổi tiếng đã quá cố, bạn chí cốt của anh, thì con người và tác phẩm Trần Lưu Hậu là một hiện thực nghệ thuật cần được nhìn bằng chính cái tâm, lấy hồn mình để hiểu hồn người. Tranh của Trần Lưu Hậu như lời nhận xét của Đỗ Chu không thể vẽ giống với Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng hay Nguyễn Tư Nghiêm và rất nhiều bậc thầy đi trước nhưng họ có điểm chung là lấy Hà Nội làm cội nguồn cho tình yêu tổ quốc.

Nói đến giới nghệ sĩ không thể thiếu các nhà văn, nhà thơ. Thời chiến tranh, Bác Hồ từng phát biểu văn học nghệ thuật là mặt trận và anh chị em nghệ sĩ là những người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Mặt trận văn hóa ấy sôi nổi và nở rộ với những cây bút được vinh danh với nhiều giải thưởng cao quý. Nhưng thiết nghĩ, cái giá trị trường tồn nhất của văn học nghệ thuật là sự đón nhận của bạn đọc trong cái nhìn sẻ chia, trân trọng. Nếu thơ là tiếng nói của cảm xúc, của những rung động trong tâm hồn con người thì văn xuôi cũng không ngoại lệ. Có điều cách thức phản ánh khác nhau mà thôi. Và hẳn mỗi nhà văn, nhà thơ đều xứng đáng là một chân dung văn hóa.

Nhà thơ Chế Lan Viên trong cảm nhận của Đỗ Chu là một nhà thơ chất chứa nhiều nỗi niềm. Đọc thơ Chế Lan Viên, hẳn ai cũng rất nhớ những vần thơ mang đậm màu sắc triết lý “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở, khi ta đi đất đã hóa tâm hồn” (*Tiếng hát con tàu*). Quả không sai khi Đỗ Chu cho rằng: “*Ông là người chăm chỉ đẩy thơ lên một tầm uyên bác nhưng cũng không xa lạ cầu kỳ, thơ ông vừa duy lý lại vừa nhạy cảm trước những vấn đề bức xúc đang đặt ra trong đời sống*” [18, tr.246]. Phải chăng, suy nghĩ nhiều nên viết nhiều, viết nhiều tức là nặng lòng nhiều với cuộc sống này? Ông là một người đặc biệt thẳng thắn. Đỗ Chu nhận ra điểm chung giữa mình với Chế Lan Viên, cũng cảm tình con khỉ, mà người tuổi khỉ xem ra có mấy ai được nhân tâm.

Đỗ Chu cũng dành nhiều trang viết cho nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trước hết, Đỗ Chu nhắc đi nhắc lại hình ảnh ngọn lửa trong thơ anh. Đọc thơ anh chỗ nào cũng lửa, lửa trong từng câu, trong từng bài và ở ngoài bìa những tập thơ. Lửa với anh là những kỉ niệm không thể quên, là một biểu tượng sống, một phẩm chất làm nên cốt cách của anh. Trong anh có một ngọn lửa vậy gọi và nâng bước. Dễ hiểu thôi vì Phạm Tiến Duật là người sống trong lửa, bước vào lửa và từ lửa lại bước ra. Đặc biệt, ngày anh lên đường tình nguyện đi chiến đấu là lúc anh đang là sinh viên khoa Văn năm thứ tư. Anh cùng bạn bè “*xếp bút nghiên lên đường đi đánh giặc*” theo tiếng gọi của Đảng, của tình

yêu nước. Đó là bầu không khí sục sôi, hăm hở của những thanh niên Hà thành mang hoài bão lớn. Cảnh tượng ấy thật đẹp và thật ý nghĩa biết bao. Thêm vào đó, Đỗ Chu cũng lý giải rất cụ thể về lí do tại sao thơ Phạm Tiến Duật lại được quần chúng sớm đón nhận đến vậy: *“Rất đơn giản, anh là một người lính làm thơ cho lính đọc, anh chưa bao giờ sắm vai người nói hộ, chưa bao giờ yêu hộ, khóc hộ, lo âu hộ. Anh là một người công lửa, chưa bao giờ vui quá, chưa bao giờ sướng quá, chưa bao giờ làm một nhân vật quan trọng, nhưng anh vẫn luôn luôn là người biết hát, dám hát, dám sống và viết như chính mình đã nghĩ thế, cảm thế về những năm tháng mà mình đã đi qua”* [17, tr.55-56]. Phạm Tiến Duật giành vị trí thủ khoa của cuộc thi do báo Văn nghệ tổ chức - một sự kiện lớn trong đời sống văn học. Có thể nói sự xuất hiện của anh trên văn đàn là sự xuất hiện của một bút pháp, có sức đột phá, có sức khai mở một thi pháp. Thơ với anh như một thứ nhật ký, thấy ngay, nghĩ ngay và viết ngay. Anh muốn thơ mình phải là tiếng nói hàng ngày với những vấn đề thời sự nhất. Phải chăng anh là người góp phần không nhỏ làm nên sức mạnh tiếng nói của con người Việt?

Trong các thế hệ nhà văn trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ, Nguyễn Minh Châu là một nhà văn có sức sáng tạo rất dồi dào, một chân dung văn hóa lớn. Nói đến Nguyễn Minh Châu, ngay từ tập tùy bút *Tản mạn trước đèn*, nhà văn đã cho ta hiểu thêm về tình cảm của ông, một là quý vợ thương con, sau là tác phẩm. Hàng tháng anh Châu thực hiện một chuyến nhảy tàu về quê thăm vợ con, chập tối mò ra ga Hàng Cỏ tảng sáng về tới nhà. Trên vai anh lần thì là một bao gạo, lần thì là túi đường sữa, mì chính linh tinh, còn bên nách là một ôm sách, hoặc cuộn bản thảo của tác phẩm vĩ đại sắp ra đời. Thế rồi, khó khăn, nhọc nhằn cũng qua đi nhờ người bạn chiến đấu của anh giúp đỡ. Gia đình anh đoàn tụ, theo đó, các tác phẩm pháp phối ra đời, tiếng nổi như cồn. Sau này, đến khi viết *Chén rượu gạo đầy vò*, Đỗ Chu một lần nữa nhắc đến Nguyễn Minh Châu khi bàn về vấn đề văn hóa và sự

phát triển của văn minh. Nếu Hoàng Ngọc Hiến có tiểu luận xuất sắc *Sức mạnh văn hóa và sự phát triển của văn minh (trường hợp của Việt Nam)* thì Nguyễn Minh Châu vừa mạnh dạn viết *Hãy thổi bài ai điều cho nền văn học minh họa*. Đỗ Chu nhận ra sự “*niệt huyết và thành tâm, mong mỗi tìm đến một nền văn nghệ có tầm vóc trường thành để xứng đáng hơn nữa với đất nước*” [18, tr.65]. Nguyễn Minh Châu khao khát đổi mới nền văn học nghệ thuật. Nhà văn muốn loại bỏ thứ văn chương xa rời cuộc sống và hướng đến thứ văn chương phản ánh được sâu sắc nhất đời sống này, kể cả những mặt trái. Điều này xuất phát từ cái nhìn hiện thực sáng suốt về con người. Con người còn có những góc khuất, những trăn trở, những khát vọng mà nếu bạn không thực sự chú ý thì rất khó có thể thấy được. Cái nhìn con người đa chiều, đa diện đã được Nguyễn Minh Châu đưa vào văn chương. Trên thực tế, những tác phẩm của Nguyễn Minh Châu là minh chứng rất thuyết phục cho quan điểm mang tính tuyên ngôn của thời đổi mới ấy. Đặc biệt, nếu ai đã từng đến ngôi nhà nhỏ của Đỗ Chu, bạn sẽ được tận mắt thấy bức chân dung Nguyễn Minh Châu bằng một bức tranh sơn dầu do chính tay Đỗ Chu vẽ. Phải chăng vì quá yêu quý cái tài và cái tâm của anh nên Đỗ Chu đã cho rằng: “*văn đức là gì, thì hãy cứ thấp hương mà hỏi Nguyễn Minh Châu. Hình như nó là tất cả, trí tuệ, tài năng và tâm huyết*” [16, tr.168].

Không phải là một nhà văn lãng mạn trữ tình, Kim Lân là cây bút văn xuôi mang đặc trưng của một thứ văn xuôi thô nháp, không tô điểm, tiêu biểu cho vẻ đẹp văn hóa bình dị mà vẫn cao sang của dân tộc. Nhà văn này có những thú chơi tao nhã và cũng hết sức sành đời: thú chơi cây thế và thú chơi chim cảnh. Khách đến nhà được chào đón bằng tiếng chú chích chòe hay cô chào mào, chim gáy thổ đồng. Hẳn tất cả chúng ta ai cũng biết đến *Làng*, *Vợ nhặt*, *Con chó xấu xí*... Ngay cả Kim Lân cũng nhớ thuở ấy, cái thuở mà ông may mắn có được một lần trong đời. Đạo ấy ông viết sao dễ dàng quá, hồn nhiên quá, say quá, viết mà thấy tin, thấy thích, thấy cảm động trước những gì

mình đã viết ra. Đọc văn Kim Lân thì không quá khó nhưng để hiểu hết chiều sâu của nó thì không phải là dễ. Bởi vì: “*Ông Kim Lân là một sự bí hiểm chẳng khác nào những chiếc lọ cổ được ông bày la liệt trong căn phòng khách chật chội của ông vậy*” [16, tr.139]. Hơn nữa, chính Kim Lân cũng cho rằng muốn đánh giá nổi một cái lọ cũng cần phải hiểu biết nhiều, mò mẫm nhiều. Văn Kim Lân là thế, nó chất chứa một vẻ gì dễ để ta cảm thấy gần gũi, nhớ đến góc gác xa xưa, nhớ đến người thân nơi quê nhà lam lũ, nghĩ đến những lầm than mà dân tộc đã nếm trải và nhớ đến, và nâng niu những nét tài hoa không thua kém một ai của ông cha mình. Đó là những cái lọ biết im lặng và cũng biết nói. Đọc đến *Thăm thăm bóng người*, ta lại bắt gặp Kim Lân lần thứ hai. Ở đây, Đỗ Chu tiếp tục khẳng định tài năng của Kim Lân và tập trung lý giải về ý thức của một nhà văn biết khi nào nên dừng không cầm bút. Có thể thấy những gì ông đã có, những gì ông đã viết, tuy chẳng nhiều nhận gì, lại vẫn được bạn đọc nâng niu trân trọng. Lớp con cháu lớn lên vẫn tìm đến ông, họ đọc ông và quây quần quanh ông một cách ấm cúng, trù mến và tin cậy. Ông Kim Lân là một minh chứng cho chân lý không thể sống nhạt, sống tòi mà lại có văn chương. Có lẽ, vì Kim Lân để lại ấn tượng sâu sắc quá nên Đỗ Chu vẫn ưu ái hơn khi lần thứ ba nhắc đến ông trong cuốn *Chén rượu gạo dáy vò*. Lần này, Đỗ Chu nói nhiều về sự gắn bó của Kim Lân với hội làng Bắc Ninh. Đó là thói quen hay là lẽ sống? Chắc là cả hai. Thực ra ông Kim Lân mới là người của hội hè, ông đi hội từ tấm bé đến già, nhưng là những hội của thôn làng cổ tích, làng Diềm, Duệ Đông, Duệ Bao, Rừng Mành, Tam Đảo.... Thật đáng quý sự mộc mạc và chân tình ấy của Kim Lân. Đó chẳng phải là nét quê, hồn quê thì còn là cái gì nữa!

Đỗ Chu còn viết về nhà ngôn ngữ học, nhà nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân nổi tiếng với biệt danh là “*người nghệ sĩ suốt*

đời đi tìm cái đẹp”. Ông đam mê tìm kiếm, phát hiện và khẳng định cái đẹp trong mỗi con người, trong từng cảnh vật, trong từng món ăn, trong từng mảnh đất... Chính xác hơn, Nguyễn Tuân vừa là một cây bút viết truyện ngắn hay vừa là một nhà văn viết tùy bút rất xuất sắc. Không chỉ có vậy, Nguyễn Tuân còn có hiểu biết sâu rộng về các ngành nghệ thuật. Quan trọng hơn, con người ông sống rất mạnh mẽ với cá tính của một người nghệ sĩ giàu sức sáng tạo. Đỗ Chu viết về Nguyễn Tuân bằng sự ngưỡng mộ và bằng cả trái tim trân quý với bậc đàn anh. Nguyên tắc sống cũng như đời văn của Nguyễn Tuân khiến người đời phải nể trọng. Theo Đỗ Chu kể thì suốt nhiều năm nhà văn công tác ở Hội Nhà văn cho đến khi Nguyễn Tuân mất, mỗi lần đứng trước ông cụ, Đỗ Chu cũng e dè, thậm chí còn lóng ngóng không thở nổi như bị mất cả hồn vía. Bởi vì những trang viết đầy sức ám ảnh của ông đã đủ làm người ta lúng túng như vậy. Nguyễn Tuân không phải là thánh nhưng đúng là muốn hiểu ông thật không dễ. Ông là một trường hợp hiếm thấy, có lẽ phải rất lâu trong văn học mới có một người như thế. Các nhà văn lớn mỗi người một vẻ, họ giống như những trái núi nằm đáy ngày ngày ai cũng trông thấy, ấy vậy mà càng ngắm càng thấy lạ. Mỗi ngày ta lại thấy thêm ở họ lộ ra một nét mới. Cái mới không đơn thuần là ở cá tính mà quan trọng hơn là cái thuộc về bề sâu, nó là cốt kiêu. Vì vậy, Đỗ Chu đã viết: *“Mọi nhà văn lớn đều có tác động trực tiếp tới sự phát triển ngôn ngữ của dân tộc mình, làm cho nó không ngừng giàu có. Trong công việc này Tuân là một nhà ngôn ngữ học lớn”* [17, tr.86].

Những bức chân dung các nhân vật trí thức, nghệ sĩ làm nên sự phong phú sinh động, gọi ra nhiều thích thú, say mê của tùy bút Đỗ Chu. Ở đây, ta thấy bằng những mối quan hệ tình cảm riêng tư, Đỗ Chu đã có một khoảng cách gần để có thể phác họa những bức chân dung sinh động về những trí thức, nghệ sĩ. Họ là kết tinh của tài năng Việt, trí tuệ và tâm hồn Việt. Đất nước, con người đẹp lên, cao cả thêm nhiều lần từ những trang văn, bức họa và tư tưởng của họ. Những dòng tùy bút trân quý dành cho họ cũng chính là dành cho văn hóa Việt mà Đỗ Chu đã say mê cảm nhận.

Chương 3

CÁI TÔI VĂN HÓA

VÀ CÁI TÔI NGHỆ THUẬT: HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ

3.1. Cái Tôi văn hóa: Khám phá và tri âm

3.1.1. Người say mê đi tìm những giá trị văn hóa

Ngay từ những trang tùy bút đầu tiên, Đỗ Chu đã thể hiện niềm đam mê đi tìm, phát hiện và khẳng định các giá trị văn hóa Việt. Nếu người đời ca ngợi Nguyễn Tuân là một nhà văn “suốt đời đi tìm cái đẹp” thì sẽ không quá lời khi cho rằng Đỗ Chu là nhà văn “suốt đời đi tìm các giá trị văn hóa”. Sự đam mê khám phá, đi tìm các giá trị văn hóa thể hiện ở việc nhà văn mang đến cho tùy bút dấu ấn về cuộc đời, con người chính mình và thông qua những con người mà ông đã từng gặp, những miền đất mà ông đã từng đi qua.

Những gì ông viết về chính mình, quê hương mình là một cách thể hiện con người, cốt cách nhà văn để người đọc có thể hiểu thêm về văn ông và chất văn hóa lấp lánh trong những trang văn Đỗ Chu. Đọc các trang tùy bút Đỗ Chu, ta thấy một cái tôi khám phá biết bao vẻ đẹp của những vùng đất thiêng liêng của đất nước. Theo ông, đó là những vùng đất mà khi tìm hiểu về chúng, ta có thể đọc ra số phận dân tộc mình, số phận chính mình. Trong đó, gần gũi nhất đến tận đáy lòng ông là mảnh đất Kinh Bắc giàu truyền thống văn hóa, nơi nhà văn sinh ra và lớn lên. Trước hết, Đỗ Chu kể về tuổi thơ êm đềm của mình ở quê ngoại Bắc Ninh. Ông say sưa viết: “Làng tôi là làng Mật Ninh, một cái tên dễ có gốc gác với một làng cổ. Đã có làng Mật Ninh lại phải có

đình chùa, văn chỉ Mật Ninh và cũng phải có người Mật Ninh, tiếng Mật Ninh. Tiếng làng ấy không trộn vào đâu được, nghe nặng lắm, mà nói to lắm và đàn bà đàn ông nhìn chung đều đơn đả mau mắn. Ở xa quê về chợ Nénh, chưa kịp nhận ra ai vào ai, mà nghe vài lời đã hiểu người làng ta đây rồi” [17, tr.274]. Con người Đỗ Chu là vậy, ông gắn bó với quê hương và trân trọng tất cả những gì thuộc về quê hương ông: cảnh làng Mật Ninh, đình chùa Mật Ninh, con người Mật Ninh, tiếng nói Mật Ninh... Dù chưa đến mười tuổi, nhà văn đã rời quê để một đời làm kiếp tha hương nhưng trong ông vẫn còn vẹn nguyên những kỉ niệm về một tuổi thơ bình dị. Thấp thoáng trong những trang tùy bút Đỗ Chu là những kí ức tươi đẹp một thời. Trên con đường nhỏ dẫn ra đồng, mấy con trâu húc nhau, ghè đầu nhau xuống đất. Lũ trẻ con chăn trâu tha hồ chạy nhảy và chơi các trò chơi dân gian. Đặc biệt, chúng thích nô đùa, ngụp lặn trong dòng nước suối trong, mát lành. Một cuộc sống bình dị, gắn bó với thiên nhiên: *“trẻ con vợ nhau cày khô, lá khô, rom rạ, vợ tát cả những gì có thể vợ, cầm cả xuống lòng máng đốt cho khói um lên làm nước mắt ràn rụa”* [17, tr.271]. Những kỉ niệm đó được nhà văn nhắc lại như một cách để bày tỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Hơn nữa, phải là một người nặng tình như Đỗ Chu mới viết về ký ức tuổi thơ tươi đẹp như thế. Đó cũng là biểu hiện của một cái tôi say mê với truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương mình.

Sự say mê đi tìm giá trị văn hóa của Đỗ Chu còn thể hiện ở những sở thích mà có lẽ chỉ có ở những người sống giản dị, mộc mạc như ông: Thích nhà lá đơn sơ, thích uống nước chè tươi. Có lẽ vì thế mà ngôi nhà vợ chồng Đỗ Chu hiện đang ở tại Niềm Xá, Bắc Ninh mới mộc mạc, đơn sơ đến thế.

Vào một ngày giáp tết Nguyên Đán Đinh Dậu vừa qua, tôi đã có cơ hội được ngắm nhìn ngôi nhà ấy. Lần đầu tiên đến đây, lần đầu tiên gặp mặt nhưng xiết bao ân tình. Tôi có cảm giác như không phải đến thăm nhà văn mà là đang trở về quê hương của mình vậy. Bữa cơm tất niên chỉ bằng bát canh gà đồi Thái Nguyên nấu gừng mà sao ấm áp đến lạ. Nhà văn chia sẻ ông chỉ thích những gì tự nhiên như nó vốn có. Hình ảnh Đỗ Chu không ồn ào, không vội vã và hết sức ân cần khi tôi hỏi chuyện về cuộc đời, về sáng tác đã in đậm trong tâm trí tôi. Đỗ Chu là vậy, giản dị, mộc mạc từ đời thực đến sáng tác. Hiện nay, Đỗ Chu vẫn giữ thói quen uống nước chè tươi, và là uống bằng bát. Trong *Chén rượu gạo đầy vò*, không ít lần Đỗ Chu nhắc đến sở thích ấy. Nói đúng hơn, uống chè tươi không chỉ là sở thích mà còn là một cách để giữ gìn một thức uống truyền thống của dân tộc. Đỗ Chu kể về dịp đón tiếp nhà khoa học: *“Tôi mời bạn bát nước chè tươi vờ ủ trong giỏ tích trước lúc cùng mấy bà hàng xóm ra công viên tập thể hình theo một chương trình đặc biệt mới rước từ Tây Tạng về”* [18, tr.11]. Đó là cái cách tiếp khách quen thuộc của nhà văn mà có lẽ ai đã từng được thưởng thức bát nước chè tươi ấy không thể nào không nhớ. Xưa, người ta luôn luôn uống chè tươi bằng bát. Đỗ Chu cũng dùng những chiếc bát để thưởng thức chè tươi. Nước chè nóng hổi đầy bọt như trân châu, thổi bọt dạt ra, kè môi uống liền một hơi cạn sạch, như thế mới đã khát. Dùng bát là cung cách uống chè tươi truyền thống trải hàng ngàn năm của dân cư Việt và còn rất phổ biến ở các vùng làng quê mãi đến tận nửa cuối thế kỷ XX. Hầu hết người Việt đều cảm nhận rằng: Uống nước chè tươi phải dùng bát, vừa uống vừa thổi mới ngon, mới đã đời! Chè tươi uống bằng bát cho hương tỏa nghi ngút, nước chè phần mặt thoáng nguội nhanh rất vừa uống nhưng phần dưới vẫn giữ nóng lâu đủ thưởng thức trọn bát nước chè nóng. Đọc văn Đỗ Chu, ta nhận ra cái hồn quê, tình quê cứ thế thấm vào tâm hồn ông, mộc mạc mà bình yên đến lạ. Phải chăng điều đó đã làm nên một Đỗ Chu say mê đi tìm các giá trị văn hóa?

Đỗ Chu là người đi tìm, chắt lọc cái đẹp của văn hóa Việt trong khung cảnh, vật dụng và những con người mà ông gặp. Do thế, nét đẹp trong con người Việt biểu hiện rất phong phú trong tùy bút Đỗ Chu. Ông nhận ra vẻ đẹp con người Việt với sự trân trọng tình đời, tình người, nhất là ở những bậc hiền tài. Thật vậy, nếu ta không thấy, không chịu thấy họ thì chính họ chưa mất gì, chỉ có ta là mất, ta làm cho chính bản thân mình trở nên buồn tẻ và nghèo khó, trước hết là nghèo khó trên phương diện tinh thần. Như thế, giữa bộn bề cuộc sống, giữa ngồn ngộn sự đời, người hiền tài vẫn là những viên ngọc sáng lấp lánh. Ta đọc được cái trân trọng con người Hoàng Ngọc Hiến, sự ngưỡng vọng một Nguyễn Tuân hơn cả một nhà văn, nhà văn hóa. Với Đỗ Chu, bản thân con người Nguyễn Tuân là kết tinh của văn hóa trong từng điệu nói, lối nghĩ, câu văn.

Còn nữa, Đỗ Chu say sưa đi tìm, khẳng định và gửi gắm tất cả những tâm tư tình cảm của cái tôi văn hóa vào làng Việt. Đặc biệt, ông còn đánh giá cao những trang viết của đồng nghiệp bàn về cái làng Việt Nam xưa và nay. Và ông mong còn được đọc thêm nhiều bài nữa, của nhiều người viết nữa. Nhất là những bài viết về cái làng Nam bộ, cái làng Trung bộ, tôi thật sự thèm khát được hiểu thêm đôi chút về nó. Đặc biệt, Đỗ Chu muốn giữ lại nét đẹp của làng Việt cổ. Cái làng Việt chính là cái nôi tuyệt vời, là cội nguồn của mỗi người Việt Nam. Mọi tinh hoa của dân tộc, sức sống của của một nền văn hóa lâu bền, tinh thần của đất nước đều từ đây mà ra. Cho nên hỏi quê hương người Việt Nam ở đâu thì ai cũng có thể trả lời ngay rằng quê hương người Việt Nam là ở cái làng Việt Nam. Cái làng Việt đã sinh ra biết bao người con ưu tú cho dân tộc: Cụ Phan Châu Trinh, cụ Phan Bội Châu, cụ Hồ Chí Minh... những người lính xung phong ra mặt trận, những mẹ già, vợ trẻ, con thơ... Tất cả là sức mạnh về cả vật chất lẫn tinh thần của dân tộc ta. Hóa ra, làng Việt là sáng tạo kiêu hãnh của lịch sử. Đỗ Chu đưa ra nhận định thật xác đáng: *“Nước nhà có tuổi thọ là mấy ngàn năm thì cái làng Việt cũng có tuổi*

thọ là ngân áy. Cái làng Việt từng trải và chìm nổi như lịch sử dân tộc từng trải và chìm nổi” [16, tr.319]. Đỗ Chu đã nhìn thấy vẻ đẹp của làng Việt và cũng nhận ra những vấn đề cần bàn thêm về nó. Càng ngắm càng thấy cái làng Việt là rất hay, nó vẫn đang là một câu đố lịch sử với mỗi chúng ta, những người cầm bút. Đây là món nợ tinh thần bắt mỗi nhà văn phải lo mà trang trải. Và cho đến giờ, trong cái đầu cặn bã của tôi mặc dù đã rất cố gắng mà vẫn không sao vỡ ra được một vấn đề lý luận, vẫn không sao hiểu nổi tại làm sao một đám người làm ruộng, từ những cánh đồng bước lên, cầm súng lao vào những cuộc chiến đấu vì độc lập tự do cho cả dân tộc, anh dũng là vậy, khôn ngoan là vậy, chiến công rực rỡ là vậy, ấy thế mà suốt cả một chặng đường dài luôn luôn bị nhắc nhở là cần phải khắc phục cái đầu óc nông dân lạc hậu, tầm nhìn thiển cận, manh mún. Hóa ra, Đỗ Chu muốn tìm lại chỗ đứng vốn có của làng Việt trong tâm hồn người Việt.

Nhìn chung, bạn đọc nhận thấy trong những trang tùy bút Đỗ Chu hiện lên cái tôi văn hóa Đỗ Chu qua những cảm thức về văn hóa Việt. Nhà văn không chỉ đưa ta về với những miền đất ghi dấu những trang sử hào hùng nhưng cũng đầy chất thơ: một Điện Biên mây trắng, một Hà Nội hào hoa, một Tây Nguyên nắng gió, một Sa Pa mù sương mà còn là những dòng sông quê hương gợi nhớ bao kỉ niệm: sông Cầu, sông Thương, sông Tiêu Tương... Đặc biệt, không phải ngẫu nhiên mà ông dành nhiều trang viết cho mảnh đất Kinh Bắc giải truyền thống văn hóa. Đó là cái tôi muốn được trở về khẳng định vẻ đẹp bất diệt của quê hương mình. Ta còn gặp gỡ với biết bao người nghệ sĩ tài năng, những nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học và cả những con người bình thường mà nhân cách cao đẹp. Đỗ Chu say sưa đi tìm, phát hiện và khẳng định các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Những lời tâm sự tận đáy lòng mình vừa ngọt ngào lại rất đỗi thân thương. Có lẽ, qua những dòng văn ấy, nhà văn muốn cùng người đọc khám phá con người, khám phá cuộc đời. Cái đẹp cứ thế hiện lên và để lại ấn tượng sâu sắc. Tình người ấm áp, tình yêu

quê hương đất nước tha thiết, tình quân dân nồng nàn, tình đồng chí, đồng đội đầm thắm, những thứ tình cảm bình dị thời chiến tranh, những câu chuyện thế sự thời nay... Tất cả trở thành vẻ đẹp văn hóa Việt cần được bảo tồn và phát triển. Đó chính là vẻ đẹp của cái tôi văn hóa làm nên sự sang trọng, sức mê đắm của những trang tùy bút Đỗ Chu.

3.1.2. Sự tri âm với cái đẹp, cái tài

Nói đến tri âm là nói đến những con người đồng điệu. Họ hiểu nhau và họ nhận ra nhau. Với nghệ sĩ điều này càng được thể hiện rất rõ ràng. Họ nhận ra chất tài tình ở trong nhau. Bản thân họ tự thấy mình là một kiếp bên trời lận đận. Từ đó, họ thấy mình có liên hệ với nỗi khổ của người có tài tình, tài hoa. Họ cùng một tâm hồn rung cảm, cùng là những nghệ sĩ đạt đến trình độ lóe sáng của tài năng đã nhận ra nhau. Có lẽ, vì hiểu tận sâu đáy lòng thì họ mới nhận ra được cái đẹp, cái tài, kể cả những người tài có nguy cơ bị trầm lấp đi. Nhất là sự nhận ra cái đẹp trong những đứa con tinh thần của người nghệ sĩ. Nói cách khác, Đỗ Chu đã lấy hồn mình để hiểu hồn người - tình nghệ sĩ.

Sự tri âm với cái đẹp, cái tài của Đỗ Chu thể hiện trước hết ở sự đồng cảm với những người nghệ sĩ, hiểu được những tâm tư của người cầm bút như ông. Đỗ Chu bày tỏ về chính đời văn của mình và những người cùng giới văn chương một cách rất chân thành. Xưa nay, cầm bút viết văn vẫn là để giải bày tâm sự, để nói ra bằng chữ những rung động, những suy tư trước nhiều cảnh huống mà mình đã trải, đã cảm nhận. Đỗ Chu hiểu được cái nhạy cảm, tinh tế của người viết văn: *“Khi đặt bút rõ ràng là chả ai mượn, rõ ràng là chuyện ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng, thế mà anh ta cứ một mình rung rung tự tin, cứ lặn vào bàn những chuyện thiên hạ, và tất cả bỗng hiển hiện lên như thật, có khi lại còn hơn cả thật. Nhà văn đã sống hộ người khác, anh ta đã nhập vai đã lên đồng. Có được khả năng đó là bởi cõi lòng anh ta không nguội lạnh, hồn anh ta dễ rung, như sợi tơ đàn vậy. Nó cũng chính là dấu hiệu của*

tài năng” [16, tr.250]. Nhưng làm sao để có cái để giải bày, đấy mới là khó. Người ta gọi đó là vốn sống, vốn sống phải đầy ắp, phải rạo rục. Nhưng có lẽ vốn sống của nhà văn không hẳn là vốn sống thông thường mà mọi người đều có thể có. Thế nên ông trần trở, nhà văn lấy gì để tâm sự? Cái cốt lõi nhất là cõi lòng nhà văn không nguội lạnh, hồn nhà văn dễ rung, như sợi tơ đàn vậy. Nhưng có cái để nói rồi vẫn chưa đủ, lại phải nói bằng một cách như thế nào nữa. Đỗ Chu mượn lời của một nhà văn bậc thầy của văn học Pháp, Guy đơ Mô-pát-xăng để nói lên suy nghĩ của mình. Đó là sự sáng tạo. Là nhà văn, anh phải tìm cho mình một bút pháp trước đây chưa ai từng có. Theo đó, nhà văn đặt ra nhiệm vụ cho mình và cho đồng nghiệp là cần phải phấn đấu để đạt tới cái hay, rất hay, trong cái hay bao giờ cũng chứa cả cái đúng, nhưng nếu chỉ mới đúng thì chưa chắc đã là hay được. Không nên chỉ dừng lại ở tranh luận sai đúng, phải biết hướng tới chân, thiện, mỹ, nó chính là cái cốt lõi văn chương. Như vậy Đỗ Chu cũng là một tâm hồn biết rung cảm nhận ra chính mình và nhận ra những người nghệ sĩ khác.

Đối với Đỗ Chu, ông luôn coi trọng và trân quý cái tài cái đẹp trong cuộc sống. Sứ mệnh của người nghệ sĩ như Đỗ Chu là gìn giữ và phát huy cái tài, cái đẹp ấy qua những đứa con tinh thần của mình. Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta nhận ra cái tôi văn hóa đang tâm sự về nghệ thuật. Theo ông, nghệ thuật tuyên truyền cách mạng rất thiết thực nhưng chưa đủ để làm nên một nền nghệ thuật với đúng nghĩa của nó. Nghệ thuật còn là sự theo đuổi và phát hiện cái đẹp. Đúng trước đòi hỏi cấp thiết của sự nghiệp chung giải phóng dân tộc các nghệ sĩ chúng ta phải dám lặn vào lửa, phải biết làm nghệ thuật tuyên truyền cách mạng và làm giỏi. Nhưng trong lâu dài, nếu muốn thành một người thực sự sáng tạo thì phải nhìn xa hơn cái sứ mệnh mà mình đã lựa chọn, có thể mới mang lại vẻ vang cho nền nghệ thuật nước nhà. Có một thời kì, giới văn đàn đã diễn ra những cuộc tranh luận sôi nổi giữa nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh. Quả đúng là phải nhìn nhận công bằng như vậy thì

mới thấu. Và chẳng người nghệ sĩ hãy làm tròn sứ mệnh cao cả của mình: *“Có nghệ thuật tuyên truyền nhưng cũng lại còn có nghệ thuật theo đuổi cái đẹp. Một họa sĩ chỉ dừng lại ở nghệ thuật tuyên truyền cũng giống như một anh chàng nghệ sĩ an tâm cả đời dắt ngựa chứ không chịu nhảy lên ngòai lưng ngựa phóng tới phía trước”* [18, tr.195]. Hãy mạnh dạn nhảy lên ngòai lưng ngựa, thúc ngựa thật mạnh phóng đi. Và khi đó, có thể con ngựa mà bạn đang cưỡi không phải là con ngựa phóng nhanh nhất nhưng nó đã chiến thắng chính mình. Khi đó, người nghệ sĩ mới thực sự làm tròn bổn phận của mình. Đó là chân lý của nghệ thuật hướng tới cái đẹp, cái tài nhưng cái đẹp nhất của nghệ thuật cũng là điều đáng bàn. Ở đây, Đỗ Chu giới thiệu đến bạn đọc rất nhiều người làm nghệ thuật. Họ là những nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ... theo đuổi đam mê nghệ thuật. Dẫn lời của nhà văn Anatone France, ông muốn khẳng định vẻ đẹp bất diệt của nghệ thuật là sự giản dị: *“nếu vẻ đẹp cuối cùng của con người là sự từng trải thì vẻ đẹp cuối cùng của nghệ thuật là sự giản dị”* [18, tr.119]. Đây là cái đích mà mọi người cầm bút đều hướng đến. Hình như quanh chúng ta, chỗ nào cũng có thể gặp một vài người như thế, trước hết, họ đều là những người ít lời, ít lời vì rất khiêm tốn. Cây trâm mang nỗi đau của cây trâm, con trai ngậm ngọc mang cái đau của ngọc, những người cầm bút có phong độ không ai không mang trong lòng những âm thầm mình biết với mình. Nhưng dù sao đi chăng nữa, họ mang những âm thầm ấy gửi gắm vào văn chương như một người bạn tri kỉ. Hơn nữa, họ sử dụng những chất liệu đời thường nhất để làm nên tác phẩm của mình. Mộc mạc, giản dị mà vẫn có sức lan tỏa phi thường. Hóa ra, người nghệ sĩ không phải là bậc siêu nhiên, cũng chẳng phải một đấng cao xa nào mà là những con người đa cảm, nhìn đâu cũng thấy nỗi niềm. Cái duyên với văn chương cứ thế đến với ta không báo trước. Thật tự nhiên mà rất đổi chân thành. Cái cốt của nghệ thuật suy cho cùng là ở sự giản dị. Và qua tùy bút, Đỗ Chu thể hiện sự tri âm sâu sắc của mình với sự giản dị.

Mặt khác, Đỗ Chu còn thể hiện sự tri âm với cái đẹp bằng cách đưa ra cái nhìn rất tiến bộ về đỉnh cao nghệ thuật. Đỗ Chu đọc văn thơ, xem tranh, thưởng thức tác phẩm của những nghệ sĩ khác và nhận ra tài năng của họ. Là người nghệ sĩ, ai cũng mong mình sẽ có những đứa con tinh thần được mọi người yêu quý. Tất nhiên, với những giá trị to lớn của các tác phẩm nghệ thuật, họ sẽ thành công và có thể lên đến đỉnh cao nghệ thuật. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Vẫn có đâu đây những bóng hình nghệ sĩ thâm lặng viết, rất trách nhiệm, rất đam mê với công việc lao động nghệ thuật. Họ có thể chưa thực sự là “đỉnh” nghệ thuật nhưng họ vẫn xứng đáng được tôn vinh. Ai đã từng nói, có leo được lên một đỉnh mới thấy nổi những đỉnh khác, nhiều cái đỉnh làm nên quần sơn, thành một nền tảng. Không cần bàn tay lớn hay nhỏ, cao hay thấp, càng không cần biết mình có là đỉnh hay không là đỉnh. Người nghệ sĩ chân chính biết mình thuộc về một nền nghệ thuật có phẩm chất và nó không thể là tầm thường. Sau tất cả, ông hiểu rằng: *“Với những ai cầm bút thì chỉ những trang văn là ở lại với đời”* [16, tr.246]. Nếu gọi nó là nghề thì liệu còn có nghề nào lấm chênh vênh như nghề này nữa không. Chênh vênh đấy mà cũng bền vững đấy. Đời người lấm đẹn, đời người lấm vện, chỉ có nhân dân là vẫn muôn năm. Nhân dân phải bụi giữ gìn những trang văn gắn bó máu thịt với số phận của nó. Kể từ buổi đầu của dân tộc, không thời đại nào la không có những trang văn kỳ thú có sức sống dai dẳng cùng thời gian. Nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc nói chung và nền văn học Việt Nam nói riêng cũng đã từng bước trưởng thành. Trong đó, có hai thế kỉ rất đáng nêu tên là thế kỉ XVIII và thế kỉ XX với nhiều tác giả và tác phẩm lớn. Từ đó, góp phần đặt nền móng vững chãi để văn hóa dân tộc tiếp tục khẳng định mình trong nền văn hóa nói chung của nhân loại.

Đỗ Chu hiểu trách nhiệm của mình với cuộc đời và cũng tự hào về chính mình và các đồng nghiệp. Với tinh thần trách nhiệm cao nhất mỗi người cầm bút giờ đây đều hiểu ta còn đang mắc nợ rất nhiều, nợ cuộc đời, một gánh nợ

đi qua thế kỷ. Mặt khác cũng muốn được nói, dọc những năm tháng gian lao ấy nền văn nghệ nước nhà không thiếu những tác phẩm có thể được xem là xứng tầm thời đại. Điềm lại chặng đường đã vượt qua, ta thấy *“những thành tựu của văn học và nghệ thuật là rất đáng tự hào, đó là tinh hoa đất nước, sống mãi cùng đất nước”* [18, tr.7]. Hơn ai hết, Đỗ Chu đến với nghề văn và coi đó như sứ mệnh của mình. Mặc kệ người đời lao vào kinh doanh, họ vẫn cầm đầu viết như thừng ngô chữ. Thế nhưng, họ thật đáng quý. Thời buổi thiên hạ đua chen kiếm tiền, chạy đôn chạy đáo, ngược xuôi sấp ngửa, vậy mà lại có đứa cặm cụi đánh vật với chữ bảo không trân trọng sao được. Người Việt ta từ xưa đến nay vẫn có truyền thống hiếu học. Nếu nhà nào có dòng dõi đỗ đạt, làm quan, văn chương giỏi thì ắt được người ta trân trọng. Ấy cũng là truyền thống văn hóa của dân tộc. Có lẽ, người có tài văn chương đều dòng dõi thư hương, dòng dõi mặc hương, nó là dấu hiệu văn hóa mang tính truyền thống lâu đời. Cái mùi sách mùi mực nó lạ lắm, dai dẳng đeo bám. Ra ngoài, nghe có ai nhắc thằng cha ấy đặc thư hương nét nhà, vậy là đủ thấy phải quý nể. Đỗ Chu khẳng định: *“Viết văn trước tiên là để cho mình, chưa hay phải có bằng hay. Một khi người viết ra còn chưa thấy thích thì bảo ai thích nỡ, đó là một đời theo đuổi cái thiện cái đẹp. Nhất là chuyện sáng tác nhiều hay ít không cần bàn đến. Quan trọng là nó có giá trị gì cho đời hay không. Vậy nên, hãy viết bằng chính cái tâm của mình và khi đó tác phẩm của bạn sẽ đến gần với bạn đọc hơn”* [3, tr.86]. Đỗ Chu đưa ra quan điểm ấy cũng chính là sự tri âm với nghệ thuật, là sự đồng cảm với nghệ thuật.

Đỗ Chu còn thể hiện sự chia sẻ, cảm thông với thế giới nội tâm của con người, nhất là những người tài, người có nhân cách cao đẹp. Từ đó, ông bày tỏ suy nghĩ rất thẳng thắn và rất chân thực về lẽ sống, về kiếp người. Con người ở thời nào cũng vậy, nhất là trong thời kì chiến tranh, là cán bộ phải sống với sự điềm nhiên, để cái uy dũng lặn vào bên trong. Đỗ Chu ca ngợi phẩm chất ấy trong con người như một lời cảm ơn với những cán bộ cách

mạng chân chính. Nguyễn Xuân Mậu là thủ trưởng của nhà văn hồi ở chiến trường. Họ đã chung sống với nhau trong chiến tranh, cùng nhau đối mặt với bom đạn kẻ thù. Nay hòa bình lập lại, họ vẫn sống rất xứng đáng với đất nước, với lí tưởng mà họ theo đuổi. Và họ vẫn giữ phong thái ấy, phong thái mà theo Đỗ Chu là phẩm chất cần có của cả một lớp cán bộ nòng cốt mà lịch sử đã chuẩn bị từ rất xa. Họ là những người biết gánh vác, dám gánh vác, một đoàn phu lẫm liệt đội đá trải đường cho các thế hệ đến sau bước lên. Điều đáng nói là anh Mậu đi lên từ gian khó, từng phải kéo xe tay cho gia đình một ông phủ huyện nào đó. Vậy anh Mậu đi đến thành công bằng cách nào? Có một sự thật mà ít ai có thể phủ nhận: *“Sự lẫm than có thể lôi con người ta chìm vào vũng bùn không ngoi lên được, nhưng nó cũng có thể nhào nặn nên những cốt cách phi phàm”* [3, tr.30]. Anh Mậu đã biến sự lẫm than thành động lực để vươn lên trong cuộc sống này. Phải nói rằng, cha ông ta chưa bao giờ thôi hy vọng vào tương lai của đất nước. Người ta không chỉ mạnh bởi trí tuệ, tài năng, sức khỏe mà còn bởi niềm tin trong họ không bao giờ mất. Nhìn lại lịch sử dân tộc, ta thấy không ít những trang sử đau thương. Ngược lại, cũng không thiếu những trang sử chói lọi với những chiến công lẫy lừng. Phải chăng đó là quy luật của cuộc sống này? Chìm nổi vốn đã là chuyện thường thấy, với mỗi người cũng như với cả một dân tộc. Điều đáng nói là phải biết hy vọng, vững vàng niềm tin, vững vàng nghị lực để mà vượt lên, chìm mãi rồi cũng có lúc phải nổi. Đỗ Chu tin vào sức mạnh của nghị lực đối với sự đổi thay của con người, một niềm tin thật đáng quý.

Khi bàn về cái đẹp, cái tài, về văn hóa, Đỗ Chu không chỉ thể hiện một cái tôi ham cái đẹp, yêu cái đẹp và hòa mình vào cái đẹp mà ta còn thấy một cái tôi luôn luôn *đối thoại, tranh luận* và có lúc luận chiến chung quanh cái đẹp, cái tài và những vấn đề văn hóa. Bên cạnh sự tự hào, ngợi ca trước những giá trị văn hóa Việt, có không ít trang viết Đỗ Chu bày tỏ sự tiếc nuối, thậm chí đau xót trước những biểu hiện suy đồi của nó. Đó là cái nhìn ngược

về văn hóa Việt. Ở đó chất chứa tâm sự của một con người từng trải, một con người luôn trần trở với non sông gấm vóc này.

Là một người cầm bút, Đỗ Chu hiểu nghề, yêu nghề và cũng nhìn thấy những hạt sạn cần loại bỏ trong nghề để ông đưa vào trang viết những đối thoại với nghề. Có rất nhiều nhà văn đã đưa ra quan niệm văn chương tiên bộ. Nhà văn Nam Cao từng nói đến lương tâm, nhân cách nghề nghiệp của mỗi nhà văn. Ở đây, Đỗ Chu tiếp tục bàn sâu hơn về hai chữ “lương tâm” đối với nhà văn. Ông nhìn thẳng vào sự thật mà tâm sự rằng chuyện văn chương ở ta giờ đây nhìn chung là đáng lo ngại thật sự. Khởi cần kể ra đây tên những cuốn sách dở dãn đang được chuyển tay người đọc ngoài đời, nó là rẻ tiền và thấp kém đủ mọi phương diện. Trách nhiệm của nhà văn trước thực trạng này ra sao? Không ai nghĩ rằng tất cả các nhà văn đều đã viết ra những cuốn sách tội lỗi đó, *“nhưng người ta vẫn có quyền trách khi anh chưa có nổi những cuốn sách đủ sức hấp dẫn, đủ sức thu hút thật nhiều bạn đọc. Một khi đã có những tác phẩm như thế mà không được in ra vì một lý do cụ thể nào đó, ta có quyền đòi hỏi ở sự ủng hộ lập tức của Nhà nước. Có thể thấy rằng cuộc sống không bao giờ hết khó khăn, thử thách, cho nên đời mới cần những nhân cách kẻ sĩ”* [16, tr.60]. Kéo theo tình trạng ấy là sách dở được bày bán rất nhiều trên thị trường. Đỗ Chu chứng kiến sự thật ấy và không thể nào im lặng. Ông thẳng thắn chỉ ra trong đời sống văn học hôm nay của chúng ta đang thấy một hiện tượng đáng hoảng sợ là có nhiều sách dở, có quá nhiều ấn phẩm không bao giờ thành tác phẩm. Và rồi từ đó, có quá nhiều người viết văn có mặt ở khắp nơi, từ ngoài chợ búa cho đến những chốn tương chừng trang nghiêm và hàn lâm nhất. Phải chăng người ta thường quên đi những gì mình còn thiếu và chỉ nhớ những gì mình có? Với Đỗ Chu thì khác, cái gì mình chưa làm được thì phải đối mặt với nó một cách nghiêm túc. Hơn nữa, nhà văn kêu gọi những người đã và đang làm văn chương hãy thực sự cháy hết mình với niềm đam mê. Bởi vì đem tặng nhau một tập sách nghe chừng rất dễ dàng, nhưng nếu

muốn đem tặng nhau một truyện ngắn, một bài thơ thật hay thì hình như khó, khó lắm. Sự cầu thả trong sống và viết, lòng thèm khát những tầm thường danh lợi không thể cho tâm mắt người ta vượt xa hơn góc buồng một nếp nhà hộp. Giữa những điều ấy, chứng kiến biết bao thách thức cay đắng này, chúng ta càng thấy biết ơn Hồng Nguyên, Quang Dũng, Trần Đăng, Thâm Tâm, Nguyễn Mỹ và rất nhiều nhà văn đã nằm xuống dọc đường văn học. Họ xứng đáng là những người thầy đầu tiên của chúng ta. Họ đã để lại cho đời những viên đá tảng đặt nền móng cho cái lâu dài mà hôm nay chúng ta, những kẻ đến sau cần phải cùng nhau xây cất lên bằng khối óc và bàn tay của những người thợ biết trọng danh dự.

Không chỉ là nghề văn, Đỗ Chu còn thẳng thắn nói về sự giảm sút của các giá trị văn hóa. Ta nghe thấy trong lời văn sự ngậm ngùi: *“Theo tôi dân mình chưa biết mở hội, cũng có nghĩa là chưa biết chơi, đã không biết chơi thì việc làm ăn cũng chưa đâu vào đâu. Nhưng gần đây thân tình, chuyện ấy đã thành một sự hiển hiện khiến mọi người phát hoảng vì tình trạng văn hóa của chúng ta. Giờ khắp nơi đang đua nhau làm hồ sơ xin danh hiệu di sản văn hóa thế giới, kể ra rất xứng đáng, nhưng xin đừng quên chính những di sản ấy lại không thể chứng nhận cho người hôm nay là đã có đầy đủ đẳng cấp văn hóa như cha ông mình từng có”* [16, tr.260]. Đáng ngại nhất là một thực trạng mà chắc hẳn ai trong chúng ta cũng đều lo lắng là người tứ xứ đến ta du lịch nhìn chung đều lắc đầu không còn muốn quay lại nơi này, đây không chỉ là mối lo nghĩ của riêng ngành du lịch. Sự tiếc nuối của nhà văn về sự phá hủy các công trình kiến trúc mang tầm vóc dân tộc cũng được thể hiện rõ nét. Bởi vì trong những quần thể kiến trúc ở đó có cất giữ hồn cốt Việt, giàu sức cảm xúc nghĩ, không một chút kiêu kỳ vậy mà vẫn rất khiêm sa, khiêm sa mà sao thân thiết như một lời thì thầm gần gũi của người xưa. Ấy thế mà chỉ trong vòng một thế kỷ vừa qua hầu hết các công trình bỗng thành hoang phế không mong gì cứu chữa nổi. May mắn thay, cho dù có bị hoang phế thì nền móng

của nó vẫn cứ trơ gan cùng tuế nguyệt, những dấu tích vẫn đang còn đó. Vùng Yên Tử nơi có bức tượng vua Trần nay đã thành tượng cụt đầu, có ai đó đã ăn cắp mất cái phần đẹp nhất của công trình vô giá ấy. Phải chăng, nếu không ai lên tiếng, không ai dám hành động thì sẽ như thế nào? Đây thực sự là một câu chuyện đau lòng, nếu cầm bút như các sử gia xưa thì phải bàn đây là triệu chứng điển hình của sự *“bại hoại tâm thế, nhân tâm rối loạn, lòng người không yên, cái ác lấn át cái thiện”* [18, tr.42]. Đó quả là nỗi buồn lớn, một nỗi lo âu trước một nguy cơ lớn.

Không dừng lại ở đó, cái tôi văn hóa Đỗ Chu còn dành không ít trang tùy bút của mình bày tỏ nỗi niềm xót xa trước thực trạng đáng buồn của một bộ phận con người Việt Nam hiện nay. Đặc biệt là những thay đổi ngay trên mảnh đất thủ đô của nước nhà. Một Hà Nội mà chính Đỗ Chu gắn bó cũng đang chất chứa nhiều vấn đề cần phải bàn. Ta tự hào về nơi đây, vùng đất thiêng liêng với mỗi trái tim người Việt. Nhưng cũng phải nói rằng, hãy nhìn thẳng vào thực tế Hà Nội ngày nay để cùng suy ngẫm. Lúc trẻ Đỗ Chu là anh chiến sĩ bảo vệ vùng trời thủ đô, về già cầm bút ca ngợi Hà Nội hào hoa anh hùng. Phải cái mỗi tuổi một lười, yêu thì yêu thật nhưng cứ thấy ngại ngại, lo lo mỗi lần bước ra đường. Phở xá giò đông quá, nói ngựa xe như nước áo quần như nêm là vui ở đâu ấy chứ ở ta hình như chuyện giao thông đang là một quốc nạn, người nhón nháo, người nhón nhác, chạy ngang chạy dọc, ngược xuôi, xiên xẹo như bày kiến vỡ tổ. Lắm lúc tự hỏi thế thì đồng bào định đi đâu mà cứ ùn ùn đổ ra các ngã? Câu hỏi ấy có lẽ chỉ là một cách để giải tỏa phần nào những mặt trái ở Hà Nội mà những người sống ở đây phải gánh chịu. Thực ra, Hà Nội vốn rất đẹp, vốn rất hào hoa, có điều con người ta liệu có đang dần đánh mất? Vâng, thiên hạ đều biết Hà được tiếng là một thành phố vì hòa bình và anh hùng, *“nhưng ngày nào cũng có những vụ đâm chém cãi cọ bắt bớ xin dếu, hằm hè lục đục, cái đồng hồ đo xăng nhớt, cái cân mua bán ngoài chợ đều không dám tin, thử hỏi như thế bào hòa bình sao được, bảo anh hùng càng không phải”* [18, tr.43]. Và dĩ nhiên, để khắc phục được

điều đó, không ai khác, chính những người Hà Nội phải chung tay. Có lẽ muốn cho Hà Nội ra dáng một thành phố anh hùng thì mỗi người Hà Nội cần phải tỏ ra từ trong bản chất đang có những phẩm chất anh hùng. Vậy nên, người Hà Nội nên nhanh chóng cố gắng trong cách ăn cách ở để làm sao, người đã đến một lần còn muốn có lần khác trở lại, người đã đi còn mong có lúc quay về và người đang ở không muốn phải đi. Còn nữa, Hà Nội giờ đang mở rộng, đang lên cao, nhưng xô bồ quá, càng xây càng thấy thiếu phong độ, lam lũ nhếch nhác, thành phố thiếu những góc yên tĩnh. Như thế, cần phải tạo ra những góc yên tĩnh, chỉ ồn ào giống như bản giao hưởng thiếu khoảng lặng, như thể ta đang ngồi giữa một dàn nhạc thiếu người cầm đũa chỉ huy. Nhất là phải tìm ra nhạc trưởng tài ba, phải có cách nhìn tổng thể, cần kỹ lưỡng trên từng mét vuông và cần phải có khát vọng, cần phải biết lãng mạn, thiếu lãng mạn sẽ thấp đi mọi thứ ở cả phong cảnh và con người.

Cái tôi văn hóa Đỗ Chu hiện lên qua từng trang tùy bút say mê khám phá và tri âm với những giá trị văn hóa Việt. Nhà văn khám phá vẻ đẹp và chiều sâu văn hóa Việt ngay trong chính mình, quê hương mình, quan trọng hơn là ở sự tìm tòi, phát hiện ở những con người bình thường nhất và những người nghệ sĩ cốt cách, tài năng. Ông nhận ra những trần trở, những tâm sự tận đáy lòng của họ qua những đứa con tinh thần, qua những câu chuyện kể và những lần gặp gỡ trực tiếp. Phải chăng, Đỗ Chu là người yêu văn hóa, trân trọng văn hóa Việt nên mới nhìn thấy, am hiểu và say đắm đến vậy? Qua đây, ta hiểu rằng Đỗ Chu chính là nhà văn thực hiện rất tốt chức năng biểu hiện văn hóa của văn học bằng một cái tôi văn hóa.

3.2. Cái Tôi nghệ thuật: Phong cách tùy bút Đỗ Chu

3.2.1. Đặc trưng cấu trúc tùy bút và những dấu hiệu phong cách

Ở thể loại tùy bút, kết cấu phụ thuộc rất nhiều vào cảm hứng sáng tác của chủ thể sáng tạo, nhất là mạch cảm xúc. Và có lẽ sức hấp dẫn trong kết cấu tùy bút Đỗ Chu là ở đó. “*Kết cấu là toàn bộ tổ chức nghệ thuật sinh động*

của tác phẩm, tạo ra hiệu quả tư tưởng thẩm mỹ” [44]. Nói như vậy có nghĩa kết cấu là sự liên kết các bộ phận, thành phần của tác phẩm, là sự tổ chức, sắp xếp các yếu tố tạo thành nội dung nào đó theo một định hướng tư tưởng nhất định. Toàn bộ tổ chức nghệ thuật sinh động của tác phẩm làm nên kết cấu của tác phẩm đó. Có thể nói, kết cấu là phương tiện chủ yếu và cơ bản của nghệ thuật ngôn từ, thực hiện rất nhiều chức năng trong tác phẩm văn học. Nhà văn Đỗ Chu từng tâm sự văn chương là sự giản dị, tự nhiên trong kết cấu, trong nghệ thuật dẫn dắt câu chuyện. Ông thường tập trung miêu tả, phân tích, lý giải các sự kiện hoặc vấn đề nào đó một cách rất tự nhiên. Điều đó đã chi phối đến việc lựa chọn kết cấu cho tác phẩm của mình. Có thể nói, kết cấu tùy bút Đỗ Chu là một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của cái tôi nghệ thuật Đỗ Chu.

3.2.1.1. Kết cấu vừa liên tục, vừa phân mảnh

Kết cấu vừa liên tục vừa phân mảnh là một trong những kiểu kết cấu đặc trưng của tùy bút Đỗ Chu. Kết cấu liên tục là sự nối tiếp theo tuyến tính của các chi tiết tạo nên mạch thẳng của câu chuyện để phản ánh về số phận con người hoặc một vấn đề nào đó trong đời sống xã hội. Còn kết cấu phân mảnh là kiểu kết cấu thay vì là một đường nối thì có sự cắt khúc ra để nổi lên một vấn đề nào đó. Tuy có cách xa các vấn đề khác nhưng vẫn có sợi chỉ mỏng manh ứng chiếu với nhau, có thể là sự kế tiếp, có thể là sự đối lập để tỏa ra ánh sáng riêng. Sự liên tục trong cảm xúc về một vấn đề, một con người nào đó nhưng lại phân mảnh ở các chi tiết. Nhìn bề ngoài, tùy bút Đỗ Chu có vẻ rời rạc nhưng thực ra lại có mạch ngầm liên kết bên dưới tầng ngôn ngữ nhằm thể hiện một tư tưởng nghệ thuật nhất định.

Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta nhận ra kiểu kết cấu vừa liên tục vừa phân mảnh được sử dụng thường xuyên và trở thành dấu ấn đậm nét. Đến với *Thăm thăm bóng người*, bạn đọc ban đầu có lẽ thấy nhà văn nhắc đến quá nhiều bóng dáng, khi thì là một cô bé Hưng Yên chẳng hề có tên tuổi, khi tạt sang nói về anh Vũ Hoàng Dịch - một nhà nghiên cứu triết học, lúc lại ngược thời gian về

với cụ Nguyễn Thượng Hiền, lúc lại sang tận Hunggari bàn về họa sĩ Isvan, lúc chuyển sang giới thiệu về nhạc sĩ Hoàng Tạo, họa sĩ Linh Chi... Đó chính là sự phân mảnh nhưng là sự phân mảnh bắt nguồn từ sự liên tục của cảm xúc. Mạch ngầm liên kết những mảnh ghép kia chính là ấn tượng của nhà văn về những con người tưởng chừng như không có gì liên quan đến nhau ấy. Nhà văn ấn tượng với họ ở tâm vóc con người. Đỗ Chu khẳng định: *“Tâm vóc một con người, nhân cách một con người có thể tìm thấy từ trong thành tựu sáng tạo, từ sự nghiệp của chính người ấy, nhưng rất có thể cũng chỉ cần nhìn vào cách sống, nhìn vào những hành vi ứng xử của người ấy. Cách sống giữa nhân gian, cách ứng xử trước thời cuộc, trước mỗi bước đi trên đường đời là sự bày tỏ nhân cách hết sức thành thật”* [17, tr.237].

Kết cấu phân mảnh là kiểu kết cấu đối lập với kết cấu liền mạch truyền thống. Nếu trong kết cấu liền mạch, các sự kiện móc xích chặt chẽ với nhau, thì trong kiểu kết cấu này, các sự kiện không liền mạch mà rời rạc như những mảnh ghép đặt lên nhau một cách lộn xộn. Đây là kiểu kết cấu nhiều truyện, nhiều mảnh nhỏ trong mỗi tùy bút, mỗi mảnh nhỏ ấy là một kết cấu, tất cả hợp lại tạo thành kết cấu chung của tùy bút. Nhà văn cố ý tạo ra sự đứt gãy các mạch tự sự để thể hiện khái niệm mảnh đoạn về hình tượng. Trong *Chén rượu gạo dáy vò*, khi đang kể lại cuộc gặp gỡ giữa mình và họa sĩ Trần Lưu Hậu, Đỗ Chu bất ngờ phân mảnh bằng cách kể lại cuộc đời của họa sĩ Hậu, thậm chí kể một cách chi tiết về con đường đến với cách mạng, nhất là thời gian Hậu được học tập nâng cao nghệ thuật hội họa. Rõ ràng, Đỗ Chu cố tình tạo ra sự đứt gãy để người đọc ấn tượng sâu sắc với hình tượng nhân vật mà mình đang đề cập đến. Người ta có thể không nhớ hết về Trần Lưu Hậu, nhưng người ta sẽ không quên được rằng Trần Lưu Hậu là một họa sĩ dám đổi mới và đã đổi mới nghệ thuật. Phải chăng, sự kết hợp giữa kết cấu liên tục và kết cấu phân mảnh đã góp phần làm nên phong cách tùy bút Đỗ Chu.

Bất cứ tác phẩm văn học nào cũng có một có một kết cấu nhất định. Nếu những yếu tố kỹ thuật, thủ pháp là có giới hạn thì kết cấu là vô hạn nên kết cấu tác phẩm là một kiến trúc, một tổ chức cụ thể, phù hợp với nội dung của tác phẩm. Kết cấu bộc lộ nhận thức, tài năng và phong cách của nhà văn. Bởi vậy, một nhà văn giỏi phải biết xây dựng kết cấu “vừa vặn” nhất cho tác phẩm của mình. Trong tùy bút Đỗ Chu, với kết cấu vừa liên tục vừa phân mảnh, Đỗ Chu đã làm được điều đó và góp phần làm nên những tác phẩm tùy bút đậm chất văn hóa.

3.2.1.2. Cấu trúc hình xương cá

Đọc tùy bút Đỗ Chu, bạn đọc nhận thấy cái tôi tùy bút hiện lên rõ nét. Ở đó có cái nhìn của một nhà văn với những tâm tư, tình cảm, quan điểm rất chân thực. Ông khéo léo kết hợp đan xen, luân phiên các đoạn văn tả cảnh, kể chuyện hay hồi tưởng... để tạo nên một kết cấu vừa tự nhiên vừa đa sắc. Có thể gọi đó là cấu trúc *hình xương cá*.

Cấu trúc *hình xương cá* là chữ dùng của Nguyễn Thanh Tú trong bài viết về kết cấu truyện ngắn Đỗ Chu. Trong luận văn này, chúng tôi sử dụng để nói về kết cấu tùy bút Đỗ Chu bởi rõ ràng ranh giới giữa truyện ngắn và tùy bút Đỗ Chu khá mờ nhạt. Ở đây, tôi muốn nói thêm rằng: cấu trúc hình xương cá nói một cách khác là kiểu kết cấu giống như một con đường lớn và mở tiếp những con đường nhỏ và trên mỗi con đường nhỏ ấy chứa một thứ hoa thơm, cỏ lạ. Đây là một nghệ thuật quan trọng, là bản chất của tùy bút mà bậc thầy Nguyễn Tuân đã vận dụng đạt đến cổ điển. Đến với tùy bút Đỗ Chu, ta cũng nhận thấy rõ kiểu kết cấu này. Từ trực chính của một con người, một vấn đề, nhà văn bất ngờ rẽ ngang ra để nói về những con người khác, vấn đề khác. Nhưng tất cả vẫn bắt nguồn từ cái gốc là trực chính ấy với những gửi gắm của nhà văn.

Tùy bút Đỗ Chu thường được xây dựng theo cách trên phong nền của một câu chuyện sẽ có gắn vào đó một vài câu chuyện nhỏ khác để làm cho ý

nghĩa của nó trở nên phong phú hơn. Có thể thấy đây là kiểu kết cấu với mô hình: Một câu chuyện chính kết hợp một hoặc vài câu chuyện phụ. Đây chính là kiểu kết cấu khá quen thuộc và mang tính đặc trưng của thể loại tùy bút. Nhà văn có thể tự do liên tưởng, đang kể chuyện này lại chuyển sang chuyện khác vào những khoảng thời gian và không gian khác nhau. Ở tập tùy bút *Tản mạn trước đèn* đến *Thăm thăm bóng người* và *Chén rượu gạo đầy vò*, Đỗ Chu đều sử dụng kiểu kết cấu này.

Kiểu kết cấu này tuân theo quy luật liên tưởng tâm lý, liên tưởng của nhân vật - người kể. Nhân vật - người kể có thể kể lại những ấn tượng sâu sắc của mình về số phận, tính cách nhân vật hoặc các sự kiện tiêu biểu, đáng nhớ. Tất cả đều được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của nhân vật - người kể. Vì thế, nó thường mang màu sắc cá nhân rõ nét, đậm yếu tố đời tư. Điều này đã góp phần đem lại cho tùy bút Đỗ Chu một thế giới đa âm, đa sắc, đa truyện như chính cuộc sống lăm phức tạp, lăm gian nan này. Trước hết là ở cuốn *Tản mạn trước đèn*, từ những *Ghi chép ở Ban Mê*, tác giả chuyển sang nói về Ông già ngòi dịch Đăm Săn để bộc bạch những tâm sự về đất và người Tây Nguyên. Sau đó, nhà văn chuyển sang những hồi tưởng về miền Trung Cát nóng, lên đến *Trời Điện Biên mây trắng*. Thế rồi, nhà văn lại ngược trở về *Quê ngoại* Bắc Ninh. Đọc đến *Chén rượu gạo đầy vò*, ta bắt đầu say sưa với những câu chuyện hồi thơ bé của chính nhà văn Đỗ Chu trong *Đầy vơi năm tháng*. Ở đó, ta hiểu thêm về những thay đổi trong đời sống gia đình nhà văn, hiểu thêm về cái nguyên cớ đến với văn chương và rồi đến đơn vị công tác và tiếp tục sự nghiệp sáng tác. Ngoài ra, ta còn biết tới những người bạn, những đồng nghiệp mà Đỗ Chu vô cùng trân quý, hay cả những quan niệm tâm linh của người Việt trong *Sông mịt mù sương*.

Đọc tùy bút Đỗ Chu, bày ra trước mắt ta là rất nhiều mảng cuộc sống, nhiều mảng thời gian, không gian. Tuy nhiên, cái Đỗ Chu làm rất tốt là ở chỗ đằng sau cái phức tạp ấy bao giờ cũng là sự gắn bó chặt chẽ, hữu cơ, có trật tự

giữa các chi tiết để làm nổi bật lên những suy ngẫm, triết lý sâu sắc về con người, về cuộc đời theo cấu trúc hình xương cá. Đây chính là một trong những nét tiêu biểu rất riêng làm nên phong cách nghệ thuật tùy bút Đỗ Chu.

3.2.1.3. Liên văn bản

Liên văn bản (intertextuality) là một khái niệm lí luận xuất hiện đầu tiên tại phương Tây. Lịch sử khái niệm liên văn bản cho thấy bản thân khái niệm này đã có sức hút rất lớn với nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ và lí luận văn học lớn, từ F.de Saussure, M.Bakhtin, đến J. Kristeva, R. Barthes, Genette.... Nhìn chung mỗi người có những trường nhìn khác nhau, cách giải thích khác nhau nhưng tựu trung lại có hai trường phái chính: một bên coi liên văn bản như thủ pháp tổ chức văn bản, một bên liên văn bản được hiểu như là thuộc tính bản thể của mọi văn bản. Ở đây khái niệm liên văn bản trong tùy bút của Đỗ Chu được chúng tôi xem xét như một thủ pháp tổ chức văn bản. Nghĩa là đọc tùy bút Đỗ Chu ta thường có một cảm nhận chung là đọc cái này sẽ gọi nhớ đến cái khác, chi tiết trước lại được nối lại đến hôm nay. Có thể nói đó là sự chùng lên, gói lên nhau để vấn đề trở nên hay hơn, phức tạp hơn xuất phát từ bề dày của nhiều lớp nhận thức, cảm nhận, tư tưởng.

Chỉ riêng vùng đất Kinh Bắc quê ông, ông đã trở đi trở lại với nó trên nhiều trang viết. Những cảnh như nối vào nhau, những con người như trò chuyện cùng nhau về cây, về đất. Một giàn trầu không gọi lại những khu vườn, cây đa từng nhắc đến. Những chân dung Nguyễn Tuân, Kim Lân, Trần Lưu Hậu,... đậm nhạt, chùng nổi lên nhau, mỗi đoạn văn lại như có mối liên hệ văn bản với nhiều đoạn khác, nhiều cuốn khác. Tùy bút Đỗ Chu bởi vậy, không đơn điệu, đơn thanh. Những hình tượng như những con sóng trùm lên nhau, hô ứng nhau để tạo nên những ấn tượng phong phú và tươi mới.

Khi viết về con người, Đỗ Chu cũng sử dụng liên văn bản để khắc họa đậm nét những vẻ đẹp tâm hồn và tư tưởng của họ. Ta gặp Kim Lân ít nhất ba

lần trong văn Đỗ Chu ở những bài khác nhau. Đọc *Thăm thăm bóng người*, ta thấy Kim Lân được Đỗ Chu giới thiệu: “*Bằng một bút pháp kể chuyện bậc thầy, những trang văn xuôi thô nháp không cần điểm tô ấy đã đưa ông đứng vào hàng ngũ những nhà văn xuất sắc nhất của nền văn học đương đại nước nhà*” [17, tr.70]. Đó là lời giới thiệu thứ hai về Kim Lân và nó gần như là sự tiếp nối, phát triển thêm nhận định của chính ông về Đỗ Chu ở cuốn *Tản mạn trước đèn*: “*Còn với ông Kim Lân, một người làm văn xuôi, thứ văn xuôi thô nháp không tô điểm thì tình thế lại có phần khác hơn*” [16, tr.135]. Không dừng lại ở đó, khi đọc *Chén rượu gạo đầy vò*, ta lại bắt gặp ông một lần nữa: “*Ông là người tuổi cao, chưa bao giờ giàu có, nhưng từ quần áo đến đôi giày, cái mũ, cái túi thuốc, cái kính, cái túi đeo... tất cả đều được chăm lo mỗi khi ra đường. Con người ấy cũng là mộc và duyên, và cũng là kỹ lưỡng lắm*” [18, tr.166]. Đến đây, Đỗ Chu không chỉ bàn về một nhà văn Kim Lân nữa mà ông đang muốn khẳng định một con người. Kim Lân là một người ít trường lớp nhưng lại học nhiều ở ngoài đời, rất từng trải. Ông sống kỹ lưỡng nên văn ông cũng rất kỹ lưỡng và đặc biệt ông rất coi trọng *cái tinh* trong cuộc sống này. Ta thấy có sự liên văn bản và là liên văn bản để tăng thêm bội lần những ấn tượng, những cảm xúc về một vấn đề, một con người nào đó. Đây là cái hay của cái tôi nghệ thuật Đỗ Chu.

Ngoài ra, đọc tùy bút Đỗ Chu, ta cũng được trở đi trở lại cùng Nguyễn Tuân. Điều này cũng dễ hiểu bởi có lẽ với Đỗ Chu và nhiều bạn bè trong giới, Nguyễn Tuân là bậc thầy. Trong đó, ở bài này là một Nguyễn Tuân ung dung, ở bài kia là một Nguyễn Tuân tài hoa, ở bài khác lại là một Nguyễn Tuân lặn lội trên Tây Bắc... Để rồi cuối cùng, Đỗ Chu khẳng định một cách rất tự hào về Nguyễn Tuân: “*Ở ta ảnh hưởng của Nguyễn Tuân trong đời sống văn học cũng như trong toàn xã hội rất sâu rộng. Từ Bắc qua Trung vào tới miệt vùng Nam Bộ già trẻ đều quý trọng ông. Nhiều năm tháng qua ông đã trở thành bạn khi làm khách lữ hành trên quê hương họ. Ông làm đẹp cho Hà Nội, ông*

gửi lại cho Huế và Sài Gòn những kỉ niệm để đời. Nhiều người Việt Nam đang sống phiêu bạt xứ người mỗi khi nhớ tới quê nhà đều không quên nhắc tới tên ông” [17, tr.89]. Như vậy, tên tuổi của Nguyễn Tuân dường như đồng nghĩa với những phẩm giá thuần Việt, đồng nghĩa với sự cao quý của tinh thần Việt. Và có lẽ, “*bóng Nguyễn Tuân giờ đây vẫn tỏa sáng theo năm tháng*” [17, tr.90].

Đỗ Chu còn sử dụng liên văn bản để đưa ta đến với những tác phẩm tiêu biểu của những người nghệ sĩ đa tài. Đó là sự cảm thông, chia sẻ của Đỗ Chu với Lê Tân, tác giả của bài *Thăm lại Phố Đông mùa thu 1986*. Hình ảnh của chị ám ảnh nhà văn khi chị ở Oslo nhớ về quê nhà, nhớ về phố Đông Lâm Giang với những bãi dâu, khung cửa dật vải lụa, mùa nuôi tằm, những đêm đi học xa về khuya hồi bom đạn. Nhớ ngôi nhà ngang nhà dọc nhà thờ của ông bà tổ tiên, nhớ những bè gỗ lim dài cả trăm thước của gia đình nằm ngoài sông, nhớ sân nhớ vườn, và đặc biệt là “*nhớ những cây cau vươn mình như đang ngó tìm những người thân ở đâu đó*” [18, tr.157]. Có lẽ phải là một con người nhạy cảm lắm Đỗ Chu mới nhận ra được, hiểu được và trân trọng nỗi niềm của một con người sống nơi đất khách quê người ấy. Bản thân Đỗ Chu cũng một lần trở về nơi Lê Tân nhắc đến và bất chợt nhận ra chiếc sanh đồng nho nhỏ nằm văng vật méo mó trong một bụi hẹ. Khi ấy, nước mắt nhà văn trào ra. Giọt nước mắt xúc động. Đó là sự xúc động của một con người đã tìm thấy một con người: Đỗ Chu - Lê Tân. Đỗ Chu tiếp tục kể về cuộc đời của chị như để giải tỏa nỗi lòng mình. Ban đầu, khi sang nước ngoài, chị chịu ảnh hưởng nhiều từ chồng- người thầy đầu tiên của chị về nghệ thuật Châu Âu trong kiến trúc cũng như trong sở thích sưu tầm cổ vật. Nhưng rồi, chị ngộ ra là cần phải hướng về nghệ thuật phương Đông nữa mới đủ. Chị bắt đầu biết yêu những đồ cổ phương Đông, đặc biệt là đồ cổ nước nhà. Tình yêu ấy làm lan sang cả người chồng, khiến anh cũng có một cách nhìn khác, phong phú đầy đặn hơn, nhiều trải nghiệm minh triết hơn. Hơn thế, chị còn hi vọng lần

tiếp theo trở về Việt Nam sẽ có thêm một bản thảo mới, *Ngã ba đường*, viết bằng cả hai thứ tiếng, Việt và Ba Lan. Có lẽ đó sẽ là một cuốn tiểu thuyết hay. Hay ở vẻ đẹp tâm hồn của người viết ra nó. Phải chăng, đó là sự gặp gỡ giữa những con người đồng điệu? Đỗ Chu sử dụng liên văn bản để đưa người đọc đến gần hơn với những hình tượng nhân vật của mình và gọi ra trong ta nhiều suy ngẫm về cuộc đời, về con người.

Như vậy, liên văn bản không đơn thuần chỉ là sự cộng hưởng của những mảnh ghép rời rạc. Những mảnh ghép ấy nối kết, đan xen vào nhau tạo thành bức tranh phân chiếu. Đặc biệt, chúng không chỉ nối cộng nhau một cách cơ học mà tạo thành bội số nhân của những cảm xúc, cảm giác. Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta thấy nhà văn sử dụng thủ pháp liên văn bản rất thành công. Nó không đơn thuần là sự gọi nhớ văn bản này từ văn bản kia mà là sự liên kết có logic, có chủ định để tạo ra tư tưởng nghệ thuật, giá trị nghệ thuật cho tác phẩm đồng thời làm nên văn hiệu của tùy bút Đỗ Chu.

3.2.2. Sự phong phú giọng điệu

Nhắc đến giọng điệu là nhắc đến một phạm trù mang dấu ấn cá nhân rất rõ nét. Đây là một phạm trù thẩm mỹ của văn học nghệ thuật. Nói cách khác, nó thể hiện được phong cách, cá tính sáng tạo của nhà văn. Trước hết, một số nhà nghiên cứu đưa ra quan niệm: *“Cái quan trọng trong văn học là tiếng nói của mình, là giọng điệu riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác”* [31]. Khi bàn về giọng điệu, Khrapchenco nhận định: *“Những đặc tính cơ bản của lĩnh vực giọng điệu trong tác phẩm nghệ thuật của nhà văn, sự ưu tiên của phong cách cũng có liên quan mật thiết đến cảm hứng chủ đạo tron sáng tác của nhà văn”* [51, tr.40]. Ông cũng chỉ rõ thêm *“đề tài tư tưởng, hình tượng chỉ được thể hiện bằng một môi trường giọng điệu nhất định, trong phạm vi một thái độ cảm xúc nhất định đối với đối tượng sáng tác, đối với những mặt khác nhau của nó, hiệu xuất cảm xúc, lối kể chuyện... lời lẽ trữ tình trước hết thể hiện ở giọng điệu chủ yếu vốn*

là đặc trưng của tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thống nhất hoàn chỉnh” [51, tr.40]. Còn theo Từ điển thuật ngữ văn học, tác giả cho rằng: *“Giọng điệu có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn”* [32, tr.30]. Có thể nói rằng, với giọng điệu của mỗi tác giả mang nội dung khái quát nghệ thuật phù hợp với đối tượng thể hiện.

Tóm lại, ta thấy điểm nổi bật của giọng điệu là màu sắc cảm xúc trong mối liên hệ mật thiết với các yếu tố thuộc nội dung cũng như hình thức tác phẩm. Đây là một trong những biểu hiện mối quan hệ giữa chủ thể sáng tạo và khách thể phản ánh trong hệ thống tùy bút của nhà văn nói chung và Đỗ Chu nói riêng. Đỗ Chu là nhà văn ngay từ khi bắt đầu cầm bút, ông đã có ý thức định hình cho mình một phong cách riêng. Khi nói về các nhà văn đương đại, nếu Nguyễn Huy Thiệp mang giọng điệu suồng sã rất cá tính, Nguyễn Khải mang giọng điệu sắc sảo, nhiều khi triết luận thì Đỗ Chu lại mang giọng điệu đa âm, đa sắc, nhất là ở các tác phẩm tùy bút. Ở đây có sự hòa âm phối khí nhiều giọng điệu: khi thì trữ tình đậm thắm, lúc lại hóm hỉnh hài hước, khi thì chuyển sang trầm tư, triết lý.

3.2.2.1. Giọng điệu trữ tình đậm thắm

Đọc những trang văn của Đỗ Chu, ta thấy ngoài việc cài cắm nhiều thông tin văn hóa, xã hội, ông còn chú trọng đến những khoảng lặng của cảm xúc, đặc biệt rất chăm chú đến vẻ đẹp và sức bật của câu văn. Ẩn sau câu chữ là tâm tư, tình cảm, thái độ của chính tác giả. Bởi Đỗ Chu là cây bút văn xuôi thiên về trữ tình nên tùy bút của ông có sức biểu cảm rất lớn. Có thể nói, bao trùm lên các sáng tác tùy bút của ông là giọng điệu trữ tình sâu lắng, thắm đượm tình cảm. Đây là giọng điệu chủ đạo làm nên sức sống của tác phẩm cũng như dấu ấn nhà văn trong lòng bạn đọc. Ta bắt gặp giọng điệu ấy trong từng lời văn, khi lại thấy ở những lời trữ tình ngoại đề, có khi lại vang lên từ những chân dung, những miền quê được miêu tả trong các tác phẩm. Ta nhận thấy hầu hết các chương trong các tập tùy bút đều có những biểu hiện sinh

động của chất giọng này. Đề bày tỏ trực tiếp cảm xúc, sự rung động của nhân vật trước cuộc đời, con người, Đỗ Chu đã xây dựng thành công các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cuộc đời. Điều đáng nói là các nhân vật của ông đều có những khoảng lặng, những miền nhớ thương âm thầm, những ngày tháng khó phai trong tâm hồn.

Khi đến với những nhân vật nghệ sĩ, trí thức hay ngay cả những con người bình thường nhất trong xã hội của Đỗ Chu, bạn đọc thấy được sự đồng cảm của nhà văn. Hơn nữa, còn có cả những định nghĩa về phong cách sống và lao động nghệ thuật. Nhà văn đã phát hiện ra vẻ đẹp trong con người họ để làm minh chứng cho những trải nghiệm của bản thân. Nói đến nhà văn Trần Hoài Dương, Đỗ Chu đưa ta đến với sự cần thiết của việc nuôi dưỡng lòng trung hậu, lòng nhân ái. Và những lời văn này thật nhẹ nhàng mà cũng đầy sâu sắc: *“Hay một cách yên ả, không ồn ào, đẹp một cách mong manh dung dị như cây cỏ lan kia đang lặng lẽ tỏa hương nơi u cốc. Đó chính là nhà văn Trần Hoài Dương”* [17, tr.95].

Khi viết về quê hương, Đỗ Chu lại đắm say trong cảnh vật. Từng dòng văn cứ tuôn dài theo cảm xúc. Phải là người nhạy cảm và tinh tế mới cảm nhận được chất thơ, cái tình thấm trong cảnh. Đỗ Chu viết *“Tôi đứng ngẩn ngơ giữa dòng ngắm trời ngắm núi lòng thấy nao nao nhớ đến những câu hát nghe nào nùng như tiếng quốc gọi hè”* [17, tr.133]. Đó là cảm xúc của nhà văn khi đứng trước dòng sông Thương. Và dường như, mọi thứ hiện ra trước mắt khiến nhà văn có phần lúng túng. Vì sao vậy? Vì nguồn sông Thương hóa ra chỉ là con suối nhỏ. Đỗ Chu tự hỏi nguồn một dòng sông đã có cả ngàn năm đi vào văn hóa mà chỉ thế này thôi sao? Bình dị đến nao lòng! Những câu hát về dòng sông ấy lại vang vọng, trở về trong trí nghĩ của nhà văn. Đúng thế, Sông Thương nước chảy đôi dòng, cuốn theo chiều gió một con thuyền trôi xuôi, trên con sông nào ai biết nông sâu. Lẫn lộn nhớ, chỗ thì là

dân ca, chỗ thì là tân nhạc, có người hát là sông Tương, lại có người hát là sông Thương.

Ngoài ra, ta còn thấy Lê Tân, Từ Bích Hoàng, Hoàng Ngọc Hiến... hiện lên với trách nhiệm cao với nghề, luôn băn khoăn, suy ngẫm về mối quan hệ giữa minh triết và nhân dân. Anh Hoàng Ngọc Hiến từng tâm sự mọi thứ triết luận hàn lâm đều có chỗ bất cập, nó xa lạ với đời sống, hình như câu trả lời của vấn đề hết sức quan trọng này lại đang nằm trong minh triết. Minh triết gần gũi, chất phác như hơi thở của nhân dân. Còn Lê Tân lại có những cảm nhận về Tiếng Việt rất cụ thể và trân trọng. Những năng lực mang tính tâm linh từ trong tiềm thức bỗng trỗi dậy mạnh mẽ, những tình cảm, những kỉ niệm đã trở thành xa xôi bỗng chốc sống động. Chị khẳng định: *“Tiếng mẹ đẻ, tiếng Việt thân yêu cũng cùng lúc trở về lung linh những màu sắc và âm giai”* [18, tr.148].

Đặc biệt, Đỗ Chu viết về nhân dân trong sự trải nghiệm của một nhà văn đi nhiều nơi, ở nhiều chỗ. Ông tự nhận thấy mình có một thứ tài sản vô giá mà ông đã tích góp được bấy lâu nay. Đó là tình yêu đất nước. Khi đứng trước bức tranh thu Hà Nội của Trần Lưu Hậu, Đỗ Chu không khỏi xôn xao và nhớ về những năm tháng đã qua của đời mình. Ông còn ấn tượng với sắc vàng ấm áp hòa trộn lung linh với sắc tím đen huyền. Ông thấy những nét bút rộng xỏ phật ngang dọc đầy cảm xúc, tự tin và táo bạo. Không đáng ai không phớt xá vậy mà vẫn vang vọng một tiếng gọi thiết tha yêu dấu. Một Hà Nội của riêng Hậu. Một Hà Nội được tái tạo bay lên từ hiện thực và do đó cao hơn xa hơn hiện thực. Và hơn hết: *“Hà Nội của những lớp người có gốc gác, là sắc màu của họ, là cách cảm, cách nghĩ của cả một thời đã đi qua nhưng sự ngân rung gợi nhớ của nó là rất lâu bền”* [18, tr.187].

Ta nhận ra những dòng tâm sự của Đỗ Chu với người Việt tha hương thể hiện rất rõ quan niệm sống của ông. Đó là sự thủ thi chân thành và cũng là cái tình cảm của nhà văn. Không vội vàng, không hấp tấp, nhà văn cứ lặng lẽ viết, lặng lẽ nhìn và lặng lẽ nhận định. Nói như các cụ ta xưa thì đã nghe tiếng

oang gọi đầu hè, đã thấy vết chân chim hằn trên sân có mang mùi thơm bùn ao cần. Trái đất chỗ nào cũng đẹp, sự bất thường của thiên nhiên chưa thấm vào đâu so với những bất thường trong đời sống con người. Con người từ xưa đến nay vẫn là đối tượng trung tâm của văn học. Mãi về sau chắc cũng không thể khác. Người Việt ở nước ngoài từ lâu đã trở thành một trong những mối quan tâm của tôi, giờ là lúc tôi bắt tay vào viết. Quan trọng hơn: *“Người Việt tha hương chính là sứ giả mang vẻ đẹp quê nhà đến thiên hạ, bằng một cách tích cực nhất, chân thật trong lao động và học tập, họ đã và đang là những người tiên phong trong công cuộc hội nhập và phát triển, giữa một thế giới đang trở nên phẳng”* [18, tr.228].

Bên cạnh đó, nhà văn còn hoài niệm về những giá trị văn hóa truyền thống của đất nước. Đó là khi ông ngồi vỉa hè uống chén trà nóng vào mỗi buổi chiều để ngắm cây bàng khô trút lá và thử hình dung mùa đông Hà Nội 1946. Đó là những ngày đói rét cơ hàn của người dân Hà Nội. Nghe nói dạo đó, rét cắt da cắt thịt, cụ già thì thảo, ngoài đồng mạ chết cá nổi. Đó còn là dấu ấn về sắc xuân tràn ngập làng Ngọc Hà khi tung bừng đón Tết: *“Một vùng đất yên cả nối với làng Ngọc Hà bằng một con đường lát nghiêng gạch chỉ, hai bên là ruộng rau, ruộng hoa. Đứng bờ ai thấy ngôi chùa làng thanh vắng, cổng cửa im lắng ngỡ là nhà sư đi sơ tán, nhưng đột nhiên lại văng vẳng có tiếng chuông. Vài cô gái xắn quần lội cầu ao quấy nước tưới cây. Cũng sắp sang năm mới, Tết đến nơi rồi, đây đó bích đào e ấp nụ, khắp vùng này sẽ hóa thân thành công viên hoa giữa thành phố, người cùng cây cỏ tung bừng sắc xuân”* [18, tr.124].

Không dừng lại ở đó, khi sang nước ngoài, trên con đường tới Viên, Đỗ Chu miêu tả rất cụ thể. Đường tới Viên là con đường hai chiều mạch máu lớn của châu Âu, từ đây ngược lên, có thể phóng một lèo qua Đức tới Hà Lan, Đan Mạch, lại có thể xuôi xuống Pháp, sang Pháp và Thụy Sĩ: *“Đồi núi chen lẫn ruộng đồng, những đàn bò ung dung gặm cỏ, hoa cải rực vàng bên đường*

là loại hạt cây trồng lấy hạt để làm mù tạt, một gia vị không thể thiếu trong các bữa ăn. Thành Viên cổ kính, những cung điện, những dinh thự, nhà thờ, nhà hát và phố phường hết thảy đều toát lên một vẻ bình yên khiến ai cũng thêm muốn. Người Viên đi lại nhũn nhặn, không cầu kì phô trương trong cung cách vẫn không giấu nổi vẻ quý phái” [18, tr.279]

Có thể nói, giọng điệu trữ tình đậm thắm của Đỗ Chu xuất phát từ chính quan niệm sáng tác của nhà văn: “Nhà văn có những đóng góp riêng bằng sứ mệnh của mình trong đời sống chung rộng lớn. Nhà văn mang cái nhạc chữ, nhạc ý tứ, nhạc tình cảm của bản thân để hát lên, góp phần làm đẹp cho cây đời” [35, tr.52]. Nhà văn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến những vẻ đẹp trong con người và trong cuộc sống. Những đứa con tinh thần của ông luôn chứa đựng thế giới nghệ thuật vừa phong phú lại vừa độc đáo. Nói tóm lại, Đỗ Chu đã mang đến văn đàn Việt Nam hiện đại dấu ấn cá nhân bằng giọng điệu trữ tình đậm thắm. Vì thế, các tác phẩm tùy bút của ông đến với bạn đọc hết sức tự nhiên, gần gũi mà vô cùng ấn tượng.

3.2.2.2. Giọng điệu hóm hình, hài hước

Ngoài giọng điệu trữ tình đậm thắm, ta còn nhận thấy trong những trang tùy bút Đỗ Chu còn xuất hiện giọng điệu hóm hình hài hước. Có lúc, Đỗ Chu giấu những nụ cười vui tươi trào lộng trong giọng điệu ấy. Tiếng cười bật lên khi có những suy nghĩ và tình huống của nhân vật trước sự việc thú vị nào đó. Có thể nói, nhà văn chủ yếu khai thác ở lời nói cũng như dòng suy nghĩ của nhân vật.

Ở tập tùy bút *Tản mạn trước đèn*, Đỗ Chu khiến người đọc cười vui vẻ khi ông kể lại câu chuyện về đời mình. Mười tám tuổi nhà văn bắt đầu cầm bút, mẹ mát mẻ bảo: mẹ nghe chừng anh muốn viết văn, cũng được, nhưng phải viết thế nào để được như nhà chị gì sáng sáng vẫn có lời mở đầu cho Đài tiếng nói Việt Nam thì mới giỏi. Thật là trang trọng mà lại cảm động: “Anh

vào đời cô mà gặp một người như thế để lấy làm vợ thì đây mới thật là cái phúc lớn cho cả nhà, cả họ, cả tông nhà anh” [16, tr.8]. Lời nói của người mẹ thuần phác ấy nửa đùa nửa nửa thật, có phần chân chất, thô mộc để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc. Ngoài ra, khi vết về miền trung cát nóng, bạn đọc còn được thấy những trang tùy bút dí dỏm bên cạnh những trang viết đầy khắc nghiệt về miền đất này. Đó là khi nhà văn miêu tả bà chủ khách sạn: “Bà giám đốc khách sạn quay đi giấu một nụ cười mỉm. Khách phải gió, thuốc là không hút nhưng lại hút thuốc lào, bày bừa cả một căn phòng hạng nhất, rồi bây giờ người ta mang tiền tới thiết tiệc thì lại gọi mỗi người một con cua mận” [16, tr.80].

Trong *Chén rượu gạo đầy vò*, Đỗ Chu bàn về cái gọi là “mở hội”. Và để nói về cái sự “mở hội” ngày nay đang dân thiếu đi cái bản sắc tốt đẹp vốn có, nhà văn đã sử dụng cách nói rất hóm hỉnh: “Tôi nói chua, đây rồi mà xem, nhất định sẽ có ngày người ta dám rủ nhau đồng ca quan họ hàng nghìn, hàng vạn người đứng chật đồng, chật núi” [18, tr.163]. Quả là Đỗ Chu biết cách nói đùa khiến cho bất kì ai đọc đến cũng bật cười. Nhưng là cái cười ra nước mắt. Vì thế, cũng sẽ tự nhìn lại mình, tìm cách bảo vệ và giữ gìn cái gọi là “di sản văn hóa phi vật thể” của dân tộc.

Nhà văn còn bày tỏ sự tiếc nuối và cả sự châm biếm trào phúng trong giọng điệu hài hước. Nhất là khi nói về văn hóa ăn xổi ở thì: “chăm đây đào mười năm, pheng tận gốc tha về thành phố chơi mười ngày rồi quẳng ra đường làm củi làm rác. Xưa mềm mại thanh cao trong đôi đũa khi xử, trong chơi bời hội hè mà nay sao hóa ăn xổi ở thì, người như có cơ hóa phũ” [18, tr.188 - 189]. Hay khi ông nhắc lại câu chuyện về anh Phạm Công Thành. Năm ấy anh được chọn đỗ hạng ưu, cuối năm được Bộ Đại học phong phó giáo sư, lại phải thêm tám năm nữa anh mới thành giáo sư tiến sĩ. Anh đùa, thế là mình hóa gà sống thiên sót rồi. Mấy năm nay anh Thành vừa vẽ lại

vừa hoàn tất cuốn sách bàn về sự trong sáng của tiếng Việt. Anh hay ngồi xem ti vi, chê các phát thanh viên dùng chữ hay nhầm lẫn, được cái nói nhanh, nhưng nói nhanh chưa phải là một chỉ số của thông minh. Đặc biệt, “*anh cũng chê cán bộ ta trong quốc hội, trong nhà nước có đôi người còn nói ngọng, thế là thuở nhỏ chưa được luyện kỹ sơ học yếu lược*” [18, tr.99].

Như vậy, bên cạnh giọng điệu trữ tình đậm thắm, nhà văn đan xen vào giọng hóm hỉnh, hài hước rất phù hợp với phong cách tùy bút Đỗ Chu. Đó là lúc nhà văn bày tỏ cái Tôi chân thực nhất đang nhìn cuộc đời với những trăn trở, suy tư. Do đó, giọng điệu hài hước, hóm hỉnh đã khiến tùy bút Đỗ Chu rất nhẹ nhàng và cũng rất dễ đi vào lòng độc giả.

3.2.2.3. Giọng điệu trầm tư, triết lý

Đọc tùy bút Đỗ Chu, ta như gặp một con người đang đi kiếm tìm những bóng người khác của một thời. Nếu trong *Tản mạn trước đèn* và *Thăm thẳm bóng người*, nhà văn bộc lộ những suy tư, trăn trở về số phận con người, về vận mệnh dân tộc thì đến *Chén rượu gạo dáy vò*, ông lại đưa ta đến với những triết lý về cuộc đời, về con người. Lúc này, nhà văn tỏ ra là một người có sự hiểu biết sâu rộng, có khả năng phân tích, lý giải, nhận định mọi vấn đề một cách thuyết phục. Là một cây bút văn xuôi, Đỗ Chu ý thức sâu sắc về vai trò, sứ mệnh của nhà văn, của người nghệ sĩ.

Giọng điệu trầm tư, triết lý được thể hiện với nhiều sắc thái: Khi thì nhẹ nhàng, sâu lắng nhưng có sức thấm thấu cao; khi lại sôi nổi, hào hứng, nghiêm túc bàn về trách nhiệm của người cầm bút; khi thì dồn dập, căng thẳng trước những vấn đề mang tính chất cấp thiết; khi triết lý, lão thực ngẫm về những vấn đề chung của đời sống xã hội.

Theo đó, Đỗ Chu liên tục bày tỏ những trăn trở, suy tư của con người trên hành trình tự đấu tranh với chính mình để xứng đáng với nghề nghiệp của mình. Nhà văn đã thành thực bộc bạch những tâm tư sâu kín nhất trong lòng:

“Trầm tĩnh và nhân hậu đấy là cảm nhận của tôi về ông ở thời buổi ấy. Và tôi tự hỏi liệu có những người như thế, những ông Mậu ông Ty, anh Miên anh Hanh, rất nhiều, họ là anh ta, là chú bác hay là thầy ta? Có lẽ là tất cả. Đã nhiều lúc tôi hẹn với mình rồi cũng phải cầm bút lên mà viết lấy ít trang về những năm tháng được sống cùng các anh” [18, tr.32]. Và Đỗ Chu đưa ra chiêm nghiệm của mình: *“Những năm tháng mỗi người đã trở thành một niềm tự hào, tính cách riêng có thể khác nhau, nhưng vẫn có một điểm rất chung, đấy là ai cũng tự biết giữ gìn tư cách làm người của mình. Để làm gì, để có thể nhìn nhau trong kiêu hãnh khi về già. Cuộc sống của chúng ta, nhìn nhau trong kiêu hãnh đó là chuẩn mực, là dấu hiệu của những cách sống sạch”* [18, tr.32]. Vậy, làm thế nào để sống cho sạch, cho cao? Phải chăng, con người cần đánh đổi cả quá trình sống trong cuộc đời. Đó là lời tâm sự, cũng là lời khuyên cho những người cầm bút và hơn hết là dành cho chính Đỗ Chu. Hóa ra, ông luôn tự nhắc mình để những đứa con tinh thần trở nên hay hơn, ý nghĩa hơn. Hiểu như thế, ta càng thấy được tính triết luận đáng quý trong các trang tùy bút Đỗ Chu. Thực hiện được điều ấy, chúng ta sẽ thấy mặt người tỏa sáng, dáng đi vững chãi, nói năng khoan hòa dễ nghe, dễ tin. Người xưa nói, quân tử trọng cốt kiêu, tiểu nhân đáng kiêu. Cái cốt càng yếu điệu thì cái dáng bên ngoài càng phô diễn giả dối. Như vậy, con người sống cần biết yêu quý và trân trọng cuộc đời mình. Và tất nhiên, bạn hãy sống một cuộc sống chân chính để không bao giờ phải hổ thẹn.

Từ nhân cách sống tốt đẹp ấy, nhà văn hướng đến quá trình sáng tạo nghệ thuật. Cũng giống như một số nhà văn tiền bối đi trước, Đỗ Chu rất coi trọng cá tính sáng tạo của cái tôi tác giả. Có điều, Đỗ Chu có phần quyết liệt hơn khi nhấn mạnh cái tôi ấy phải là linh hồn cá nhân của mỗi người, không đụng chạm, không liên hệ với bất kì ai. Điều mang tính quyết định cho sự thành bại trong sáng tạo nghệ thuật là vai trò của cá nhân, của khoảng tự do dành cho mỗi nghệ sĩ. Khi bạn để lại dấu ấn cá nhân sâu đậm trong tác phẩm của mình thì chắc hẳn bạn sẽ có được sự đón nhận nồng nhiệt từ phía bạn đọc. Đỗ Chu khẳng định *“Dấu cá nhân càng đậm thì sức bay lượn của tác phẩm*

càng lớn và người nghệ sĩ càng có nhiều cơ hội mang về những kiệt tác thấm đẫm vẻ đẹp con người” [18, tr.80].

Đối với Đỗ Chu, đã là con người Việt thì dù ở đâu cũng vẫn mang cái hồn Việt. Nhất là với những người Việt tha hương. Ông dành cho họ những tình cảm chân thành, những lời động viên đầy ân tình: *“Tôi chỉ muốn nói vài lời với bạn bè ở lại, cũng chẳng nên xem sự trôi dạt là nặng nề quá, chả có gì phải buồn tủi ở đây, quê nhà là cái gì ta có thể mang đi trong lòng. Phải nói công bằng người ra đi thì có cái tủi phận của người ra đi nhưng hình như vẫn còn rất nhiều người ở nhà đang thèm khát được trôi dạt như các bạn đấy” [18, tr.321].*

Ngoài ra, Đỗ Chu còn nhìn đời bằng con mắt nghệ sĩ, gửi gắm trong cảnh vật những bài học nhân sinh sâu sắc: *“Khi tôi nhìn vào cánh bèo trôi thấy nó có một vẻ mong manh khó tả. Nói có ngọn đèn chính tôi cũng đang muốn làm một cánh bèo. Theo tôi không những nó là một vẻ đẹp thách thức mà nó còn là một niềm kiêu hãnh, một sự trưởng thành dũng cảm. Nhân loại người ta đã quen với sự trôi dạt từ cả mấy nghìn năm rồi, nói đến kiếp người chính là nói đến sự trôi dạt” [18, tr.322].*

Nói tóm lại, giọng điệu trầm tư triết lý trở thành điểm tựa để nhà văn bộc lộ những quan niệm nhân sinh, những triết lý sâu sắc về cuộc đời, về con người và về nghề văn uẩn sâu trong từng câu văn. Có thể khẳng định rằng tùy bút Đỗ Chu hấp dẫn người đọc bởi những con chữ đan vào nhau với nhiều sắc thái giọng điệu. Vì vậy, văn chương ông không bị nhàm chán và khô cứng mà vô cùng sống động, thấm sâu vào tâm trí bạn đọc. Thêm nữa, những trang tùy bút mang màu sắc triết luận còn khơi gợi sự đồng cảm, sẻ chia từ phía độc giả.

KẾT LUẬN

1. Nói đến tùy bút Đỗ Chu, ta thấy mỗi trang văn đều đậm chất văn hóa Việt. Có lẽ Đỗ Chu là người chứng minh rõ nhất cho mối quan hệ giữa văn học và văn hóa. Văn học lấy văn hóa làm chiều sâu đồng thời văn hóa lấy văn học làm phương tiện biểu hiện. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài “*Cảm thức văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu*” để làm rõ cảm thức của nhà văn về văn hóa Việt.

2. Đỗ Chu là một trong số những nhà văn làm xao xuyến văn đàn ngay từ khi ông bắt đầu bước vào nghề. Cùng với các nhà văn trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Đế quốc Mỹ, Đỗ Chu rất quan tâm đến vẻ đẹp của đất và người Việt Nam. Đặc biệt, với trái tim chân thành, bằng sự trải nghiệm của mình, tác phẩm của ông luôn chiếm được vị trí nhất định trong lòng độc giả. Sau hơn một nửa thế kỉ thành công với thể loại truyện ngắn, tên tuổi của Đỗ Chu tiếp tục được ghi nhận khi ông cho ra đời hàng loạt tùy bút. Những trang viết của Đỗ Chu đào sâu vào cái tôi trong sáng, thâm hậu với tình yêu thương sâu thẳm từ tâm hồn của mình nhà văn đã lấy cảm xúc trữ tình làm nguồn cảm hứng để thả hồn mình trên những trang tùy bút nhà văn tìm về với những vẻ đẹp văn hóa Việt ẩn sâu trong từng con người, từng mảnh đất, từng khoảnh khắc, mà ông đã từng gặp, mà ông đã trải qua trên hành trình sáng tạo nghệ thuật.

3. Tùy bút của Đỗ Chu rất Việt Nam. Người vội vã khó có thể hiểu văn Đỗ Chu, đọc văn của ông cần chậm rãi như đọc văn của Nguyễn Tuân, Tô Hoài. Bên dưới những câu văn của ông, ta nhận thấy bóng dáng của một con người với những trăn trở, suy tư về văn hóa Việt đó là một con người dày nền tảng văn hóa và diễn đạt nó một cách nhẹ nhàng, chắc chắn và đầy cảm xúc. Vì thế tùy bút của Đỗ Chu rất gần gũi, tự nhiên song cũng rất tỏa sáng. Trong cuộc sống hiện nay, với tốc độ phát triển chóng mặt của công nghệ thông tin, có thể ít người đọc văn Đỗ Chu hoặc văn phong kiêu của C.Pautopxki thuở trước nhưng nếu ai đã bước vào thế giới tùy bút Đỗ Chu sẽ thấy cái “vừa

quen, vừa lạ”, “vừa gần vừa xa”, “vừa trữ tình, sâu lắng vừa đau đáu xót xa” khiến ta khó có thể quên được.

4. Vẻ đẹp và chiều sâu văn hóa Việt trong tùy bút Đỗ Chu thể hiện trên rất nhiều phương diện. Trước hết nhà văn nói đến nền tảng văn hóa Việt là hiện thực đất nước qua những chặng đường lịch sử. Ông không chỉ điểm lại những giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc với những chiến công lừng lẫy mà còn đan xen vào đó không ít trang viết để đưa bạn đọc đi hết từ vùng đất này đến vùng đất khác của Tổ quốc. Từ Điện Biên mây trắng đến miền Trung cát nóng sang Tây Nguyên hùng vĩ rồi trở về quê ngoại Bắc Ninh, Đỗ Chu thể hiện niềm tự hào về những giá trị văn hóa Việt. Có thể thấy rằng những trang tùy bút Đỗ Chu mang tính dân tộc sâu sắc mà trung tâm chính là cốt lõi văn hóa. Đây là một hành trình nhà văn trần trở đi tìm các giá trị văn hóa giữa cuộc đời. Người đọc sẽ mê say lật tìm cái đẹp trong tùy bút của ông để có thể hiểu một con người, một phong cách rất riêng.

5. Đến với tùy bút Đỗ Chu, ta có thể nhận ra sự kết tinh văn hóa Việt được thể hiện sâu sắc nhất ở chân dung con người Việt Nam. Vẻ đẹp ấy xuất hiện ở ngay cả những con người bình thường nhất: Một bà già nuôi chim sẻ ở Hà Nội dành hết tình yêu thương cho con vật, một người mẹ già tiễn con lên đường ra mặt trận với niềm hy vọng vào tương lai tươi sáng... Đặc biệt, nhà văn nhắc đến rất nhiều những tài hoa đất Việt với tình cảm trân quý. Họ là những danh nhân văn hóa như Nguyễn Du, Hồ Chí Minh; những người nghệ sỹ giàu tài năng và tâm huyết với nghề như họa sỹ Linh Chi, nhà thơ Phạm Tiến Duật, nhà văn Nguyễn Minh Châu... Ở họ, Đỗ Chu không chỉ nhấn mạnh đến những đóng góp to lớn mà còn khẳng định vẻ đẹp tâm hồn cao quý.

6. Cái tôi văn hóa Đỗ Chu ẩn sau những trang tùy bút là một trong những giá trị quan trọng làm nên dấu ấn của ông trong làng văn học hiện đại Việt Nam. Ta bắt gặp một con người đang say mê đi tìm kiếm những giá trị văn hóa. Đồng thời, con người ấy dành sự ưu ái đặc biệt cho những vẻ đẹp đang dần bị trầm lấp đi. Đỗ Chu đã phát hiện, khẳng định và đề cao những cái đẹp dù là nhỏ nhất trong cuộc sống. Nhà văn có sự thấu hiểu và đồng cảm với

những người nghệ sỹ ở mọi thời đại, nhìn ra những đóng góp rất đáng nể của họ. Đó chính là sự tri âm với cái đẹp, cái tài. Ngoài ra, với cái nhìn hiện thực và cái tâm trong sáng, không ít lần Đỗ Chu đã trực tiếp đối thoại, bày tỏ những trăn trở của mình về những dấu hiệu đáng buồn của nền văn hóa Việt. Phải chăng vì quá yêu, quá say nên Đỗ Chu mới hết lòng với nền văn hóa Việt như thế?

7. Để thể hiện những cảm thức của mình về nền văn hóa Việt, Đỗ Chu đã sử dụng thành công những đặc sắc nghệ thuật trong tùy bút. Ngoài những đặc điểm về nghệ thuật trần thuật và nghệ thuật sử dụng ngôn từ đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến, đặc trưng cấu trúc tùy bút và sự phong phú về giọng điệu tạo nên phong cách độc đáo cho tùy bút Đỗ Chu. Với kết cấu vừa liên tục vừa phân mảnh kết hợp với liên văn bản, nhà văn đã tận dụng được sự phóng khoáng của tùy bút để đưa người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Hơn nữa, ông cũng sử dụng đa giọng điệu rất phù hợp với trường liên tưởng: Khi thì trữ tình đậm thắm, khi triết luận suy tư, khi hài hước hóm hỉnh.

8. Tùy bút của Đỗ Chu chinh phục bạn đọc ở cảm thức văn hóa Việt sâu sắc, lâu bền được thể hiện bằng các phương diện nghệ thuật, bao gồm kết cấu và giọng điệu nghệ thuật. Đây là những yếu tố không nhỏ góp phần làm nên khuôn mặt riêng của nhà văn trong giới văn chương. Đỗ Chu có một lối viết tùy bút mang tính lưỡng hợp với sự kết hợp giữa thi pháp truyện và thi pháp thơ làm nên một sự độc đáo, có tính khu biệt rõ với các cây bút trước đây và đương thời. Đỗ Chu xứng đáng được coi là nhà văn có phong cách trong thể loại tùy bút. Đỗ Chu là một trong những tác gia đặc sắc của thể loại tùy bút kế tiếp Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Hoàng Phủ Ngọc Tường... Khó có thể so sánh nhưng vẫn có thể nói Đỗ Chu cùng với Hoàng Phủ Ngọc Tường là những nhà văn tiếp bước một cách vững chãi và tài hoa trong thể tùy bút mà Nguyễn Tuân là một đỉnh cao. Với chất suy tưởng văn hóa làm nên diện mạo đặc sắc cho tùy bút, ông xứng đáng có một vị trí được ghi nhận trong lịch sử của thể tài sáng tác này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (2001), *Văn học Việt Nam hiện đại, nhận thức và thẩm định*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Lại Nguyên Ân (1984), *Văn học và phê bình*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
3. Lại Nguyên Ân (1996), *Loại hình tác giả văn học và vấn đề phương pháp nghiên cứu*, Tạp chí Văn học, số 2.
4. Báo Sài Gòn Giải phóng online ngày 17/5/2009.
5. Lê Huy Bắc (1998), *Giọng và giọng điệu trong văn xuôi hiện đại*, Tạp chí Văn học, số 9.
6. Đỗ Chu (1963), *Hương cỏ mật*, NXB Quân đội nhân dân.
7. Đỗ Chu (1969), *Tháng hai*, NXB Quân đội nhân dân.
8. Đỗ Chu (1970), *Đám cháy trước mặt*, NXB Quân đội nhân dân.
9. Đỗ Chu (1971), *Gió qua thung lũng*, NXB Quân đội nhân dân.
10. Đỗ Chu (1977), *Trung du*, NXB Văn học, Hà Nội.
11. Đỗ Chu (1978), *Nơi con đường gặp biển*, NXB Phụ Nữ.
12. Đỗ Chu (1982), *Phù Sa*, NXB Văn học, Hà Nội.
13. Đỗ Chu (1986), *Những chân trời của các anh*, NXB Quân đội nhân dân.
14. Đỗ Chu (1989), *Mảnh vườn xưa hoang vắng*, NXB Văn học, Hà Nội.
15. Đỗ Chu (2004), *Một loài chim trên sóng*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
16. Đỗ Chu (2006), *Tản mạn trước đèn*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
17. Đỗ Chu (2008), *Thăm thẳm bóng người*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
18. Đỗ Chu (2013), *Chén rượu gạn đáy vò*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
19. Chuyên mục Văn hóa (2013), Báo Nhân dân hằng tháng số 8.

20. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Phan Huy Dũng (2007), *Đỗ Chu chiêm nghiệm con người và nghệ thuật*, Tạp chí Nhà văn, số tháng 3.
22. Lê Tiên Dũng (2007), *Nhà văn và phong cách*, NXB Đại học Quốc gia, TP.Hồ Chí Minh.
23. Phan Cự Đệ (chủ biên) (2007), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
24. Đỗ Đức (2008), *Ngày xuân đọc Thăm thăm bóng người của Đỗ Chu*, Báo Văn nghệ, số 10.
25. Nguyễn Thị Hồng Hà (2004), *Đặc trưng tùy bút Nguyễn Tuân*, Luận án Tiến sĩ, ĐHKHXH & NV, TP.Hồ Chí Minh.
26. Thu Hà (2007), *Đỗ Chu: Tản mạn trước đèn*, <http://tintuc.xalo.vn>
27. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2003), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28. Nguyễn Văn Hạnh (2002), “Truyện ngắn Đỗ Chu”, trong sách *Văn học, văn hóa - Vấn đề và suy nghĩ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
29. Hoàng Ngọc Hiến (2008), *Thăm thăm bóng người - một thành tựu*, Tạp chí Nhà văn, số 11.
30. Ngũ Nhị Song Hiền (2010), *Đặc trưng văn xuôi nghệ thuật Đỗ Chu*, Luận văn thạc sĩ, ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
31. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp học hiện đại*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
32. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (đồng chủ biên), (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học* (bộ mới), NXB Thế giới mới, Hà Nội.
33. Trần Thị Kim Hoa (2009), *Tùy bút Đỗ Chu*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSPHN, Hà Nội.

34. Nguyễn Hòa, *Văn chương - Hi vọng về những điều tốt đẹp*, www.203.262.0.19:8080/show-content.pl
35. Hà Khải Hưng, *Dấu ấn Đỗ Chu trong Thăm thăm bóng người*, www.vnca.cand.com.vn
36. Nguyễn Thanh Hương, (2009) *Hình tượng cái tôi văn hóa trong tùy bút Đỗ Chu*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSPTHN, Hà Nội.
37. Đỗ Thị Thu Hương, (2015), *Đặc sắc tùy bút Đỗ Chu qua Chén rượu gan đày vò*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
38. Iu.V.Brômly và R.C.Padôlui (1950), *Được sáng tạo bởi nhân loại*.
39. J.P.Sartre (1999), *Văn học là gì?* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
40. K. Pauxtốpki (1987), *Bình minh mưa*, NXB Văn học, Hà Nội.
41. K. Pauxtốpki (2001), *Bông hồng vàng*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
42. Nguyễn La, *Cái tôi trong tùy bút*, www.vannghequandoi.com.vn
43. Cao Kim Lan (2005), “Mấy vấn đề thi pháp cốt truyện”, *Nghiên cứu văn học*, (số 6).
44. Thạch Linh, *Đỗ Chu: Thăm thăm bóng người*, www.thethaovavanhoa.com.vn
45. Phương Lựu (chủ biên, 1997), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
46. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), *Nhà văn Việt Nam hiện đại: chân dung và phong cách*, NXB Trẻ, TP.HCM.
48. Nguyễn Đăng Mạnh (2005), *Nhà văn tư tưởng và phong cách*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, TP Hồ Chí Minh.
49. Nguyễn Đăng Mạnh (2005), *Những bài giảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại*, NXB ĐHSPTHN, Hà Nội.

50. M.B. Khrapchenko (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
51. M.B.Khrapchenko (2002), *Những vấn đề lí luận và phương pháp luận văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
52. Nguyễn Hoàng Sơn (2003), *Nhà văn Đỗ Chu: “Tôi bán là bán văn, không bán giấy”*, Văn đàn, thời sự và bình luận, NXB Văn học, Hà Nội.
53. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
54. Trần Đình Sử (2002), *Văn học và thời gian*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
55. Bùi Việt Thắng (1991), “Văn xuôi gần đây và quan niệm con người”, *Tạp chí Văn học*, (số 6).
56. Trần Ngọc Thêm (2001), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Thanh niên.
57. Chu Bích Thu chủ biên, (2002), *Từ điển tiếng Việt*, NXB thành phố Hồ Chí Minh.
58. Đinh Thị Thu (2007), Nhận diện tùy bút - tiểu luận *Tản mạn trước đèn* của Đỗ Chu, Khóa luận tốt nghiệp đại học, ĐHSPHN, Hà Nội.
59. Lý Hoài Thu (2008), "Hồi kí và bút kí thời kì đổi mới", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 10.
60. Lý Hoài Thu (2008), “Hồi kí và bút kí thời kì đổi mới”, *Tạp chí Văn học*, số 10/2008.
61. Phạm Thị Thu Trang (2013), *Phong cách nghệ thuật Đỗ Chu*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSPHN, Hà Nội.
62. Nguyễn Tuân (1999), *Bàn về văn học nghệ thuật*, (Nguyễn Đăng Mạnh biên soạn), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
63. Nguyễn Tuân (2003), *Về tác gia và tác phẩm*, (Tôn Thảo Miên biên soạn), NXB Giáo dục, Hà Nội.
64. Nguyễn Thanh Tú (2003), “Đặc điểm kết cấu truyện ngắn Đỗ Chu”, *Văn nghệ quân đội*, số (586).

PHỤ LỤC



Hình ảnh nhà văn Đỗ Chu tại Niềm Xá – Bắc Ninh, tháng 1/ 2017



Trò chuyện với nhà văn Đỗ Chu về những sáng tác tùy bút của ông



Ngôi nhà nhỏ của nhà văn Đỗ Chu tại Niềm Xá - Bắc Ninh



Chụp ảnh lưu niệm cùng nhà văn Đỗ Chu tại Niềm Xá – Bắc Ninh



**Chụp ảnh lưu niệm cùng vợ chồng nhà văn Đỗ Chu
tại Niêm Xá – Bắc Ninh**



**Bữa cơm tất niên đón tết Nguyên Đán Đình Dậu 2017
tại nhà riêng Đỗ Chu, làng Niềm Xá – Bắc Ninh**



**Ấm chè tươi và bộ bát uống chè tươi
tại nhà riêng Đỗ Chu, làng Niềm Xá - Bắc Ninh**



**Phòng làm việc - nơi nhà văn Đỗ Chu sáng tác
tại nhà riêng Đỗ Chu, làng Niềm Xá – Bắc Ninh**